

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH TRIẾT HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đắk Lắk, tháng 11- 2021

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Nguyễn Thanh Trúc	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Nguyễn Văn Nam	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	TS. Nguyễn Thị Tĩnh	Trưởng khoa	Phó Chủ tịch	
4	ThS. Vũ Thị Việt Anh	Trưởng bộ môn	Thư ký	
5	TS. Phạm Hữu Khánh	Phòng Đào tạo đại học	Thành viên	
6	ThS. Huỳnh Văn Quốc	Phòng Quản lý chất lượng	Thành viên	
7	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng	Đại diện Hội đồng KH&ĐT	Thành viên	
8	PGS.TS. Lê Đức Niêm	Đại diện Hội đồng Trường	Thành viên	
9	ThS. Phạm Quốc Duy	Phòng Cơ sở vật chất	Thành viên	
10	TS. Phạm Trọng Lượng	Phòng Công tác sinh viên (CTSV)	Thành viên	
11	TS. Văn Tiến Dũng	Phòng KH&QHQT	Thành viên	
12	ThS. Ngô Thị Hiếu	Phòng Tổ chức cán bộ	Thành viên	
13	TS. Nguyễn Khắc Trinh	Phó trưởng khoa	Thành viên	
14	ThS. Nguyễn Thị Hải Yến	Phó Trưởng bộ môn (BM)	Thành viên	
15	ThS. Trịnh Thị Thủy	Phó Trưởng BM	Thành viên	
16	TS. Nguyễn Minh Hải	Trưởng BM	Thành viên	
17	ThS. Nguyễn Thị Khuyên	Phó Trưởng BM	Thành viên	
18	TS. Đặng Nguyên Hà	Giảng viên	Thành viên	
19	ThS. Nguyễn Đình Huân	Giảng viên	Thành viên	
20	ThS. Phạm Phương Anh	Giảng viên	Thành viên	
21	SV Y – Smon Bkrông	Sinh viên Triết học 2017	Thành viên	

MỤC LỤC

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ.....	1
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	5
1.1. Đặt vấn đề.....	5
1.2. Tổng quan chung.....	9
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	18
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	18
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	26
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	34
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	44
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.....	54
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	68
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	98
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	108
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	128
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	141
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	158
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	178
1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT ngành Triết học	178
2. Điểm tồn tại.....	183
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng.....	187
PHẦN IV. PHỤ LỤC	191

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1.	BGDĐT	Bộ giáo dục đào tạo
2.	BGH	Ban giám hiệu
3.	CBVC	Cán bộ viên chức
4.	CĐR	Chuẩn đầu ra
5.	CNTT	Công nghệ thông tin
6.	CTDH	Chương trình dạy học
7.	CTĐT	Chương trình đào tạo
8.	CVHT	Cổ vấn học tập
9.	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
10.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
11.	ĐHTN	Đại học Tây Nguyên
12.	ĐT	Đào tạo
13.	GDQP	Giáo dục quốc phòng
14.	GDTC	Giáo dục thể chất
15.	GV	Giảng viên
16.	KH	Khoa học
17.	KH – ĐT	Khoa học - đào tạo
18.	KHCN	Khoa học công nghệ
19.	KT-XH	Kinh tế - xã hội
20.	LLCT	Lý luận chính trị
21.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
22.	NLCBCNMLN	Bộ môn Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin
23.	NH	Người học
24.	NLĐ	Người lao động
25.	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
26.	QLCL	Quản lý chất lượng
27.	SV	Sinh viên
28.	TCCB	Tổ chức cán bộ
29.	TĐG	Tự đánh giá

30.	TH	Triết học
31.	TNSM	Tâm nhìn sứ mệnh

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

a. Tóm tắt

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT (chương trình đào tạo) ngành Triết học (TH) bao gồm 3 phần chính và phụ lục

- Phần I. Khái quát

Phần này bao gồm việc mô tả tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành TH, cấu trúc và nội dung chính của báo cáo tự đánh giá theo các tiêu chuẩn; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá.

- Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Bao gồm:

- (1). Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể.
- (2). Nêu những điểm mạnh của tiêu chí trong CTĐT ngành TH.
- (3). Những tồn tại của tiêu chí trong CTĐT ngành TH.
- (4). Kế hoạch hành động (những việc cần làm nhằm khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh, kèm theo những biện pháp cần thực hiện.
- (5). Tự đánh giá

- Phần III. Kết luận

Khái quát lại những điểm mạnh, điểm cần phát huy của CTĐT TH, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá

- Phần IV. Phụ lục

- + CSDL (cơ sở dữ liệu) kiểm định chất lượng CTĐT;
- + Các quyết định và văn bản liên quan khác;
- + Danh mục minh chứng.

*** Cách mã hóa minh chứng:** Mỗi tiêu chí tự đánh giá có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4

H8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8

H10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

b) Mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá chương trình đào tạo, phương pháp và công cụ đánh giá

- Mục đích tự đánh giá ngành TH

Tự đánh giá ngành TH được thực hiện nhằm mục đích nâng cao hiệu quả, chất lượng ĐT ngành TH nói riêng và chất lượng ĐT toàn trường nói chung. Quá trình tự đánh giá giúp khoa Lý luận chính trị, BM NLCBCNMLN (bộ môn quản lý ngành) tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do BGD&ĐT ban hành để tự nhìn nhận, báo cáo về chất lượng hiệu quả hoạt động ĐT, nghiên cứu khoa học, nhân lực, CSVC (cơ sở vật chất), cũng như các vấn đề liên quan khác. Trên cơ sở nhìn nhận đúng điểm mạnh, điểm tồn tại, báo cáo tự đánh giá đã nêu ra kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng ĐT ngành TH trong thời gian tới. Báo cáo tự đánh giá CTĐT cũng đã cung cấp cái nhìn tổng thể về trường Đại học Tây Nguyên (ĐHTN) và khoa Lý luận chính trị thông qua những hoạt động và chính sách chất lượng cụ thể.

- Quy trình tự đánh giá ngành TH

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT (cấp trường và cấp khoa, bộ môn), BM NLCBCNMLN, khoa Lý luận chính trị đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành TH, tổ chức các cuộc họp theo khoa, bộ môn và thành phần hội đồng tự đánh giá, ban thư ký tự đánh giá CTĐT ngành TH để phổ biến kế hoạch và phân công công việc rõ ràng theo những mảng công việc chính như: Thu thập, phân tích minh chứng; viết dự thảo báo cáo tiêu chuẩn; viết dự thảo báo cáo tổng

hợp; duyệt dự thảo báo cáo; lưu giữ minh chứng...Khoa giao cho trưởng bộ môn phụ trách chính công tác kiểm định làm đầu mối xử lý thông tin giúp Ban Lãnh đạo Khoa cập nhật báo cáo. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong Khoa. Quy trình cụ thể:

Bước	Nội dung	Chịu trách nhiệm chính	Chịu trách nhiệm phối hợp	Sản phẩm
1	Công bố chương trình đào tạo tự đánh giá	Đảng ủy, BGH (Ban giám hiệu). Khoa LLCT	Phòng QLCL, HCTH, CTSV, KHTC, Đoàn	- Nghị quyết, họp giao ban, bản tin nhà trường
2	Thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT (Thực hiện theo Điều 7 của Thông tư 38/2013) - Số lượng các thành viên hội đồng là 21 thành viên - Thư ký Hội đồng gồm 6 thành viên	P.TCCB	Khoa LLCT P.QLCL, P.TCCB	- Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành TH, ban thư ký và các nhóm chuyên trách
3	Lập kế hoạch tự đánh giá	Khoa LLCT	Hội đồng TĐG CTĐT ngành TH	- Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành TH, phân công nhiệm vụ rõ ràng, xác định mốc thời gian và công việc cần hoàn thành
4	Phân tích tiêu chuẩn, tiêu chí theo công văn 1669/QLCL-KĐCLGD và công văn 1074/KTKĐCLGD-	Thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành TH	Thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành TH, Ban thư ký	- Đưa ra được bộ minh chứng cần thiết theo tiêu chuẩn tiêu chí đặc thù của ngành đào tạo TH

	KĐĐH để tìm thông tin, minh chứng			
5	Thu thập minh chứng	Khoa LLCT	Thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành TH, Ban thư ký và các đơn vị có liên quan	- Thông báo về việc thu thập minh chứng, cách thức thu thập và các đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp minh chứng, thời gian cung cấp minh chứng - Danh sách minh chứng kèm theo
6	Mã hóa minh chứng	Ban thư ký	- Thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành TH, ban thư ký	Danh mục minh chứng
7	Đánh giá tiêu chí	Thành viên Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành TH	Thư ký	- Phiếu đánh giá tiêu chí
9	Viết báo cáo tự đánh giá CTĐT	Trưởng ban thư ký	Thư ký	- Tổng hợp chỉnh sửa và hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá theo cấu trúc báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định
10	Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ đơn vị thực hiện CTĐT và nội bộ cơ sở	Khoa LLCT	BGH, Sinh viên, Giảng viên và các đơn vị	- Thông báo - Mẫu góp ý - Dự thảo báo cáo

	giáo dục để góp ý trong vòng 2 tuần			
11	Triển khai các hoạt động cải tiến sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá	Hiệu trưởng	- P. QLCL - Các đơn vị trong Trường	- Kế hoạch cải tiến - Báo cáo cải tiến

Phương pháp, công cụ tự đánh giá CTĐT ngành TH:

Dựa vào từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGD&ĐT ban hành. Đặc biệt, căn cứ theo Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (Kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng).

Đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, Khoa đã tiến hành xem xét theo các bước sau đây:

- Mô tả để làm rõ thực trạng của CTĐT ngành TH theo từng tiêu chí; chỉ ra điểm mạnh, tồn tại để từ đó đi đến những nhận định đánh giá cuối cùng;
- Xây dựng kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại, phát huy điểm mạnh, hoạch định rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện.

1.2. Tổng quan chung

Trường Đại học Tây Nguyên được thành lập theo Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường Đại học Tây Nguyên ra đời là một sự kiện chính trị trọng đại đối với đồng bào các dân tộc vùng Tây Nguyên, tỉnh Đắk Lắk nói riêng và nhân dân cả nước nói chung. Sự ra đời của Nhà trường là một tất yếu lịch sử phù hợp thống nhất giữa chủ trương của Đảng và Nhà nước với nguyện vọng thiết tha của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Tây Nguyên.

Đến nay, Trường Đại học Tây Nguyên đã trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển. Những bước phát triển của Trường đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm gắn liền với sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo cùng với sự phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của đất nước.

Khi mới thành lập (11/11/1977), Trường Đại học Tây Nguyên chỉ có 06 bộ phận đảm nhiệm các công tác về Đảng, tổ chức, tuyển sinh, tài vụ, cơ sở vật chất và 04 khoa chuyên môn với 06 ngành đào tạo (Chăn nuôi thú y, Lâm sinh, Trồng trọt, Sư phạm Toán, Sư phạm Văn và Y đa khoa) với đội ngũ 98 cán bộ, giảng viên và 215 SV; CSVC khá nghèo nàn, chưa có hoạt động NCKH.

Giai đoạn 1979 - 1985: Cơ cấu Nhà trường gồm 06 phòng ban chức năng, 04 khoa chuyên môn và bộ môn trực thuộc với đội ngũ 236 người (trong đó 136 giảng viên) vào năm 1980, 334 người (140 giảng viên) vào năm 1985 và tuyển sinh được 180 SV/năm. Cùng với hoạt động đào tạo, giai đoạn này Nhà trường bắt đầu tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học. Các đề tài nghiên cứu trong giai đoạn này có tính thực tiễn cao, tập trung vào nghiên cứu đặc điểm con người, điều kiện tự nhiên, tiềm năng kinh tế của các tỉnh Tây Nguyên,... góp phần làm căn cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên.

Giai đoạn 1986-2001:

Trên nền tảng cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà trường, đồng thời do yêu cầu phát triển về quy mô đào tạo của Trường ngày càng mở rộng, đòi hỏi cơ cấu tổ chức của Trường cũng phải hoàn thiện hơn. Giai đoạn 1986 - 2001, các khoa đào tạo của Trường Đại học Tây Nguyên gồm có 6 khoa: Khoa Sư phạm, Khoa Y-Dược, Khoa Nông nghiệp, Khoa Lâm nghiệp, Khoa Dự bị tạo nguồn và Khoa Kinh tế và bộ môn trực thuộc: Bộ môn Mác – Lênin. Trong mỗi khoa đào tạo có các tổ bộ môn. Khoa Sư Phạm có bộ môn Toán tin, Ngữ Văn, Khoa học xã hội, Ngoại ngữ...; Khoa Y Dược có tổ bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Vi ký sinh...; Khoa Lâm nghiệp có các tổ bộ môn: Chăn nuôi, Thú y,... Quy mô đào tạo ngày càng mở rộng cả về ngành nghề và số lượng người học. Tháng 7/2001, kỳ thi tuyển đại học, Trường đã tuyển được 1.130 sinh viên cho 16 chuyên ngành đào tạo chính quy, trong đó 158 học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số, chiếm 14%. Cũng trong năm 2001, tuyển sinh không chính quy được 108 học viên thuộc các chuyên ngành: Trồng trọt, Lâm sinh và Chăn nuôi - Thú y.

Giai đoạn 2002 - 2019: Nhà trường đã có sự phát triển rõ rệt qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển. Bộ máy tổ chức Nhà trường gồm: ĐU, BGH, HDT, 10 phòng chức năng, 11 đơn vị đào tạo, 03 trung tâm phục vụ đào tạo, 02 đơn vị nghiên cứu, đào tạo và 03 đơn vị thực hành. Tính đến hết tháng 11/2019, tổng số CCVC toàn trường là 675 người (kể cả 08 cán bộ biệt phái). Trong đó có: 294 nam và 381 nữ; 30 dân tộc thiểu số, cụ thể: Giáo

sur: 02; Phó GS-TS: 19; Tiến sĩ: 68; Thạc sĩ: 291; Bác sĩ chuyên khoa II: 03; Bác sĩ chuyên khoa I: 08; Đại học: 203; Cao đẳng: 05; Trung cấp: 31; Sơ cấp và chưa qua đào tạo: 45. Nhà trường hiện đang đào tạo 04 chuyên ngành tiến sĩ, 11 ngành thạc sĩ, 01 ngành chuyên khoa cấp I, 36 chuyên ngành đại học và 09 chuyên ngành liên thông từ cao đẳng lên đại học hệ chính quy và 19 chuyên ngành hệ VLVH, 09 chuyên ngành liên thông từ trung cấp lên đại học hệ chính quy và 10 chuyên ngành ở hệ VLVH với quy mô gần 10.000 người gồm NCS, học viên cao học, SV và học sinh (hệ chính quy và hệ VLVH). Đến nay, Trường ĐHTN đã triển khai hơn 32 dự án quốc tế. Các dự án đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của chính quyền địa phương trong nâng cao hiệu quả sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho một bộ phận không nhỏ người dân địa phương và đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở các vùng sâu, vùng xa và đào tạo một số lượng lớn cán bộ kỹ thuật, CGCN, tạo điều kiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, góp phần phát triển KT-XH một cách bền vững. Ký kết 18 biên bản hợp tác và ghi nhớ với đối tác quốc tế là các trường, viện nghiên cứu hàng đầu của các nước có trình độ KHCN tiên tiến, hiện đại như Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Hà Lan... Đặc biệt, từ năm 2008 đã tiếp nhận đào tạo, hướng dẫn thực tập cho SV nước ngoài như: Lào, Mexico, Pháp, Đức, Hàn Quốc,.. Với những thành tựu đạt được, Trường ĐHTN đã được tặng nhiều danh hiệu cao quý như: Huân chương lao động hạng Ba (năm 1985), Huân chương lao động hạng Nhì (năm 1997), Huân chương lao động hạng Nhất (năm 2007), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2012) và nhiều Bằng khen của Hội đồng Bộ trưởng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2019, Trường Đại học Tây Nguyên đã ban hành Quyết định khẳng định rõ tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, mục tiêu chiến lược và triết lý giáo dục:

- **Tầm nhìn:** “Đến năm 2030, Trường Đại học Tây Nguyên là trường đại học đào tạo đa lĩnh vực, có uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mang tầm quốc gia trong các lĩnh vực: Y tế, Giáo dục, Nông - Lâm nghiệp, Môi trường, Kinh tế, Tự nhiên và Xã hội; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội”.

- **Sứ mạng:** “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”.

- **Giá trị cốt lõi:** “Sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học; Chất lượng giáo dục là mục tiêu hàng đầu; Hội nhập và hợp tác quốc tế là giá trị cho sự phát triển”.

- **Mục tiêu chiến lược:** “Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, cơ sở vật chất hiện đại, chương trình đào tạo tiên tiến; Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị Nhà trường; Kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc”.

- **Triết lý giáo dục:** ”Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học”.

Các chính sách và hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường

Căn cứ vào tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển, Nhà trường xây dựng chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ phù hợp với các mục tiêu giáo dục đề ra. Trường ĐHTN thông qua các phòng ban chức năng, đã thiết lập hệ thống để xây dựng hệ thống văn bản quy chế, quy định nội bộ, để từng bước chuẩn hóa hoạt động quản lý của Nhà trường. Theo đó, phòng ĐTĐH và phòng ĐTSĐH nghiên cứu, xây dựng chính sách về đào tạo, phòng KHQHQT nghiên cứu, xây dựng chính sách về NCKH, phòng CTSV nghiên cứu, xây dựng chính sách về PVCĐ. Bên cạnh đó, Nhà trường giao nhiệm vụ cho các Khoa, Viện, Trung tâm, các tổ chức đoàn thể như Công Đoàn, ĐTN, HSV tham gia góp ý trong quá trình các phòng ban chức năng xây dựng chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, sự phân công này thể hiện cụ thể trong chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTN. Căn cứ hệ thống văn bản hướng dẫn của Nhà nước, Bộ GDĐT, các Bộ ngành tương đương và tình hình thực tế của Nhà trường, thông qua nghị quyết ĐU và nghị quyết của HĐT, ĐU, BGH chỉ đạo các đơn vị chức năng chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ lập kế hoạch xây dựng các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ. Khi xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, Nhà trường ra quyết định thành lập Ban soạn thảo, chỉ đạo xây dựng, rà soát chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban chỉ đạo xây dựng, rà soát, cải tiến chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ Trường ĐHTN. Bên cạnh đó, trong giai đoạn vừa qua, Nhà trường chú trọng công tác bồi dưỡng, cử CBVC tham gia các khóa tập huấn, hội thảo về xây dựng chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Về chính sách đào tạo, căn cứ các văn bản pháp quy của Bộ GDĐT, Nhà trường xây dựng và ban hành ban hành hệ thống quy chế, quy định, chính sách thực hiện công tác đào tạo: Quy chế học vụ, quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quy chế ĐTĐH, cao

đăng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ năm 2019, Quy chế chi tiêu nội bộ; quy định chế độ làm việc GV; quy định học phí các hệ đào tạo hằng năm. Các chính sách liên quan đến SV: chính sách học bổng cho SV, chính sách miễn, giảm học phí đối với SV. Đối với chính sách NCKH, trên cơ sở là các văn bản pháp quy của Chính phủ và của Bộ GDĐT, Nhà trường xây dựng các chính sách về NCKH và ban hành các quy chế, quy định, các văn bản hướng dẫn công việc liên quan đến các chính sách về NCKH, trong đó có các quy định về vấn đề SHTT, các quy tắc đạo đức trong NCKH, trong CGCN và HTQT như: quy định quản lý đề tài NCKH của CBGV, nhân viên và học sinh SV. Ngoài các chính sách về đào tạo, NCKH, Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý các hoạt động kết nối, PVCD của Trường ĐHTN, chính sách hỗ trợ đối với SV với nhiều hoạt động phong phú như: hoạt động hỗ trợ SV tìm việc làm, tư vấn hỗ trợ học vụ tư vấn hướng nghiệp, hoạt động PVCD như mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, phong trào SV tình nguyện, hợp tác liên kết đào tạo, đào tạo và cấp chứng chỉ nâng hạng cho giáo viên các cấp, chứng chỉ công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo. Thông qua tại cuộc họp giao ban định kỳ, dựa trên cơ sở thống nhất tại cuộc họp, Nhà trường ban hành các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD. Sau khi được ban hành, Nhà trường đã công bố, phổ biến rộng rãi các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD gửi văn bản ban hành các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD theo email nội bộ của CBGV, NV trong toàn trường cũng như công khai các chính sách này trên website của Nhà trường, để toàn thể CBGV, NV và SV biết và thực hiện.

Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản hóa, phổ biến và thực hiện Nhà trường phân công các đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện về chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được thể hiện cụ thể trong chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của các đơn vị trực thuộc Trường ĐHTN. Theo đó, phòng ĐTDH, phòng ĐTSDH, phòng KHQHQT, phòng CTSV phối hợp với Công Đoàn, ĐTN, HSV được phân công có nhiệm vụ theo dõi tự giám sát việc thực hiện chính sách ban hành của đơn vị mình và được quy định cụ thể trong chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị. Đồng thời, Nhà trường phân công phòng TTPC thực hiện nhiệm vụ giám sát, thanh kiểm tra việc thực thi chính sách của các đơn vị chuyên trách. Thông qua nghị quyết của ĐU và HĐT về việc quán triệt và triển khai các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD, công tác giám sát sự tuân thủ thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD được Nhà trường thực hiện một cách thường xuyên thông qua các

cuộc họp giao ban tháng, các cuộc họp chuyên đề của Nhà trường. Thông qua các cuộc họp này, Nhà trường rà soát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, các đơn vị trình bày những khó khăn và đề xuất những kiến nghị trong việc triển khai thực hiện các chính sách, trên cơ sở đó, Nhà trường quyết định các biện pháp hoặc điều chỉnh các chính sách cho phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng kế hoạch ĐBCLGD hằng năm, ban hành chính sách chất lượng và thành lập hệ thống mạng lưới ĐBCLGD của Trường ĐHTN nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược, rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định về HĐĐT, NCKH và PVCĐ trong Nhà trường. Ngay từ đầu năm học Nhà trường xây dựng kế hoạch ĐBCLGD hằng năm, triển khai nội dung thực hiện liên quan đến các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của các phòng ban chức năng trong toàn Trường. Hằng năm, nhằm thực hiện nhiệm vụ giám sát sự tuân thủ thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ trong Nhà trường, phòng TTPC xây dựng kế hoạch công tác thanh tra năm học trong toàn trường thực hiện kiểm tra, thanh tra nội bộ để có biện pháp khắc phục, phòng ngừa phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, nội quy quy chế của Nhà trường, công tác này được phòng TTPC thực hiện và báo cáo tổng kết hằng năm. Nhà trường áp dụng nhiều hình thức và tổ chức nhiều hoạt động phổ biến các quy định về việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường đến các bên liên quan bên trong và bên ngoài Nhà trường. Các chính sách này được phổ biến đến toàn bộ CBVC, GV, SV trong toàn trường thông qua hệ thống email nội bộ, thông qua đường công văn và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Nhà trường. Hoạt động theo dõi, giám sát các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản để phổ biến đến các bên liên quan như: đối với HĐĐT, Nhà trường thực hiện giám sát thông qua quy chế học vụ đại học hệ chính quy, quy định về việc mở ngành học mới, xây dựng CTĐT, xây dựng CĐR, xây dựng ĐCCT môn học, quy định tạm thời về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi, quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Nhà trường; quy định về việc thực hiện khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp của Nhà trường; quy định năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng mềm của SV tốt nghiệp đại học và cao đẳng, quy định về hoạt động giảng dạy; quy định nhiệm vụ và quyền hạn của GV kiêm nhiệm cố vấn học tập; quy định về việc cấp phát và lưu trữ văn bằng chứng chỉ, lưu trữ CSDL về HĐĐT, việc xác minh các văn bằng chứng chỉ, tình hình SV tốt nghiệp, việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.... Đối với hoạt động NCKH, Nhà

trường thực hiện việc giám sát thông qua quy định biên soạn, lựa chọn, thẩm định, xuất bản, phát hành, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu học tập, quy định hoạt động NCKH của GV, chế độ làm việc cho GV nghiên cứu, việc chấp hành và thực hiện quy định về hoạt động NCKH của CBGV và SV, tỷ lệ kinh phí dành cho hoạt động NCKH. Đối với hoạt động PVCĐ, Nhà trường giám sát việc chủ động xây dựng kế hoạch, ký kết thực hiện các hoạt động hỗ trợ và PVCĐ từ nguồn kinh phí Nhà trường. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch ngân sách dành kinh phí hỗ trợ tài chính và các điều kiện để các tổ chức đoàn thể như Công Đoàn, ĐTN, HSV thực hiện các hoạt động PVCĐ. Định kỳ hằng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo về việc triển khai thực hiện giám sát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, công tác giám sát việc tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường được thể hiện thông qua báo cáo các báo cáo tổng kết hằng năm của các đơn vị chức năng, báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, báo cáo công tác ĐBCLGD hằng năm. Ngoài ra, Ban Thanh tra nhân dân Trường thực hiện báo cáo hằng năm về công tác thực hiện giám sát các hoạt động về đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong Trường, công bố công khai kết quả tới CBVC tại Hội nghị CBVC hằng năm. Hằng năm, căn cứ vào nghị quyết ĐU đã đề ra, ĐU Trường thực hiện báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo của Đảng bộ năm học vừa qua và đề ra phương hướng trong năm học mới trong đó có công tác về việc thực hiện giám sát các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ. Bên cạnh đó, Nhà trường, Khoa đào tạo tổ chức cuộc họp “Hội nghị Đối thoại SV” hằng năm, ghi nhận những phản hồi từ phía người học về toàn bộ các chương trình học, cơ chế chính sách dành cho người học để kịp thời thực hiện sự rà soát, điều chỉnh và bổ sung trong hoạt động của Nhà trường.

Khoa Lý luận chính trị

Ngày 11/11/1977, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 298/CP thành lập Trường Đại học Tây Nguyên. Bộ môn Mác - Lênin được Hiệu trưởng thành lập với nhiệm vụ chủ yếu là giảng dạy các học phần Lý luận Mác - Lênin.

Ngày 27/11/2002, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra Quyết định số 5807/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập Khoa Mác - Lênin trực thuộc Trường Đại học Tây Nguyên.

Năm 2004, Khoa Mác-Lênin được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo đại học hệ chính qui ngành Giáo dục chính trị. Năm 2007, được phép đào tạo đại học hệ chính qui ngành TH.

Ngày 24/6/2009, Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên ra Quyết định số 807/QĐ-ĐHTN-TCCB, đổi tên Khoa Mác - Lênin thành Khoa Lý luận chính trị.

Hiện nay, tổng số cán bộ viên chức của khoa là 17, trong đó: 11 nữ, 6 nam; có 16 giảng viên, 01 chuyên viên; trong số giảng viên có 7 tiến sĩ, 7 thạc sĩ, 2 cử nhân (3 giảng viên đang làm NCS, 2 giảng viên đang học cao học).

Ban Chủ nhiệm khoa có 2 cán bộ, 1 PTK phụ trách, 1 PTK. Khoa có 2 Bộ môn: Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có 2 trưởng bộ môn, 01 phó trưởng bộ môn. Trợ lý có 2 người, 1 trợ lý chuyên trách, 1 trợ lý kiêm nhiệm. Có 4 cố vấn học tập.

Khoa Lý luận chính trị có chức năng quản lý hành chính và chuyên môn giúp Hiệu trưởng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học - công nghệ thuộc lĩnh vực chuyên môn và một số hoạt động khác. Nhiệm vụ cụ thể:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo toàn khóa, từng năm học.
- Tổ chức thực hiện mục tiêu kế hoạch đào tạo của khoa; đề xuất ý kiến để bổ sung hoàn chỉnh mục tiêu đào tạo theo ngành học; triển khai nghiên cứu khoa học theo kế hoạch. Quản lý chuyên môn và chất lượng đào tạo theo quy định của nhà trường.
- Tổ chức, chỉ đạo các bộ môn hoạt động chuyên môn.
- Quản lý đội ngũ cán bộ viên chức trong khoa; xây dựng quy hoạch, kế hoạch bồi dưỡng đào tạo cán bộ viên chức; giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ viên chức và học sinh sinh viên; phối hợp cùng các phòng, ban chức năng thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức và sinh viên trong khoa.
- Phối hợp với Hội đồng tuyển sinh thực hiện công tác tuyển sinh hằng năm.
- Phối hợp đề xuất mở ngành học, bậc học mới và dừng tuyển sinh các ngành học không còn nhu cầu.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Ngành đào tạo của khoa:

Hiện nay, Khoa đang đào tạo 02 ngành đại học chính qui là Giáo dục chính trị và TH, số lượng 141 sinh viên.

* Ngành Giáo dục chính trị (Political Education)

- Mã ngành: 7140205

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Hình thức tuyển sinh: Thực hiện theo quy định tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Chính trị có thể có được các vị trí làm việc như:

- + Làm giáo viên môn Giáo dục công dân ở các cấp học phổ thông; Giảng viên các môn khoa học Mác-Lênin, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh ở học viện, trường đại học, cao đẳng; Giảng viên các Trường Chính trị cấp tỉnh, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện, thành phố, thị xã, các trường Trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề,...

- + Nghiên cứu viên ở các Viện, Trung tâm nghiên cứu...; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ quan, ban ngành, trong lực lượng vũ trang, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp Nhà nước...

- + Khả năng học tập, nâng cao trình độ: Đủ điều kiện tham dự các khóa đào tạo sau đại học các ngành lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng, quản lý hành chính nhà nước... và các chuyên ngành thuộc khối ngành khoa học xã hội và nhân văn...

*Triết học (Philosophy)

- Mã ngành: 7229001

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Hình thức tuyển sinh: Thực hiện theo quy định tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp: Những người tốt nghiệp ngành TH có thể có vị trí làm việc ở các lĩnh vực như:

- + Giảng dạy, nghiên cứu khoa học TH và các môn lý luận Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp, dạy nghề; Giảng viên các trường chính trị cấp tỉnh, Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, thị xã...

- + Nghiên cứu viên ở các Viện, Trung tâm nghiên cứu...; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ quan, ban ngành, trong lực lượng vũ trang, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp Nhà nước...

- + Khả năng học tập, nâng cao trình độ: Tiếp tục theo học các khóa đào tạo trình độ sau đại học để trở thành những chuyên gia trong các lĩnh vực: Duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, Lịch sử TH, Logic học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Mỹ học, Đạo đức học, Tôn giáo học; có thể tiếp tục nghiên cứu ở một số ngành khoa học tự nhiên và xã hội.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu: CTĐT ngành TH thuộc quản lý chuyên môn của BM NLCBCNMLN, khoa Lý luận chính trị, CTĐT cử nhân TH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung cùng các quy định của Bộ GD&ĐT và các quy định, văn bản hướng dẫn của trường ĐHTN. CTĐT TH đã thể hiện được mục tiêu và CDR liên quan tới kiến thức kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đào tạo, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đào tạo quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Ngành TH của trường ĐHTN được bắt đầu tổ chức đào tạo từ năm 2007. Cho đến nay, CTĐT đã trải qua nhiều lần điều chỉnh, cập nhật để phù hợp với nhu cầu. Mục tiêu của CTĐT ngành TH học được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.01.01.01], và văn bản hướng dẫn của trường ĐHTN [H1.01.01.02].

Mục tiêu chung của CTĐT TH được xác định: Đào tạo cử nhân TH có kiến thức về khoa học cơ bản và kiến thức chuyên sâu về TH đáp ứng được yêu cầu công việc trong tương lai. Rèn luyện cho người học phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Sau khi tốt nghiệp, người học có tiềm lực để học ở các bậc cao hơn, đủ khả năng nghiên cứu khoa học, trở thành cán bộ giảng dạy lý luận chính trị cho các cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ các cơ quan ban, ngành trung ương và địa phương. Từ mục tiêu chung đó, CTĐT ngành TH cũng xác định những mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, về trình độ ngoại ngữ, tin học hướng đến những vị trí việc làm cụ thể sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.03].

Việc xác định mục tiêu của CTĐT ngành TH phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHTN. Trong các tuyên bố về sứ mạng và tầm nhìn đến năm 2030 của trường ĐHTN đều khẳng định vai trò của Nhà trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự

phát triển kinh tế xã hội không chỉ giới hạn vùng Tây Nguyên mà trên cả nước và vươn ra thế giới [H1.01.01.04].

Khi xây dựng CTĐT ngành TH, tổ công tác đã thực hiện lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan [H1.01.01.07], cũng như nhu cầu sử dụng nhân lực của các địa phương [H1.01.01.08]. Tổ công tác cũng đã thực hiện đối sánh với CTĐT TH của 3 cơ sở giáo dục khác là: trường Đại học Cần Thơ, Trường ĐHQG Tp Hồ Chí Minh, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội [H1.01.01.09]. Tổ công tác cũng đã nghiên cứu, lồng ghép tinh thần về sứ mạng, tầm nhìn của trường ĐHTN vào các mục tiêu của CTĐT. Hội đồng khoa học của Trường đã xem xét, thẩm định CTĐT để mục tiêu phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường [H1.01.01.05]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, thành mục tiêu của từng học phần trong ĐCCT, thể hiện sự phù hợp với chuẩn đầu ra qua ma trận kỹ năng [H1.01.01.03].

Với mục tiêu đào tạo cử nhân TH có kiến thức về khoa học cơ bản và kiến thức chuyên sâu về TH đáp ứng được yêu cầu công việc trong tương lai, CTĐT ngành TH đã cụ thể hóa sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định tại Luật giáo dục [H1.01.01.06]. Trong quá trình đào tạo, Nhà trường và các đơn vị chức năng đã có những hỗ trợ thiết thực để đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT, nhất là đối với các mục tiêu chưa được thực hiện tốt trong thực tiễn như mục tiêu về trình độ ngoại ngữ [H1.01.01.10].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành TH đã xác định rõ ràng theo các nội dung: kiến thức, kỹ năng, hướng đến các vị trí làm việc cụ thể của sinh viên sau khi tốt nghiệp, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của trường ĐHTN và Luật giáo dục.

3. Điểm tồn tại

BM quản lý ngành chưa thường xuyên khảo sát thị trường lao động và nhu cầu thực tiễn để điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành TH, mới chỉ thực hiện theo các kế hoạch của nhà trường.

Tỷ lệ sinh viên đạt mục tiêu về trình độ ngoại ngữ, tin học để tốt nghiệp đúng hạn còn thấp.

Trang thông tin điện tử của khoa chưa cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu CTĐT ngành TH

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện khảo sát thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành TH	BM NLCBCNMLN, phòng quản lý chất lượng	Trước tháng 12 năm 2022
		Tiếp tục có những hoạt động hỗ trợ sinh viên đạt mục tiêu về trình độ ngoại ngữ, tin học	BM NLCBCNMLN, Trung tâm Ngoại ngữ tin học và các đơn vị có liên quan	Hàng năm
		Bổ sung, hoàn thiện những thông tin về CTĐT ngành TH trên trang web của khoa	BM NLCBCNMLN, quản lý khoa phụ trách trang web	Trước tháng 12 năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật điều chỉnh mục tiêu của CTĐT	BM NLCBCNMLN và các đơn vị có liên quan	Định kỳ 2 năm 1 lần

5. Tự đánh giá:

Tự đánh giá tiêu chí 1.1: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH được xây dựng dựa trên các văn bản quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo về yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.01] và các quy định của trường ĐHTN [H1.01.01.02]. Tổ công tác cập nhật, đánh giá CTĐT đã khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan cũng như phân tích

điều kiện kinh tế - xã hội để đảm bảo chuẩn đầu ra phản ánh được yêu cầu của thực tiễn đối với người học [H1.01.01.07].

CĐR của CTĐT ngành TH đã được xác định rõ ràng với 14 chuẩn đầu ra, phản ánh năng lực của người học ở cả ba yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H1.01.01.03], phản ánh rõ sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về cả khoa học tự nhiên và xã hội [H1.01.01.04]. CĐR của CTĐT ngành TH cũng được cụ thể hóa ở chuẩn đầu ra của từng học phần. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện sự đóng góp của các học phần trong việc thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT [H1.01.01.03]. CĐR của CTĐT TH đã được phổ biến rộng rãi tới giảng viên thông qua các cuộc họp xây dựng CTĐT [H1.01.02.01], [H1.01.01.05]. Với việc thiết kế rõ ràng chuẩn đầu ra của CTĐT theo từng lĩnh vực kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp cho người học và người dạy xác định rõ mục tiêu trong quá trình giảng dạy và học tập.

CĐR của CTĐT TH bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Với từng nội dung kiến thức, kỹ năng đều có những yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt cho chuyên ngành. Cụ thể: Về kiến thức, CTĐT ngành TH xác định 3 chuẩn đầu ra về kiến thức chung, bao gồm kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kiến thức về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng, về anh văn và tin học. Nếu những chuẩn đầu ra về kiến thức chung xác định những yêu cầu chung thì chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn xác định những yêu cầu đặc thù của sinh viên ngành TH. Đó là những kiến thức chuyên sâu về về Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử ĐCS Việt Nam, những kiến thức về đặc thù văn hóa, tư tưởng của Việt Nam, về một số phân ngành của TH. Việc xác định chuẩn đầu ra về kỹ năng cũng được thực hiện theo các yêu cầu tương ứng của chuẩn đầu ra về kiến thức [H1.01.01.01],

Các học phần cũng được thiết để đảm bảo chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH vừa bao quát được những yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt. Đặc biệt, trong CTĐT ngành TH có những học phần thể hiện được nét đặc thù của vùng, phù hợp với đặc thù về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, như học phần *Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên* [H1.01.01.03]

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành TH được xác định rõ ràng theo từng nội dung từ những yêu cầu chung đến yêu cầu chuyên biệt,

CĐR của CTĐT ngành TH thể hiện được những nét đặc thù của vùng và công việc sau khi tốt nghiệp của người học.

3. Điểm tồn tại

Trong những năm gần đây, còn tồn tại một số SV không ra trường đúng hạn do không đạt những yêu cầu chung trong chuẩn đầu ra, đặc biệt là điều kiện về chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

Trang thông tin điện tử của khoa chưa cung cấp đầy đủ thông tin về chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục có những hoạt động hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ, tin học	BM NNLCBCCNMLN, Trung tâm Ngoại ngữ tin học và các đơn vị có liên quan	Hàng năm
		Bổ sung, hoàn thiện những thông tin về chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH trên trang web của khoa	BM NLCBCNMLN, quản lý khoa phụ trách trang web	Trước tháng 12 năm 2021
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT, nghiên cứu để đưa vào ĐCCT một số học phần những nội dung mang đặc thù của khu vực Tây Nguyên	BM NLCBCNMLN và các đơn vị có liên quan	Định kỳ 2 năm 1 lần

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 1.2: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

Từ năm 2016 đến 2021, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH đã được chỉnh sửa, hoàn thiện cùng với việc rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT [H1.01.03.01], [H1.01.01.02] theo định kỳ 2 năm 1 lần, vào năm 2018 và 2020. Việc xây dựng chuẩn đầu ra đã có sự tham khảo ý kiến các bên liên quan để chuẩn đầu ra ngày càng phản ánh chính xác hơn yêu cầu của xã hội và các bên liên quan [H1.01.01.07], [H1.01.02.01], [H1.01.01.05].

Cụ thể: năm 2020, khi xây dựng chuẩn đầu ra ngành TH, tổ công tác đã khảo sát 100% sinh viên năm thứ 4, chuyên ngành TH. Đây là đối tượng trực tiếp thực hiện chuẩn đầu ra của ngành TH. Kết quả có 90% đồng ý với những nội dung của chuẩn đầu ra, cho rằng chuẩn đầu ra đã đáp ứng nhu cầu xã hội. Bên cạnh đó, việc khảo sát cũng được thực hiện với giảng viên, cựu sinh viên, cơ quan tiếp nhận thực tập, đơn vị tuyển dụng lao động. Về cơ bản, các bên liên quan đã đánh giá sự phù hợp giữa chuẩn đầu ra với kỳ vọng của người học và xã hội. Tuy nhiên, đối với một số nhà tuyển dụng lao động thuộc khối cơ quan, đơn vị thuộc khối Đảng, chính quyền, đoàn thể, việc đánh giá chuẩn đầu ra về cơ bản là phù hợp nhưng cho rằng, các cựu sinh viên của khoa ban đầu có những bất ngờ trong công việc, đề xuất cần tăng cường các học phần cung cấp kiến thức công nghệ thông tin, ngoại ngữ, nghiệp vụ công tác Đảng, đoàn thể. Trên cơ sở đó, khi xây dựng CTĐT, Nhà trường và Khoa, BM đã có sự điều chỉnh một số học phần (như tăng tín chỉ các học phần tiếng Anh) để đảm bảo chuẩn đầu ra được thực hiện đầy đủ.

CĐR của CTĐT ngành TH cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo các CTĐT Triết học của các cơ sở đào tạo trong nước như trường Đại học Cần Thơ, Trường ĐHQG Tp Hồ Chí Minh, Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội [H1.01.01.09]. Sau khi hoàn thiện dự thảo, chuẩn đầu ra đã được góp ý tại cấp bộ môn (Biên bản họp BM để xây dựng chuẩn đầu ra ngành TH), cấp khoa (Biên bản họp hội đồng khoa về cập nhật, đánh giá CTĐT) và cấp trường (Biên bản họp Hội đồng Khoa học và đào tạo xem xét, thông qua các nội dung sửa đổi, cập nhật CTĐT ngành TH). Trên cơ sở góp ý, tổ công tác xây dựng chuẩn đầu ra đã hoàn thiện và được Hiệu trưởng phê duyệt, ra quyết định thực hiện.

CĐR của CTĐT ngành TH được xây dựng phù hợp với mục tiêu của CTĐT, được cụ thể hóa qua chuẩn đầu ra của các học phần. Điều đó được thể hiện qua ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT [H1.01.01.03].

CĐR được công bố công khai cho sinh viên khi mới vào học, thông qua việc tổ chức các buổi chào đón tân sinh viên. Trong mỗi học kỳ, Nhà trường đều lấy ý kiến đánh giá của SV đối với việc giảng dạy về CTĐT, nội dung và phương pháp giảng dạy của các học phần ... Khi xét tốt nghiệp cho sinh viên ngành Triết, hội đồng xét tốt nghiệp của khoa cũng có dự nhìn nhận, đánh giá tỷ lệ và phân loại tốt nghiệp, bước đầu tìm ra những nguyên nhân của điểm mạnh và hạn chế trong việc thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1.1. Bảng so sánh kết quả xếp loại đối với sinh viên ngành Triết học tốt nghiệp lần đầu giai đoạn 2016 – 2020

DVT: %

TT	Niên khóa	Tổng số sinh viên	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB
1	2012-2016	16	0	0	25	6.25
2	2013-2017	24	0	0	29.1	8.3
3	2014-2018	29	0	0	27.57	6.89
4	2015-2019	27	0	0	7.4	0
5	2016-2020	10	0	0	20	0

Nguồn: Tổng hợp từ phần mềm quản lý điểm của Trường

Việc khảo sát, phản hồi, đánh giá chính là một cơ sở quan trọng để BM, Khoa có những điều chỉnh nhằm giúp chuẩn đầu ra ngày càng phù hợp hơn với mong muốn của người học.

2. Điểm mạnh

CĐR CTĐT ngành TH được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất.

CĐR được xây dựng trên cơ sở khảo sát ý kiến của các bên liên quan, từng bước điều chỉnh phù hợp với mong muốn của các bên và yêu cầu của xã hội.

CĐR được rà soát và điều chỉnh định kỳ.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát thị trường lao động và nhu cầu thực tiễn để điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH chưa được thực hiện thường xuyên, mới chỉ thực hiện theo các kế hoạch của nhà trường.

Trang thông tin điện tử của khoa chưa cung cấp đầy đủ thông tin về chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH.

Tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của sinh viên TH ở mức khá, giỏi không cao và chưa có sự thay đổi theo hướng tích cực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Thực hiện khảo sát thị trường lao động liên quan đến chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH - Bổ sung, hoàn thiện những thông tin về chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH trên trang web của khoa - Đẩy mạnh việc hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên trong quá trình học	Phòng quản lý chất lượng BM NLCBCNLN Quản lý khoa phụ trách trang web và các đơn vị có liên quan	Trước tháng 12 năm 2022 Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT, thường xuyên liên kết chặt chẽ với các cơ sở tiếp nhận sinh viên TH thực tập và các đơn vị tuyển dụng lao động để điều chỉnh	BM NLCBCNMLN và các đơn vị có liên quan	Định kỳ 2 năm 1 lần

		chuẩn đầu ra phù hợp với nhu cầu xã hội.		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 1.3: Đạt (mức 4,5/7 điểm)

Kết luận về Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học CDR của CTĐT đã thể hiện được những nét đặc thù của vùng và công việc sau khi tốt nghiệp của người học, được định kỳ rà soát và công bố công khai cho người học ngay từ đầu khóa học. Tuy nhiên, việc khảo sát thị trường lao động và nhu cầu thực tiễn để điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH chưa được thực hiện thường xuyên, mới chỉ thực hiện theo các kế hoạch của nhà trường. Trang thông tin điện tử của khoa chưa cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu: Để làm cơ sở cho việc đào tạo cử nhân ngành Triết học, Trường Đại học Tây Nguyên đã xây dựng bản mô tả CTĐT của ngành một cách khoa học, đúng quy định. Bản mô tả CTĐT được điều chỉnh, bổ sung cập nhật hàng năm theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa, ngành; được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội.

Bản mô tả CTĐT ngành Triết học cung cấp các thông tin về chương trình, kết quả học tập mong đợi, cấu trúc khóa học, CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành Triết học cung cấp đầy đủ các thông tin về CTĐT giáo dục đại học, cụ thể bao gồm:

1. Tên chương trình: Triết học
2. Ngành đào tạo, mã ngành đào tạo: Triết học. Mã ngành: 7229001
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Hình thức đào tạo: Chính quy

5. Thời gian đào tạo: 4 năm
6. Tên văn bằng: Cử nhân triết học
7. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Tây Nguyên
8. Mục tiêu đào tạo: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể
9. Chuẩn đầu ra: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm
10. Ma trận mục tiêu và CDR của CTĐT
11. Khối lượng kiến thức
12. Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh
13. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, cách thức đánh giá
14. Nội dung chương trình
15. Kế hoạch giảng dạy
16. Ma trận quan hệ học phần và CDR
17. Tiến trình đào tạo
18. Cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên
19. Hướng dẫn thực hiện, đề cương chi tiết.

Bản mô tả CTĐT ngành Triết học [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H1.01.01.03], được rà soát, điều chỉnh thường xuyên nhằm cập nhật những vấn đề mới đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong nước và trên thế giới cũng như yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp trong dạy và học các môn lý luận chính trị. Cụ thể, bản mô tả CTĐT năm 2018 [H2.02.01.01] trên cơ sở xác định kiến thức bổ trợ ở các học phần thì đã rút bớt tín chỉ ở một số học phần nếu có kiến thức bổ trợ ở học phần khác theo hướng tinh gọn. Đồng thời, sau khi thu thập ý kiến từ sinh viên cũng như các đơn vị sử dụng lao động thì đã bổ sung thêm một số học phần như: Học tập phương pháp tuyên truyền cách mạng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng bộ các tỉnh khu vực Tây Nguyên hay bổ sung các học phần theo ý kiến của Hội đồng KH – ĐT trường: Khởi nghiệp, kỹ năng mềm...

Bản mô tả CTĐT năm 2019 [H2.02.01.02] tiếp tục được cập nhật, bổ sung với sự thay đổi về nội dung và phương pháp trong dạy và học các môn Lý luận chính trị. Thực hiện thông báo số 3056/BGDĐT – GDĐH ngày 19/7/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị [H2.02.01.03] , thực hiện Quyết định số 1539/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 1/8/2019 của trường Đại học Tây Nguyên về việc thay đổi các học phần Lý luận chính trị trong chương trình đào tạo [H2.02.01.04] , bản mô tả CTĐT năm 2019 đã thay thế 4 học phần theo chương trình các

môn Lý luận chính trị mới: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho 8 học phần chia nhỏ nội dung trước đó. Ngoài ra, năm 2019 cũng thực hiện tăng thêm tín chỉ hay chuyển từ tự chọn sang bắt buộc đối với một số môn cần thiết cho ngành đào tạo triết học, cụ thể: Chuyển học phần Triết học chính trị (2TC) và Triết học về con người (2TC) từ tự chọn sang bắt buộc; tăng học phần Lịch sử triết học cổ điển Đức từ 2 tín chỉ lên 3 tín chỉ.

Đến năm 2020, bản mô tả CTĐT [H1.01.01.03] tiếp tục ra soát và lược bỏ bớt một số học phần đã có nội dung kiến thức bổ trợ ở học phần khác, chuyển một số học phần bắt buộc thành tự chọn và thêm một số học phần cần thiết cho chuyên ngành đào tạo, thêm học phần Quân sự chung (1TC) theo chương trình GDQP mới, thay đổi một số học phần Lý luận chính trị có tín chỉ thực hành thành lý thuyết.

Ngoài ra, bản mô tả CTĐT Triết học năm 2020 cũng được cập nhật các thông tin mới có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo quy định của Trường Đại học Tây Nguyên [H1.01.01.02], [H2.02.01.05]. Các nội dung được cập nhật mới bao gồm mục tiêu đào tạo, CĐR của CTĐT, ma trận mục tiêu và CĐR, ma trận quan hệ học phần và CĐR, nội dung chương trình, đề cương học phần.

Việc thực hiện cập nhật bản mô tả CTĐT năm 2020 có sự tham gia đóng góp của các bên liên quan như cơ quan chuyên môn, các chuyên gia, đội ngũ giảng viên tham gia CTĐT, sinh viên triết học năm cuối và cựu sinh viên, người sử dụng lao động nhằm giúp bản mô tả CTĐT ngày càng đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thực tiễn. Theo kết quả điều tra ý kiến của các bên liên quan ở trên đã đánh giá, bản mô tả CTĐT ngành Triết học có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành Triết học cung cấp đầy đủ, rõ ràng và công khai các thông tin liên quan đến CTĐT theo đúng quy định và đáp ứng nhu cầu của người học, người sử dụng lao động. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng giáo dục và đào tạo của Việt Nam và thế giới, đặc biệt là những đổi mới trong giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

Cấu trúc bản mô tả chương trình logic, rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Trường Đại học Tây Nguyên; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết học phần của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT ngành Triết học mặc dù đã được cập nhật nhưng vẫn còn thiếu một số cập nhật từ thị trường lao động, chưa cập nhật kịp thời được tất cả phản hồi của các bên liên quan như ý kiến góp ý của các đơn vị tuyển dụng để việc đào tạo được sát với nhu cầu xã hội.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Sử dụng nhiều cách thức khác nhau để kịp thời lấy ý kiến góp ý của các đơn vị tuyển dụng vào quá trình đào tạo	Bộ môn NLCBCNMLN	Từ năm 2021 trở đi
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT. Tiếp tục cập nhật những đổi mới trong giáo dục, đào tạo nhất là đổi mới nội dung và phương pháp các môn khoa học Mác – Lênin.	Bộ môn NLCBCNMLN	Từ năm 2021 trở đi

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 2.1: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Trên cơ sở bản mô tả CTĐT, BM NLCBCNMLN đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy định và đầy đủ các thông tin. Cụ thể, CTĐT năm 2020 [H1.01.01.03], gồm 83 học phần, mỗi học phần đều có số tín chỉ cụ thể, được xác định bằng một mã số riêng do trường quy định. Học phần có đề cương chi tiết tương ứng. ĐCCT học phần năm 2020 bao gồm đầy đủ các thông tin, cụ thể:

1. Tên học phần, mã học phần.

2. Thông tin chung về học phần và giảng viên: số tín chỉ (lí thuyết, thực hành), loại môn học (tự chọn, bắt buộc), các yêu cầu đối với học học phần (học phần song hành, học phần học trước, học phần tiên quyết), thông tin về giảng viên phụ trách giảng dạy
3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần
4. Mục tiêu và CĐR học phần (mục tiêu, CĐR, ma trận tích hợp giữa CĐR học phần với CĐR của CTĐT)
5. Cấu trúc học phần
6. Kế hoạch và phương pháp dạy học (nội dung chi tiết, số tiết dự kiến thực hiện mỗi nội dung, hình thức tổ chức, PP dạy học và kiểm tra - đánh giá)
7. Tài liệu học tập (giáo trình, tài liệu tham khảo)
8. Nhiệm vụ của sinh viên
9. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần (trọng số điểm bộ phận, trọng số thi kết thúc học phần).

ĐCCT các học phần đảm bảo thể hiện được ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của môn học; phương pháp giảng dạy của GV và học tập của SV để có thể đạt được các CĐR đã nêu; phương pháp đánh giá để thể hiện được hiệu quả giảng dạy. Phần kiểm tra đánh giá SV được thực hiện thường xuyên, toàn diện và bằng nhiều cách: vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm...

ĐCCT học phần trong CTĐT ngành Triết học được rà soát điều chỉnh thường xuyên. Việc cập nhật nhằm điều chỉnh bổ sung nội dung mới cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục, giúp người dạy và người học thực hiện công việc dạy – học có hiệu quả hơn. Cụ thể, ĐCCT học phần năm 2020 có điều chỉnh bổ sung một số nội dung mới so với ĐCCT học phần năm 2017 như thiết kế lại cấu trúc đề cương theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và đào tạo và của Trường đại học Tây Nguyên; cập nhật mục tiêu học phần cụ thể hơn ; thiết kế CĐR học phần gồm CĐR về kiến thức, CĐR về kỹ năng; thiết lập ma trận tích hợp giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT; đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các học phần, danh mục tài liệu học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần.

ĐCCT các học phần ngành Triết học năm 2020 được cập nhật theo đúng kế hoạch hướng dẫn của nhà Trường và được báo cáo chỉnh sửa theo sự góp ý của Hội đồng khoa

học đào tạo khoa Lý luận chính trị, Hội đồng khoa học đào tạo của trường ĐHTN [H2.02.01.03],[H2.02.01.04], [H1.01.01.02],[H2.02.01.05].

Đồng thời, chất lượng nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá học phần trong CTĐT được sự góp ý của giảng viên trong ngành có kinh nghiệm, sinh viên Triết học và các chuyên gia trong lĩnh vực khoa học Lý luận chính trị [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của trường Đại học Tây Nguyên.

Đề cương học phần định kì được cập nhật, đáp ứng xu hướng đổi mới giáo dục và đào tạo nói chung và đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói riêng. Việc thực hiện cập nhật, điều chỉnh ĐCCT các học phần có sự tham gia ý kiến của đội ngũ giảng viên kinh nghiệm, các chuyên gia và sinh viên trong ngành. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT ngành Triết học trình độ đại học chưa thực hiện được việc lấy ý kiến của các đơn vị tuyển dụng lao động để nội dung kiến thức bám sát với nhu cầu của thị trường lao động hơn nữa. Mặt khác, CTĐT học phần cũng chưa được đăng tải lên website của Khoa, Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức lấy ý kiến của đơn vị tuyển dụng lao động về CTĐT các học phần. Có kế hoạch công khai đề cương chi tiết các học phần lên website của Trường và của Khoa.	Trường ĐH Tây Nguyên, Khoa Lý luận chính trị, BM NLCBCNMLN	Từ năm 2021 trở đi
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật đề cương học phần để đáp ứng yêu cầu về giáo dục các môn Lý luận chính trị và	BM NLCBCNMLN	Từ năm 2021 trở đi

		xu thế phát triển trong nước và thế giới.		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 2.2: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Sau khi bản mô tả học phần và đề cương chi tiết CTĐT ngành Triết học được lãnh đạo Trường Đại học Tây Nguyên phê duyệt chính thức, BM NLCBCNMLN, khoa Lý luận chính trị, Trường ĐH Tây Nguyên đã thực hiện công bố công khai cho người học và giảng viên nội dung của CTĐT và đề cương các học phần bằng nhiều hình thức khác nhau: giới thiệu cho SV khóa mới thông qua chương trình chào đón Tân sinh viên của Khoa; trong các thông báo của Nhà trường cho cán bộ và SV, trên Website nhà trường. Bản mô tả CTĐT được phát cho mỗi sinh viên một cuốn. Đặc biệt, các cán bộ giảng viên tham gia CTĐT trực tiếp chia sẻ thông tin về bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành Triết học với các bên liên quan bằng nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Việc công bố bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần bằng nhiều kênh thông tin khác nhau nhằm giúp cho người học dễ dàng nắm được những thông tin cần thiết về các học phần để xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập, đăng kí học phần, đồng thời giúp những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết một cách dễ dàng, thuận tiện và thực hiện [H2.02.03.01]. [H2.02.03.02]. [H2.02.03.03].

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần đều được phản biện bởi các chuyên gia trong và ngoài trường, được hội đồng KH - ĐT của Khoa, Trường cho ý kiến. CTĐT đi kèm bản mô tả chương trình và các đề cương học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV của ngành, chuyên gia, giảng viên tham gia CTĐT ngành Triết học [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

Mọi thông tin trong bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT ngành Triết học (mục tiêu, CDR, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá,...) đều được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Bản mô tả CTĐT và các đề cương các học phần trong CTĐT thường xuyên nhận được tham vấn, ý kiến đóng góp, xây dựng của Hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, giảng

viên, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn, trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên theo hướng ứng dụng cao.

3. Điểm tồn tại

Chưa tổ chức hội nghị rộng rãi có sự tham gia của các bên liên quan trong công tác xây dựng điều chỉnh, cập nhật bản mô tả CTĐT ngành Triết học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành lấy ý kiến ý kiến phản hồi rộng rãi các bên liên quan CTĐT Công khai bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần qua nhiều kênh thông tin khác nhau.	Trường ĐH Tây Nguyên, Khoa LLCT, BM NLCBCNMLN	Từ năm 2020 trở đi
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CDR của ngành Triết học và mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, giảng viên trong và ngoài khoa, cựu SV và SV năm cuối về CTĐT nói chung	Trường ĐH Tây Nguyên, Khoa LLCT, BM NLCBCNMLN	Từ năm 2020 trở đi

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 2.3: Đạt (mức 4/7 điểm)

Kết luận về Tiêu chuẩn 2: Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Triết học được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực khoa học Lý luận chính trị. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp, xây dựng của Hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, giảng viên, các đơn vị tuyển dụng của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá,... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV lựa chọn hợp lý cho

lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học; được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Tuy vậy, việc ban hành và thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp; bộ môn thiếu cơ sở dữ liệu cập nhật về việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, của cựu SV để bổ sung, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT, các đề cương học phần. Đồng thời, phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi cho bản mô tả CTĐT ngành Triết học chưa rộng như mong đợi.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Từ năm 2020 mới có bản mô tả CTĐT và năm 2021 mới có bản mô tả CTDH với 9 nội dung, do đó, trong Báo cáo đề cập đến các nội dung của CTDH chúng tôi đã sử dụng bản mô tả CTĐT.

Cấu trúc của CTĐT trình độ đại học ngành TH được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành TH trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo NH đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTĐT của ngành TH liên tục được rà soát nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể. CTĐT bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu tổng quát nhấn mạnh việc đào tạo SV có kiến thức cơ sở ngành và ngành; có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến TH trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Mục tiêu tổng quát được thể hiện thông qua 4 mục tiêu cụ thể: (1) Kiến thức và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và giáo dục.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTĐT ngành TH được Khoa xây dựng dựa vào quá trình đào tạo ngành học. Tính đến thời điểm CTĐT được thẩm định, Khoa đã nhiều lần xây dựng, điều chỉnh CTĐT ngành TH. Các văn bản và thực tiễn căn cứ để xây dựng là: Chương trình khung của Bộ GD&ĐT; tham khảo CTĐT của các trường đào tạo ngành TH (Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh [H3.03.01.01], Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội [H3.03.01.02]); tiếp nhận phản hồi của các trường cao đẳng, đại học, các cơ quan nhà nước - đơn vị trực tiếp sử dụng NH do khoa đào tạo... CTĐT ngành TH được xây dựng theo các qui định hiện hành do BGDĐT ban hành [H1.01.01.07].

Để xây dựng CTĐT cho các bậc học, ngành học, Nhà trường đã dựa trên chương trình khung của BGDĐT ban hành, các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp cũng như mức độ đòi hỏi về kiến thức ngành đối với ngành TH. CTĐT hiện đại, cập nhật, cung cấp cho NH nhiều thông tin về ngành. Chương trình sau khi xây dựng được đánh giá và nghiệm thu cấp khoa, cấp trường. CTDH được xây dựng trên cơ sở đề cương chi tiết, CĐR và bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh theo hướng dẫn của Trường, bao gồm các nội dung:

- Mục tiêu đào tạo
- CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần
- Nội dung đào tạo
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá NH, thời lượng đào tạo của ngành và của mỗi học phần.

Trong chương trình có kế hoạch phân bổ các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với ngành TH trình độ đại học, thời gian đào tạo là 4 năm, 8 học kì. Trong mô tả học phần, ĐCCT mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp NH có kế hoạch học tập cụ thể [H1.01.01.03]. Bên cạnh đó, thực hiện CĐR, chương trình CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức: *kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành*. Trong đó, kiến thức chung chiếm 30%, kiến thức cơ sở ngành chiếm 30%, kiến thức ngành 31,8%, khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế 8,2%. Cụ thể:

Bảng 3.1. Bảng tỉ lệ phần trăm các khối kiến thức, kĩ năng, các học phần bắt buộc, tự chọn trong cấu trúc CTDH

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ (%)
1	Kiến thức chung	37	04	41	30
2	Kiến thức cơ sở ngành	31	06	37	30
3	Kiến thức ngành ngành	37	02	39	31,8
4	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn thay thế	10	06	16	8,2
Tổng		123	18		100

CTDH được thiết kế dựa trên CDR. Đối với từng học phần (môn học) sau khi hoàn thành CTDH, Hội đồng Khoa học đào tạo khoa yêu cầu GV trong các bộ môn tổ chức rà soát CTDH với CDR của CTĐT ngành TH. CTDH được cụ thể hóa trong CTĐT chi tiết với các thông tin về đơn vị đào tạo; thông tin về học phần; thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo.

CTDH của ngành TH đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên CDR tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các CDR về kiến thức, kỹ năng, và năng lực. Các phương pháp giảng dạy, tự học và tự nghiên cứu, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của NH ở tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế dựa trên CDR của ngành TH có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực. Nhờ vào bảng phân nhiệm giảng dạy và trình độ năng lực giữa các học phần và CDR nên các nội dung giảng dạy và mục tiêu của các học phần trong CTĐT có sự gắn kết hợp lý. Việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho NH không chồng chéo giữa các học phần.

Gắn kết được cơ sở đào tạo với yêu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực; giúp NH phát triển toàn diện với các “kỹ năng cứng” và “kỹ năng mềm” để nhanh

chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi và thậm chí là đi đầu trong việc thay đổi đó; giúp CTĐT được xây dựng và thiết kế theo một quy trình chuẩn; các công đoạn quá trình đào tạo có tính liên thông và gắn kết khoa học chặt chẽ; gắn phát triển CTĐT với chuyển tải và đánh giá hiệu quả nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

3. Điểm tồn tại

CTDH được thiết kế cho các khoá trước (trước 2019) chưa phân nhiệm cụ thể các mục tiêu và trình độ năng lực cho từng học phần cho nên khi thực hiện CTĐT còn chông chéo về việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho NH. Ngoài ra một số CTDH trước 2019 khi thiết kế chưa bám sát CĐR nên chưa cụ thể hóa được các mục tiêu và năng lực cần đạt sau khi kết thúc học phần. Ví dụ một số CTDH các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành chưa làm rõ năng lực về kiến thức môn học tương ứng mà SV cần đạt sau khi kết thúc mỗi học phần trong CTĐT để tốt nghiệp ngành TH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành rà soát CTDH của các học phần trong CTĐT ngành TH, cụ thể là so sánh đối chiếu các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và năng lực trong CTDH với các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và năng lực trong CĐR, đặc biệt chú ý đối với các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành.	Khoa LLCT, Bộ môn quản lý ngành	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Phân nhiệm giảng dạy, trình độ năng lực giữa các học phần và CĐR để các nội dung giảng dạy và mục tiêu của các học phần trong CTĐT có sự gắn kết hợp lý hơn nữa. Gắn kết được cơ sở đào tạo với yêu cầu của nhà tuyển dụng.	Khoa LLCT, Bộ môn quản lý ngành và các đơn vị liên quan	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 3.1: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Các học phần trong CTĐT ngành TH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR [H2.02.01.02]. Các học phần xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các học phần trong chương trình dạy học thể hiện việc có khả năng đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Mỗi học phần trong CTĐT ngành TH được cụ thể hóa bằng các mục tiêu và được thể hiện thông qua nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy.

Các học phần được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra thông qua các khung năng lực cần đạt. Đồng thời, CĐR của các học phần trong CTĐT đã được thiết kế với các mục tiêu rõ ràng, các phương pháp giảng dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH của tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. CĐR về kiến thức gồm: kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành.

Ở khối kiến thức chung, để đạt được CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần: *Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Giáo dục quốc phòng, Xã hội học đại cương, Pháp luật Việt Nam đại cương* cung cấp cho NH những kiến thức cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận khoa học, về con đường phát triển của đất nước, tư tưởng đạo đức, về tình hình chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước. Học phần *Giáo dục thể chất* giúp NH tăng cường và nâng cao sức khỏe. Học phần *Tiếng Anh, Tin học* cung cấp cho NH kiến thức về ngoại ngữ, tin học. Sau khi hoàn thành kiến thức chung trong CTDH, NH có hiểu biết hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ động tích cực giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước và của Ngành Giáo dục; có thói quen rèn luyện sức khỏe để phát triển thể lực, tầm vóc; đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học theo đúng quy định của BGDDT.

Ở kiến thức cơ sở ngành, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần: Mỹ học Mác – Lênin, Đạo đức học Mác – Lênin, Quan hệ quốc tế, Cơ sở văn hóa Việt Nam, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Logic học, Logic biện chứng, Những vấn đề của thời đại ngày nay, Chính trị học, Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam, Phong cách Hồ Chí Minh. Với kiến thức cơ sở ngành, NH sẽ có những hiểu biết và kiến thức cơ bản về ngành TH. Cũng ở khối kiến thức này, được trang bị hiểu biết căn bản về NCKH, biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu; biết cách tiến hành NCKH.

Ở kiến thức ngành, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần: Lịch sử triết học Trung Quốc cổ - trung đại, Lịch sử triết học Hy Lạp – La Mã cổ đại, Lịch sử triết học Ấn Độ cổ - trung đại, Lịch sử triết học Tây Âu trung – cận đại, Lịch sử triết học cổ điển Đức, Lịch sử triết học Mác – Lênin, Tác phẩm kinh điển triết học Mác-Ăngghen, Tác phẩm kinh điển triết học Lênin, Triết học phương Tây hiện đại, Lịch sử phép biện chứng mác-xít, Tư tưởng triết học Hồ Chí Minh, Triết học về con người Triết học văn hóa, Triết học trong khoa học tự nhiên, nhằm đem đến cho NH những kiến thức chuyên sâu về ngành TH, đó là hiểu biết về lịch sử triết học từ thời cổ đại đến triết học Mác – Lênin. Đồng thời cung cấp những kiến thức chuyên sâu về triết học Mác – Lênin thông qua nghiên cứu trực tiếp các tác phẩm kinh điển.

CTĐT được thiết kế thành các khối kiến thức, thiết kế kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kì, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần qua từng học kì.

Như vậy, khi hoàn thành CTĐT, NH sẽ đáp ứng được CĐR về kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành để có thể giảng dạy các môn LLCT tại trường trung cấp chuyên nghiệp, trường chính trị, trung tâm bồi dưỡng chính trị, trường cao đẳng, trường đại học. Làm việc tại các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và các cơ quan thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. 100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung để đảm bảo đạt được CĐR. 100% các học phần trong CTDH xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR. 100% các học phần trong CTDH có các hoạt động kiểm tra, đánh giá tương thích với nhau nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

2. Điểm mạnh

Chương trình được phân bố hợp lý và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. Các học phần bắt buộc và tự chọn được phân bố hợp lý trong CTĐT. Các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT được thể hiện một cách rõ ràng.

Hồ sơ giảng dạy các học phần trong CTĐT của GV, bao gồm đề cương bài giảng, slide bài giảng, tài liệu giáo trình.

Việc khảo sát, đo lường sự hài lòng của NH đối với các học phần đã được tiến hành và góp phần điều chỉnh chương trình giảng dạy cũng như ĐCCT các học phần, các phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của CTĐT và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

ĐCCT của một số học phần được thiết kế cho các khóa trước (trước 2019) chưa rõ ràng và chưa thể hiện bằng các mục tiêu cụ thể để đạt được CĐR của CTĐT ngành TH.

Nội dung chương trình của một số học phần thuộc Kiến thức ngành chưa thể hiện rõ tính đổi mới, kế thừa và cập nhật. Cách thức đánh giá kết quả học phần của một số học phần chưa thể hiện rõ khả năng đạt được CĐR của CTĐT ngành TH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nội dung chương trình của một số học phần thuộc Kiến thức ngành cần thể hiện rõ tính đổi mới, kế thừa và cập nhật; Cách thức đánh giá kết quả học phần của một số học phần cần thể hiện rõ khả năng đạt được CĐR của CTĐT ngành TH; Tiếp tục triển khai các đề tài KHCN về đổi mới nội dung, phương pháp kiểm tra và đánh giá	Khoa LLCT, Bộ môn quản lý ngành và GV giảng dạy	Từ năm 2021

		theo tiếp cận năng lực đối với các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và ngành.		
2	Phát huy điểm mạnh	Các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao; CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Mọi liên hệ giữa CDR của các học phần với CDR của CTĐT được thể hiện một cách rõ ràng.	Khoa LLCT, Bộ môn quản lý ngành và GV giảng dạy	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 3.2: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở, ngành và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất. CTDH ngành TH được xây dựng dựa trên CDR của ngành. Cụ thể trong bản mô tả CTĐT của ngành TH gồm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần bắt buộc, học phần tự chọn. CTDH ngành TH được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành, được bố trí giảng dạy trong 4 năm. 100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện). Các học phần kiến thức chung được dạy 3 học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho NH, từ đó NH có thể phát triển các kỹ năng chuyên biệt vào các kỳ học tiếp theo. CTDH được thiết kế một cách hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. Nội dung kiến thức các khoa học nền tảng, khoa học chuyên ngành được trình bày một cách lô gíc và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến trừu tượng. CTĐT đã ghi rõ thời

lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự cứu. Số tiết dành cho phần tự học và tự nghiên cứu gấp 2 lần số tiết quy định dành cho học phần. Cấu trúc CTDH thể hiện được các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý [H2.02.01.02], [H3.03.03.01]. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động. CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín chuyên ngành trong và ngoài nước [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03]. Ngoài ra, hằng năm GV đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung giảng dạy có sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Trường và Khoa [H3.03.01.03], [H3.03.03.02]. Từ năm 2019, các học phần trong CTĐT mang tính tích hợp cao. CTDH được xây dựng theo CDR nên các môn học được tích hợp một cách hợp lý. Các kiến thức, kỹ năng và kỹ năng mềm cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành. Từng học phần trong CTDH đều có mục tiêu rõ ràng nhằm đóng góp vào CDR của ngành. Để có được kết quả này, Khoa và Nhà trường luôn chú ý tới việc lấy ý kiến của người dạy, NH và nhà tuyển dụng về CTDH nhằm hoàn thiện hơn chương trình. Để bắt kịp yêu cầu mới của xã hội về chất lượng đào tạo ngành TH, Khoa chú ý tiếp nhận các phản hồi từ các cơ quan sử dụng cựu sinh viên của Khoa, ý kiến của các huyện ủy, các cơ quan Đảng và Nhà nước sau mỗi đợt thực tập của SV ngành TH [H3.03.03.07]. Trong quá trình thực hiện yêu cầu của Nhà trường, Khoa đã tổ chức cho các Bộ môn họp, đánh giá nội dung các học phần trong CTĐT của ngành TH, đồng thời tiến hành rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của chuyên gia và thông qua hội đồng Khoa, hội đồng Nhà trường để xem xét và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện CTDH. CTDH có sự tham khảo CTĐT của các trường có kinh nghiệm đào tạo ngành TH.

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành TH có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và ngành. Các học phần trong

CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hàng năm. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CDR của CTĐT ngành TH.

3. Điểm tồn tại

Đối với CTĐT cho SV ngành TH từ năm 2019 trở về trước, nội dung các CTDH của một số học phần chưa thực sự được thiết kế theo trình tự từ dễ đến khó nên gặp khó khăn khi triển khai các hoạt động giảng dạy. Trong quá trình thực hiện chương trình, GV ít có thời gian để thảo luận về nội dung giảng dạy cần phải chỉnh sửa với nhau nên việc thực hiện chương trình giữa các nhóm giảng dạy những học phần có nội dung kiến thức gần nhau, đôi lúc không đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nội dung CTDH của các học phần cần phải được rà soát; thực hiện chương trình cần phải thường xuyên trao đổi thông tin để biết các nội dung cần phải điều chỉnh nhằm đạt được mục tiêu học phần và các tuyên bố CDR của CTĐT.	Khoa LLCT, Bộ môn quản lý ngành và GV giảng dạy	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hàng năm; CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.	Khoa LLCT, Bộ môn quản lý ngành và GV giảng dạy	Từ năm 2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 3.3: Đạt (mức 4/7 điểm)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3: CTDH của ngành TH được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. Hội đồng Khoa học của Khoa chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý, có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành TH. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. GV khi thực hiện CTĐT luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV học tập. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

Tuy nhiên, CĐR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của CTĐT. Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, tự đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. Khoa Lý luận chính trị, cũng như nhiều khoa khác trong trường ĐHTN chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho sinh viên. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học

kế tiếp nhau một cách logic, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến chuẩn đầu ra. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và chuẩn đầu ra của chương trình cần được mỗi giảng viên và sinh viên hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Triết lý giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo. Ở các trường đại học, việc xây dựng một triết lý giáo dục phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển sẽ tạo tiền đề quan trọng để xây dựng mục tiêu, chiến lược, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo đúng đắn. Triết lý giáo dục của một trường đại học là tư tưởng chỉ đạo, xuyên suốt làm định hướng phát triển cho nhà trường. Giáo dục của mỗi trường đều được dựa trên một triết lý giáo dục riêng. Với ý nghĩa đó, triết lý giáo dục của Trường Đại học Tây Nguyên có nội dung ***“Phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực người học”*** [H4.04.01.01]. Triết lý giáo dục này có ý nghĩa là “dựa trên nguồn sức mạnh, tổ chức đào tạo theo chương trình chất lượng, tạo môi trường học tập tốt nhất cho người học phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực cá nhân”.

Dựa trên Triết lý giáo dục đã được ban hành, Nhà trường hướng tới đề cao các giá trị về tính sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học, chất lượng giáo dục luôn là yếu tố quan tâm hàng đầu cho mọi hoạt động, sự liên thông, kết nối và hợp tác quốc tế là giá trị cho sự phát triển. Triết lý giáo dục được công bố trên website của Nhà trường [H4.04.01.02], trong tờ rơi giới thiệu về trường [H4.04.01.03] và trên các pano, áp phích trong trường [H4.04.01.04].

Mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố: “Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, cơ sở vật chất hiện đại, chương trình đào tạo tiên tiến; Không ngừng hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị nhà trường; Kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của thị trường; Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc” [H1.01.01.04]. Bên cạnh đó, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học được tuyên bố trong CTĐT, và được cụ thể hóa trong từng đề cương môn học, được phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, SV, nhà tuyển dụng.

Đối với giảng viên, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra được các GV thấm nhuần trong quá trình xây dựng CTĐT, xây dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương môn học [H1.01.01.03]. Các GV phụ trách môn học thiết kế hoạt động dạy và học cho các môn học dựa trên CDR, trong đó có nội dung lý thuyết, thực hành hoặc thảo luận và lựa chọn những phương pháp cơ bản cần thiết cho hoạt động dạy và học của môn học.

Đối với sinh viên, ngay từ khi SV năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới SV trong đợt học chính trị đầu năm dành cho tân SV. Ở Khoa, các em được giới thiệu về ngành đào tạo và mục tiêu đào tạo của Khoa tại Hội nghị gặp gỡ, đối thoại SV cấp khoa [H4.04.01.05], [H4.04.01.06]. Các giảng viên là cố vấn học tập sinh hoạt với SV định kỳ 1 tháng 1 lần, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa, giúp các em có chiến lược đăng ký môn học phù hợp [H4.04.01.07].

Đối với nhà tuyển dụng, nhiều cựu sinh viên làm việc tại các cơ quan tuyển dụng được mời tham gia xây dựng chương trình và đánh giá CTĐT ngành Triết học. Bộ môn quản lý ngành Triết học đã mời các nhà tuyển dụng để xin ý kiến góp ý cho CTĐT của ngành Triết học [H1.01.01.07].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục của nhà trường và mục tiêu của CTĐT ngành Triết học được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, các văn bản hướng dẫn, Cẩm nang tuyển sinh v.v..., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù mục tiêu đào tạo của ngành Triết học được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở những giảng viên có tham gia giảng dạy cho ngành Triết học. Mục tiêu này chưa được công bố với đông đảo các nhà tuyển dụng khác.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn lực đầu tư
Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo với các nhà tuyển dụng để giới thiệu và tuyên truyền rộng rãi triết lý giáo dục	Khoa Lý luận chính trị BM NLCBCNMNL	Hàng năm	Nhà trường
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phổ biến rộng rãi triết lý giáo dục được tới các bên có liên quan	Nhà trường	Hàng năm	Nhà trường

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 4.1: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Cách tiếp cận dạy và học của giảng viên khoa Lý luận chính trị và sinh viên ngành Triết học luôn hướng tới các giá trị “*Sáng tạo - Chất lượng - Hội nhập*”. CTĐT của ngành Triết học [H1.01.01.03] được thiết kế một cách hệ thống, có sự liên thông giữa các trình độ, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục, đồng thời gắn với nhu cầu học tập của người học, nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. CTĐT được xây dựng theo hướng lấy người học làm trung tâm, và hướng SV tự học, tự nghiên cứu, đáp ứng mục tiêu đào tạo và CDR.

CTĐT ngành Triết học được Hội đồng KHĐT của khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với nhu cầu xã hội [H3.03.01.03], [H1.01.01.02]. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, cặp đôi, đóng vai theo chủ đề, v.v... Bên cạnh đó, trong quá trình giảng dạy, giảng viên đưa ra những liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên; hình thức thi hết môn thường là thi tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiển thị trong các đề cương môn học [H1.01.01.03]. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học. Nhà trường đã triển khai đào tạo trực tuyến khá tốt 02 học phần Nghe 2 và Nói 2 cho sinh viên chuyên ngữ của khoa Ngoại ngữ trong học kỳ 2 năm học 2019-2020 [H4.04.02.01]. Khoa Lý luận chính trị có kế hoạch phân công giảng viên, chuẩn bị bài giảng, lựa chọn phần mềm phù hợp để giảng dạy trực tuyến khi tình hình giảng dạy trực tiếp không khả thi [H4.04.02.02].

Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ như NCKH, thực tập thực tế và hoạt động cộng đồng [H4.04.02.03], [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].

Hoạt động NCKH: Giảng viên của Khoa tích cực tham gia chủ trì thực hiện đề tài KHCN cấp tỉnh, cấp trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu,

đồng thời tạo động lực và khuyến khích SV tích cực tham gia các hoạt động NCKH. SV chuyên ngành Triết học luôn được khuyến khích tham gia NCKH. Mỗi đề tài do SV tự đề xuất đều được xét duyệt từ cấp Bộ môn tới cấp Khoa và được phân công hướng dẫn bởi một GV [H4.04.02.06]. Môn Phương pháp NCKH dành cho SV chuyên ngành Triết học được giảng dạy từ học kỳ 2 của năm thứ 1 giúp SV có kiến thức, kỹ năng NCKH ngay từ những năm đầu [H2.02.01.02].

Hoạt động trao đổi sáng kiến kinh nghiệm diễn ra thường xuyên nhằm nâng cao trình độ và phương pháp giảng dạy cho GV. Hàng năm, GV của khoa đăng ký dự giờ thao giảng [H4.04.02.07], tham gia các cuộc thi Báo cáo viên giỏi, GV dạy giỏi cấp tỉnh để trau dồi chuyên môn và cải tiến phương pháp giảng dạy [H4.04.02.08]. Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV [H3.03.02.01], [H3.03.02.03], [H3.03.02.04], [H3.03.02.04] từ các bên liên quan được đưa vào kế hoạch hằng năm của khoa, của Nhà trường và được xem là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại GV cuối học kỳ, cuối năm học [H4.04.02.09].

Hoạt động Thực tập thực tế: Đây một phần bắt buộc của chương trình đào tạo, gồm 2 phần: Thực tế chuyên môn (1 tín chỉ) và thực tập cuối khóa (4 tín chỉ) nhằm giúp cho SV thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Các địa điểm thực tập, thực tế đa dạng đáp ứng yêu cầu của chuyên ngành Triết học như: các địa chỉ đỏ, các Ban ngành, đoàn thể huyện, các công ty, doanh nghiệp... [H4.04.02.10], [H4.04.02.11]. Việc thực tập thực tế của SV tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các giảng viên lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được giảng viên phụ trách thực tập thực tế và cán bộ ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn.

Hàng năm, Khoa đều tổ chức Hội thi Báo cáo viên, Tuyên truyền viên cho sinh viên ngành Triết học [H4.04.02.12], [H4.04.02.13]. Thông qua Hội thi để rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ cho SV như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học, kỹ năng nắm bắt, kỹ năng xử lý tình huống, khái quát và truyền truyền các vấn đề chính trị - xã hội... nhằm đáp ứng CDR của CTĐT, tạo cơ hội cho SV giải quyết các tình huống gắn với công việc trong tương lai.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh

nghiệm giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. Khoa Lý luận chính trị đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành.

3. Điểm tồn tại

Sinh viên tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những sinh viên năm đầu. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn lực đầu tư
Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường xây dựng hệ thống hỗ trợ GV và sinh viên trong việc giảng dạy theo phương pháp tích cực	Khoa Lý luận chính trị BM NLCBCNMLN	Hàng năm	Nhà trường
	Thiết kế các hoạt động tìm hiểu thực tế liên quan đến nội dung các học phần được học để sinh viên có hiểu rõ hơn về thực tiễn	Khoa Lý luận chính trị BM NLCBCNMLN	Hàng năm	Nhà trường
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát phương pháp giảng dạy của các học phần đa dạng phù hợp với đặc thù của học phần	Khoa Lý luận chính trị BM NLCBCNMLN	Hàng năm	Nhà trường

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 4.2: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV. Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành Triết học thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần giúp cho SV tham gia vào các hoạt động dạy và học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. Các học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR của CTĐT [H1.01.01.03].

Quá trình giảng dạy và học tập phải mang ý nghĩa tích cực khi SV chủ động tìm hiểu và thực hiện chứ không chỉ là tiếp thu kiến thức do GV cung cấp. Quá trình nghiên cứu, làm các bài tập, thực hành, đóng vai trò quan trọng giúp SV tích lũy kinh nghiệm, tạo ra những kỹ năng tự học tập phù hợp như kỹ năng phân tích và tổng hợp tài liệu, học đi đôi với hành; kỹ năng phát hiện vấn đề, trình bày và giải quyết vấn đề, các kỹ năng và kiến thức cụ thể cần đạt được của từng môn học.

Từ cách tiếp cận đã được xác định rõ ở trên GV cần tạo ra một môi trường dạy và học sao cho mỗi SV đều tham gia vào quá trình học tập một cách có ý thức. GV chuẩn bị và tổ chức bài giảng sinh động [H3.03.03.03], thu hút với nhiều câu hỏi gợi mở để SV tư duy, phát triển ý tưởng, đóng góp vào bài học và đưa ra những phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp cho từng loại đối tượng. GV khoa Lý luận chính trị kết hợp đa dạng các phương pháp trong giảng dạy. Mỗi SV đều thích ứng với những phương pháp dạy học khác nhau. Sử dụng đa dạng các phương pháp sẽ tạo điều kiện thích ứng cao nhất giữa các phương pháp dạy của GV với phương pháp học của SV, tạo sự tương tác tốt giữa thầy và trò.

Nhà trường và tất cả các khoa đã kịp thời triển khai hình thức dạy học trực tuyến khi diễn biến đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và sinh viên không thể học trực tiếp, với hình thức dạy học trực tuyến [H4.04.02.01], GV tăng cường giao cho SV những nhiệm vụ cá nhân, hoặc tương tác theo nhóm trên nền tảng MS Teams. Khoa Lý luận

chính trị có kế hoạch phân công giảng viên, chuẩn bị bài giảng, lựa chọn phần mềm phù hợp để giảng dạy trực tuyến khi tình hình giảng dạy trực tiếp không khả thi [H4.04.02.02].

Hoạt động học tập đa dạng có thể giúp SV lựa chọn phương thức phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập. Ngoài GV cơ hữu của Khoa, lãnh đạo Khoa thường xuyên mời các chuyên gia trong nước, có trình độ cao, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo một tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học. SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với GV [H4.04.02.06]. Việc SV tham gia NCKH, seminar, sinh hoạt nhóm đã tạo ra sự say mê học tập, nâng cao chất lượng việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết của người học. Ngoài ra, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong Nhà trường tổ chức cũng góp phần trau dồi kiến thức, tiếp cận thực tiễn, rèn luyện năng lực công tác quần chúng, nhân cách và bản lĩnh chính trị. “Mùa hè xanh” đã và đang thực sự trở thành một chương trình gắn bó không thể thiếu dành cho SV ngành Triết học, là cơ hội để thế hệ trẻ có thể trưởng thành hơn qua những trải nghiệm trong chuyến đi đầy ý nghĩa này [H4.04.03.01].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, kiểm tra hồ sơ bài giảng của GV, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên website nhà trường, thư viện trường, qua đó hình thành văn hóa đọc trong SV [H3.03.03.01], [H3.03.03.02]. Trường có đầy đủ các phòng học, phòng thí nghiệm, nhà thực hành kỹ năng sư phạm, hệ thống nhà lưới, nhà tập đa năng với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH [H4.04.03.02]. Mỗi phòng học đều có trang thiết bị dạy học phù hợp (máy vi tính, máy projector, đèn overhead, đĩa CD...). Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet và website luôn cập nhật các tin tức, hoạt động, kết quả học tập của học sinh... [H4.04.03.03].

Để chuẩn bị hành trang cho SV khi tốt nghiệp, hàng năm, Khoa Lý luận chính trị tổ chức Hội thi “Báo cáo viên, Tuyên truyền viên” [H4.04.02.13], thực tập cuối khóa cho sinh viên ngành Triết học [H4.04.02.11]. Đây được xem là những hoạt động nhằm giúp việc học kiến thức, lý thuyết của SV được thực hành, áp dụng ra ngoài thực tế, theo như phương châm giáo dục “học đi đôi với hành” trong Luật Giáo dục Việt Nam.

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học đánh giá hoạt động giảng dạy của GV [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.04], [H3.03.02.04], SV cuối khóa [H4.04.03.04], [H4.04.03.04], [H4.04.03.05], cựu sinh viên, nhà tuyển dụng [H4.04.03.20], triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân với dịch vụ giáo dục công [H4.04.03.06], [H4.04.03.07], [H4.04.03.08] nhằm giúp nhà trường và khoa Lý luận chính trị có những điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết, cải tiến các hoạt động dạy và học để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực học tập suốt đời của người học. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng tiến hành khảo nghiệm thực tế các biểu mẫu thống kê và khảo sát tình hình việc làm của cựu SV sau tốt nghiệp [H4.04.03.09], [H4.04.03.10], [H4.04.03.11]. Việc khảo sát tình hình việc làm của cựu SV sau tốt nghiệp đã phần nào giúp Nhà trường và Khoa nhìn nhận và đánh giá lại kết quả đào tạo. Kết quả thu được là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp Nhà trường, Khoa tiếp tục nghiên cứu, rà soát các chương trình, nội dung đào tạo, phương pháp giảng dạy nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng mục tiêu phát triển của Trường, Khoa.

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được rà soát và điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Giảng viên trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

3. Điểm tồn tại

Số ít SV chưa có ý thức học tập tốt nên việc học tập còn mang tính đối phó. Một số GV chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ các khả năng tư duy phản biện, làm việc độc lập của SV. GV vẫn chưa tích cực tổ chức các hoạt động DH đa dạng, PPDH tích cực để khơi dậy tính tích cực, sáng tạo ở SV

Sinh viên ngành ngành Triết học tham gia nghiên cứu khoa học còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động

Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn lực đầu tư
Khắc phục điểm tồn tại	- Khoa có biện pháp thúc đẩy GV đổi mới, sáng tạo, tích cực áp dụng các PPDH tích cực. - Tăng cường tập huấn hỗ trợ sinh viên tham gia NCKH	Khoa Lý luận chính trị BM NLCBCNMLN	Hàng năm	Nhà trường
Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát phương pháp giảng dạy trong đề cương chi tiết các học phần phù hợp hướng đến khả năng học tập suốt đời của người học.	Khoa Lý luận chính trị BM NLCBCNMLN	Hàng năm	Nhà trường

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 4.3: Đạt (mức 5/7 điểm)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4: Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành Triết học phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu thuật giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ người học. Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của NH là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của NH so với CDR của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của SV TH được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt quá trình SV theo học tại Khoa LLCT, nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực NH đạt được so với mục tiêu CDR học phần và CTĐT. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá đảm bảo sự đa dạng, giá trị, tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các phương pháp kiểm tra đánh giá được GV ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các phương pháp mới. NH được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Đánh giá kết quả học tập của NH là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Trường ĐHTN thực hiện đánh giá đầu vào đối với người học ngành TH theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của BGDDĐT [H5.05.01.01]. Đối với công tác tuyển sinh đầu vào các hệ đào tạo, Nhà trường đều có các thông báo đưa ra các tiêu chí, điều kiện cụ thể để lựa chọn người học phù hợp với điều kiện trúng tuyển từng năm. Tiêu chuẩn xét tuyển đầu vào của ngành TH đều đảm bảo các yêu cầu của BGDDĐT. Trong quá trình đào tạo và đánh giá người học, Nhà trường đã phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị liên quan [H5.05.01.02] từ khâu tổ chức học, lập kế hoạch thi, tổ chức thi và công bố kết quả thi. Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập SV ngành TH được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của BGDDĐT và của Trường ĐHTN [H5.05.01.03]. Trường đã thực hiện quy trình thi, kiểm tra đánh giá người học bao gồm quá trình đào tạo, thi, chấm khoa luận, chuyên đề tốt nghiệp [H5.05.01.04] rõ ràng, thống nhất. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được công bố công khai, rộng rãi đến các đơn vị, các khoa, tới SV và các bên liên quan nhằm tổ chức, kiểm soát toàn bộ quá trình học tập, rèn luyện của người học được khách

quan, công bằng qua phần mềm quản lý đào tạo, quy định công tác khảo thí, điều kiện dự thi và điểm đánh giá các học phần, quy định đánh giá kết quả điểm rèn luyện ,...

Việc đánh giá kết quả học tập của NH được NLCBCNML thiết kế logic, khoa học dựa vào CĐR của CTĐT ngành TH. Dựa theo Thông tư Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực cần đạt được sau khi tốt nghiệp và quy định của Nhà trường, BM đã xây dựng CTĐT ngành TH, quy định rõ số tín chỉ mà SV phải tích lũy, tên học phần được Nhà trường in thành cuốn và phát tới các Lớp, SV ngay từ khi nhập học để biết và thực hiện [H5.05.01.05]. Theo đó hàng năm, BMNLCBCNMLN xây dựng kế hoạch giảng dạy theo năm học đối với từng Lớp. Kế hoạch giảng dạy hàng năm được thể hiện bằng tổng số tín chỉ mà SV phải tích lũy, số tín chỉ bắt buộc, số tín chỉ tự chọn. Cùng với CTĐT và kế hoạch học tập, trong xây dựng ĐCCT học phần [H5.05.01.05] có quy định rõ về yêu cầu cách thức kiểm tra đánh giá, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu cần đạt được thông qua các rubrics yêu cầu của từng học phần [H5.05.01.10]; ngân hàng đề thi, hình thức kiểm tra, đánh giá bám sát mục tiêu học phần và CĐR cần đạt được. Với những môn học thuộc khối kiến thức đại cương, việc đánh giá SV có thể thực hiện qua các câu hỏi tương ứng trong bài kiểm tra giữa kỳ hoặc trong kỳ thi cuối kỳ. Hình thức đánh giá chủ yếu là thi tự luận. Một số môn học như ngoại ngữ, tin học, hình thức thi vấn đáp và thi trắc nghiệm khách quan có thể áp dụng đối với các CĐR theo Quy định về công tác khảo thí do Trường ĐHTN ban hành [H5.05.01.04]. Đối với các học phần thuộc về các kỹ năng thực hành, việc đánh giá có thể qua quá trình SV thực hiện các bài thực hành. Khoa Lý luận chính trị có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập trong các văn bản hướng dẫn thực tế, thực tập của Khoa LLCT [H5.05.01.08]. Cuối quá trình học, SV phải thực hiện chuyên đề tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp [H5.05.01.08] [H5.05.01.03], đây là bước đánh giá cuối cùng và quan trọng nhất, yêu cầu NH vận dụng toàn bộ kỹ năng đã được học tại trường, không chỉ hiểu mà còn phải biết vận dụng, phân tích và sáng tạo.

Trong tất cả các học phần, kết quả đánh giá chung bao giờ cũng có phần kết quả điểm bộ phận, kết quả thi học kỳ các học phần, thể hiện đánh giá về ý thức, kỹ năng, thái độ của NH một cách toàn diện theo mục tiêu của CĐR. Nhiều loại mẫu phiếu đánh giá NH được thiết kế đa dạng, đầy đủ phù hợp với từng nội dung học tập. Việc

đánh giá ý thức kỷ luật, ý thức tham gia các phong trào đoàn thể, trách nhiệm với cộng đồng... của NH cũng được đánh giá chặt chẽ và thiết kế phù hợp [H5.05.01.09].

Trường ĐHTN thực hiện nhiều nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt được CĐR. Nội dung đánh giá học phần bao gồm đánh giá bộ phận và thi. Đánh giá điểm bộ phận [H5.05.01.06] được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập (Hồ sơ học tập có thể kết hợp cả sản phẩm lí thuyết và thực hành thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm, ...). Đánh giá thi bằng hình thức trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp [H5.05.01.07]. Đề thi kết thúc học phần, ngân hàng câu hỏi các môn chuyên ngành của ngành Triết học đều được Trưởng bộ môn và lãnh đạo Khoa phê duyệt. Nội dung kiểm tra đánh giá học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi [H5.05.01.07]. Ngân hàng câu hỏi thường xuyên được rà soát, điều chỉnh theo từng năm học, trước kì thi. Lịch thi kết thúc các học phần, thi tốt nghiệp cuối khóa, thi học kỳ các hệ đào tạo được sắp xếp và công khai tới người học, GV và các đơn vị liên quan trước ngày thi ít nhất là 2 tuần để NH biết và chủ động [H4.04.03.03]. Để đánh giá, công nhận tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu cầu thực tiễn, SV các ngành thuộc Khoa Lý luận chính trị nói chung ngành Triết học nói riêng bên cạnh việc hoàn thành đủ số tín chỉ theo Quy định còn phải có chứng chỉ GDQP, có chứng nhận GDTC, chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản và có chứng nhận năng lực Tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam [H1.01.01.01].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường và Khoa đã có các văn bản, tài liệu hướng dẫn, có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của NH.

- Các quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu CĐR trong suốt quá trình đánh giá NH xuyên suốt từ lúc nhập học tới khi ra trường.

- Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH thường xuyên được công bố công khai, minh bạch đến NH thông qua nhiều hình thức khác nhau; không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo và mức độ đạt được của CĐR.

3. Điểm tồn tại

- Kiểm tra, đánh giá chưa thật sự đồng đều về độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học, CTĐT, độ khó cũng như đáp ứng yêu cầu đánh giá cả kiến thức và kỹ năng, đảm bảo cân đối các mức độ nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, sáng tạo.

- Nhà trường có thống kê phân tích định lượng các kết quả thi song dữ liệu chưa được khoa, bộ môn sử dụng làm rõ mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra/thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được CĐR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Khoa Xây dựng Rubrics tất cả các học phần nhằm hỗ trợ công tác kiểm tra, đánh giá học phần, công bố cho NH trước khi học. - Khoa, Bộ môn phân tích làm rõ mức độ khó, dễ, phù hợp của các hình thức kiểm tra/thi nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức đạt được CĐR và có hướng điều chỉnh cho phù hợp.	BMNLCBCNML, Khoa LLCT	Từ năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Đa dạng các phương thức đánh giá phù hợp với CĐR - Đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng kết quả học tập trong suốt quá trình học tập. - Khoa, BM có những điều chỉnh tối ưu hơn các hình thức thi và ngân hàng đề thi tự luận.	BMNLCBCNML, Khoa LLCT	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 5.1: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH của ngành TH được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo đại học của Trường ĐHTN và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ, phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H5.05.01.03].

Về thời gian: Các hình thức kiểm tra đánh giá (vấn đáp cá nhân, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm...) có thể thực hiện thường xuyên, suốt thời gian môn học. Thời gian kiểm tra giữa học phần do GV phụ trách bộ môn căn cứ theo thời lượng và tiến độ tổ chức thực hiện. Mỗi học kỳ, nhà Trường tổ chức 2 đợt thi kết thúc học phần vào tuần thứ 7 và sau tuần thứ 16 của học kỳ (bao gồm 15 tuần học và 1 tuần dự trữ). Ngoài ra, Nhà trường tổ chức kì thi lại sau mỗi học kỳ [H5.05.01.07].

Về trọng số điểm: Giai đoạn 2015 - 2018, trọng số điểm bộ phận là: chuyên cần (10%), thi giữa kì (20%), cuối kỳ (70%); thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường. Từ năm học 2019 – 2020, Nhà trường cải tiến các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá, trọng số điểm bộ phận và điểm thi do GV đề xuất, thông qua NLCBCNML, Khoa phê duyệt và được Nhà trường ra thông báo tới người học, người dạy trong kế hoạch học tập đầu năm hoặc trong quá trình học tập và trước mỗi kỳ thi kết thúc học phần [H5.05.01.09] [H5.05.02.03]. Điểm ý thức học tập và kiểm tra định kỳ được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV; SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ cổng thông tin điện tử của Nhà trường, khoa và cổng thông tin cá nhân sinh viên [H4.04.03.03]. Phòng Quản lí chất lượng công bố công khai quy định việc phúc khảo kết quả thi của SV.

Về nội dung: Việc kiểm tra, đánh giá và thi phải đảm bảo bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình. Nhìn chung, các dạng thức kiểm

tra, thi những năm vừa qua của ngành TH đều bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình ở mức độ khá toàn diện. Riêng hình thức ngân hàng đề thi đảm bảo độ bao quát chương trình rất cao, các câu hỏi đều bám sát nội dung và tương ứng với trọng số môn học [H5.05.02.05].

Về hình thức: Đề thi được quy định rõ về cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu... [H5.05.01.07].

Về tiêu chí đánh giá: Tiêu chí về kiểm tra đánh giá học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần [H5.05.02.06]. Đánh giá kết quả làm bài tập lớn, thực tập chuyên ngành của sinh viên cuối khóa có bộ tiêu chuẩn cụ thể, đồng thời kết quả thi tốt nghiệp/ thực tập tốt nghiệp được thông báo đến sinh viên theo đúng tiến độ và quy trình [H5.05.02.07] [H5.05.01.08]. Công tác kiểm tra đánh giá việc đảm bảo tính bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần và CTĐT được các bộ môn liên quan tiến hành hàng năm.

Các quy định về đánh giá người học rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi đến các đơn vị, các khoa, đặc biệt là sinh viên. Khi mới bắt đầu nhập học, quy trình đánh giá kết quả học tập được phổ biến tới từng người học, GV và CBVC bằng “Sổ tay SV”, “Sổ tay CVHT”, “Quy định về công tác khảo thí” đồng thời cũng được công bố rộng rãi trên Website của Nhà trường [H5.05.02.08], [H5.05.02.09], [H5.05.01.04], [H4.04.03.03]. Trước khi đăng ký học, SV nhận cuốn sách CTĐT [H5.05.01.05] được xuất bản hàng năm và phân phát tới SV, các đơn vị trong toàn Trường. Trong đó quy định rõ quy trình đánh giá kết quả học tập, quy trình phúc tra, rà soát kiểm tra để đảm bảo kết quả đánh giá luôn công khai, công bằng và khách quan. Ngoài ra, SV ngành TH được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra đánh giá, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ Trợ lý đào tạo và CVHT của khoa. Các thông tin, quy định về kiểm tra, đánh giá các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương chi tiết môn học [H5.05.02.06], quy định về kiểm tra đánh giá môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học. Cơ chế phản hồi của NH về đánh giá kết quả học tập được thực hiện dưới nhiều hình thức (Hội nghị đối thoại SV cấp lớp và cấp khoa, kết quả phỏng vấn người học, phiếu lấy ý kiến đánh giá sinh viên cuối khóa) [H5.05.02.05].

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH theo CTĐT ngành TH rõ ràng, đúng kế hoạch.

- Thông tin về kế hoạch và các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thông báo rõ ràng, công khai tới NH.

3. Điểm tồn tại

Việc tìm kiếm, nắm bắt thông tin của NH về quy định kiểm tra, đánh giá NH còn hạn chế về tiến độ, sự chủ động, kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa, Bộ môn sẽ đăng tải các quy định liên quan và cập nhật thường xuyên các văn bản về quy định kiểm tra, đánh giá người học để người học cập nhật quy định về đánh giá kết quả học tập kịp thời, GV thông báo về các hình thức, tiêu chí đánh giá qua Rubrics của học phần để NH nắm được.	BM NLCBCNML, Khoa LLCT	Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	- GV của bộ môn tiếp tục đa dạng các phương thức đánh giá phù hợp với CĐR - Công khai kết quả học tập với NH qua quá trình học, công thông tin	Khoa LLCT, BMNLCBCNML	2020

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 5.2: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện theo Quy chế đào tạo quy định thi, kiểm tra, đánh giá và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường ĐHTN. Trường đã thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD&ĐT từ năm học 2009 – 2010. Những năm gần đây, Trường thường xuyên điều chỉnh, sửa đổi Quy chế học vụ để phù hợp với thực tiễn [H5.05.01.03]. Trường đã cụ thể hóa việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lý thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lý thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập; đánh giá giữa kỳ và thi kết thúc học phần [h5.05.03.02]. Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng. Phương pháp đánh giá cho môn học được thảo luận thống nhất giữa các GV giảng dạy môn học đó và các GV trong bộ môn phụ trách môn học để thể hiện trong đề cương môn học [H5.05.02.01]. Để đảm bảo tính kịp thời, chính xác, khách quan, công bằng và giảm thiểu sai sót trong công tác khảo thí, Nhà trường yêu cầu các đơn vị: Phòng QLCL, phòng Thanh tra Pháp chế, các Khoa, phối hợp kiểm tra chéo kết quả học tập của SV. Phòng QLCL cung cấp bảng điểm quá trình, điểm thi và kết quả điểm thi thể hiện trên phần mềm Quản lý đào tạo [H5.05.02.01]. Các khoa cử cán bộ rà soát, kiểm tra lại toàn bộ điểm quá trình và điểm thi do phòng QLCL cung cấp. Phòng Thanh tra Pháp chế giám sát toàn bộ quá trình trên và lập biên bản tổng hợp.

Khoa Lý luận chính trị, BMNL CBCNMLN đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà trường, các nội dung về công tác đánh giá kết quả học tập được thông báo tới từng GV trong các cuộc họp bộ môn [H5.05.03.01]. GV tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm giữa kỳ, chuyên cần, và công bố công khai cho SV trước khi kết thúc học phần [H5.05.03.02]; trước khi nộp về văn phòng khoa nhập điểm, GV báo cáo bảng điểm với Trưởng bộ môn và đề nghị xác nhận. Khi kết thúc học phần, nếu GV cảm thấy trường hợp SV nào đều phải làm rõ việc đã nhắc nhở cảnh báo SV trong quá trình giảng dạy được thể hiện rõ trong bảng điểm đánh giá giữa học phần và nhập rõ trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường [H5.05.01.06]. [H5.05.02.01].

Trước kỳ thi ít nhất 3 ngày, các bộ môn, GV nộp ngân hàng câu hỏi thi cho Nhà trường (qua Phòng QLCL) theo đúng thời gian đã được quy định. GV phải chịu trách

nhiệm về nội dung và tính bảo mật của ngân hàng câu hỏi thi trước khi bàn giao cho Phòng QLCL. Ban in sao đề thi của Trường gồm cán bộ phòng QLCL, cán bộ thanh tra, thư ký... thực hiện in sao và tuyệt đối bảo mật đề thi. Ban coi thi gồm cán bộ phòng QLCL phối hợp với viên chức các khoa, bố trí CBCT (cán bộ coi thi) (ít nhất có 02 CBCT/phòng thi) [H5.05.03.03]. Trong quá trình tổ chức thi, NH vi phạm quy chế thi sẽ bị lập biên bản, lập danh sách và được Trường xử lý theo quy định [H5.05.03.04]. Sau khi thi, bài thi sẽ được niêm phong và chuyển về phòng QLCL để tiến hành công tác đánh phách, rọc phách. BM phải cử GV lên chấm thi tại phòng Chấm thi. Tất cả các bài thi đều phải được chấm và có chữ ký của cán bộ chấm thi. Biên bản ghi điểm phải có chữ ký của cán bộ chấm thi [H5.05.01.04].

Đối với việc xây dựng Kế hoạch thiết lập ngân hàng câu hỏi thi của Trường, để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong công tác đánh giá người học bao gồm SV, học viên, Phòng QLCL phối hợp với các bộ môn thiết lập ngân hàng câu hỏi thi với số lượng đề đủ lớn, đồng thời ngân hàng đề thi liên tục được cập nhật, bổ sung để tránh sự trùng lặp giữa các kỳ thi, các năm học [H5.05.01.07].

Đối với Khoa LLCT còn quy định trong quá trình giảng dạy, học tập giảng viên, CVHT, trợ lý đào tạo, quản lý HS-SV, Phó Trưởng khoa [H5.05.03.05] phụ trách công tác HS-SV phải bám sát quá trình học tập của sinh viên, đối với những sinh viên thuộc diện cảnh báo các bên liên quan phải theo dõi và nhắc nhở sinh viên. Hàng tháng CVHT có tiết sinh hoạt Lớp để nắm bắt tình hình và giải đáp các thắc mắc của sinh viên. Đồng thời, CVHT làm báo cáo tình hình học tập, nề nếp của Lớp nộp về Khoa trước 28 hàng tháng. Bên cạnh việc cải tiến quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, Nhà trường còn nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, GV như tổ chức các khóa tập huấn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về công tác kiểm tra, đánh giá [H5.05.03.05].

2. Điểm mạnh

- Công tác đánh giá kết quả học tập của NH được Khoa LLCT, Bộ môn và GV thực hiện qua nhiều phương pháp khác nhau.

- Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được sử dụng đảm bảo theo đúng quy trình, nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc tiến hành tổng kết về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần chưa diễn ra thường xuyên, liên tục do đặc thù môn học và số lượng sinh viên chuyên ngành TH tương đối ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bộ môn cần tổng hợp phân tích hiệu quả thực hiện của các hình thức kiểm tra đánh giá như trắc nghiệm, tự luận và vấn đáp một cách đồng đều và thường xuyên cho thi kết thúc tất cả các học phần.	BM NLCBCNML, Khoa LLCT	Năm học 2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	-Thực hiện đúng quy trình đánh giá; -Tiếp tục đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra đánh giá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT.	Khoa LLCT	2020

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 5.3: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Công tác chấm thi, công nhận kết quả thi và thông báo kết quả thi của NH được Nhà trường phản hồi kịp thời đến người học theo đúng các quy định về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của NH Trường ĐHTN. Điểm đánh giá ý thức học tập/hồ sơ

học tập và điểm đánh giá giữa kỳ phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần [H5.05.01.06]; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV trên trang thông tin cá nhân của SV chậm nhất 30 ngày sau ngày thi kết thúc học phần. Kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường thông báo kịp thời và công khai trên trang web của Trường (qua tài khoản sinh viên) [H4.04.03.03]. Thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo để NH tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi, không chỉ kết quả học tập sau mỗi học kì mà cả tiến trình từ khi nhập học [H5.05.04.01].

Kết thúc mỗi kỳ thi, và kết thúc năm học, khóa học các ngành đào tạo, Nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác thi để rà soát, tổng hợp và điều chỉnh hình thức đánh giá các môn học, công tác tổ chức thi, in sao đề thi, chấm thi, công bố kết quả thi để đạt được mục đích khách quan, công khai, công bằng cho NH [H5.05.04.02]. Sau mỗi kì có kết quả học tập, để giúp NH nâng cao, cải thiện kết quả học tập, Nhà trường đã đưa ra các thông báo thi lại và Thi cải thiện điểm D [H5.05.04.03] để sinh viên nắm bắt kịp thời và có kế hoạch ôn thi, cải thiện kết quả học tập. Nhà trường đã quan tâm và thông báo cho NH, đặc biệt là NH có học lực yếu bị cảnh báo học tập. Khoa, BM cùng CVHT gặp trực tiếp NH thuộc diện bị cảnh báo học tập để nhắc nhở và tư vấn về tiến độ học tập, lộ trình đăng ký môn học... Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho NH có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép của CTĐT [H5.05.04.04].

Nhà trường tổ chức tổng kết đánh giá về kết quả thực hiện qua báo cáo tổng kết các năm học [H5.05.04.05] và đồng thời trường cùng Khoa Lý luận chính trị tổ chức lấy ý kiến về mức độ hài lòng NH đối với cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập bằng bảng hỏi sinh viên đánh giá giảng viên từng học kỳ, thông qua cổng thông tin SV Kết quả việc làm này được tổng hợp trong Báo cáo tổng hợp kết quả SV đánh giá giảng viên [H5.05.02.06] [H3.03.02.03], Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của SV và các bên liên quan về đánh giá chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục [h4.04.03.04], ý kiến khảo sát của sinh viên, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo của trường [H4.04.03.20]. Ý kiến thông tin phản hồi từ NH đối với kết quả học tập thường xuyên được khoa, trường đưa vào báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị nhằm rút kinh nghiệm và có biện pháp cải thiện việc học tập của SV [H5.05.04.05].

2. Điểm mạnh

- Kết quả học tập của NH thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của NH được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn.

- Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ NH trong suốt quá trình học tập tại trường.

- Ban Chủ nhiệm Khoa LLCT, Trợ lý đào tạo Khoa, NLCBCNML, CVHT, các Lớp TH đã tích cực làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình để giúp sinh viên hoàn thành chương trình học tập đúng thời hạn và đạt kết quả tốt.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù kết quả học tập của NH được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải tiến quá trình học tập, song đôi lúc còn có số ít SV băn khoăn với kết quả thi do SV chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu với kết quả đánh giá thi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất với Nhà trường về việc công khai đáp án của đề thi trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo để SV tự đối chiếu với bài thi, qua đó giúp SV có kế hoạch điều chỉnh việc học tập cũng như hạn chế việc đề nghị kiểm tra kết quả thi.	BM NLCBCNML, Khoa LLCT	Từ 2020
2	Phát huy điểm mạnh	- Khoa, Bộ môn, GV thực hiện đúng quy chế phản hồi kết quả kịp thời để NH cải thiện việc học tập của mình, GV và nhà trường nâng cao được chất lượng. - Khoa LLCT Phân công cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ, Bộ môn, Khoa để hỗ trợ kịp thời những phản hồi của NH. - Khoa, Bộ môn trên cơ sở những phản hồi của các bên liên quan đề ra những mặt cần phát huy và khắc phục thường xuyên hơn nữa.	Trưởng, Khoa	2020

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 5.4: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Trường ĐHTN hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi của NH và đăng tải trên các thông báo dành cho SV trên website của Trường [H5.05.01.04], [H5.05.05.01]. Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như Sổ tay sinh viên, CVHT và trang thông tin điện tử của Trường, theo đó người học nhanh chóng được giải đáp các thắc mắc, thực hiện các khiếu nại theo đúng quy định trong thời gian cho phép [H5.05.02.04], [H5.05.02.05], [H5.05.02.06].

Sau khi biết được kết quả thi, NH có quyền phúc tra điểm thi nếu cảm thấy kết quả chưa hài lòng. Đối với các môn thi vấn đáp, môn học nộp bài tiểu luận, làm bài thi trên máy tính, SV liên hệ với GV hoặc bộ môn phụ trách nếu có khiếu nại về điểm thi. Trong trường hợp thay đổi điểm, bộ môn phải giải trình và được phòng QLCL xác nhận trước khi công nhận điểm cho NH. Đối với môn thi tự luận, bộ môn bố trí GV kiểm tra bài thi, chấm phúc khảo, đảm bảo công bằng cho người học [H5.05.05.02]. Sau khi kết thúc công tác chấm thi và lên điểm, phòng QLCL kết hợp với các Khoa/BM kiểm tra, đối chiếu điểm thi của người học trên “Phần mềm quản lý ĐT theo học chế tín chỉ” so với biên bản chấm thi. Phở điểm của mỗi môn học cũng sẽ được gửi về bộ môn để bộ môn rà soát lại đề thi của mình [H5.05.01.04]. Phòng Thanh tra Pháp chế có trách nhiệm giám sát toàn bộ quá trình học tập của người học, quy trình tác nghiệp của GV, công tác tổ chức thi, công tác phúc khảo và có thống kê SV vi phạm quy chế thi [H5.05.03.04], các thay đổi điểm thi sau khi phúc khảo vào sổ phúc tra điểm thi [H5.05.05.02]. Hàng năm, để thuận tiện cho người học trong việc tiếp cận, cán bộ liên quan trong quá trình khiếu nại, phòng QLCL đã phân công một số chuyên viên phụ trách việc kiểm tra kết quả thi để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới NH có liên quan [H5.05.05.03] [H5.05.05.05]. Đồng thời cũng trên cơ sở đó khảo sát sự đánh giá của NH và cựu NH [H5.05.05.04] về quy trình khiếu nại kết quả học tập để trên cơ sở đó cải thiện tốt hơn.

2. Điểm mạnh

- NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp khoa đến Phòng QLCL của Nhà trường.

- SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

- Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, từ cấp khoa đến các đơn vị liên quan cấp trường nên gây phiền phức, mất thời gian và công sức của NH khi thực hiện công việc này.

- Trang thông tin điện tử về việc khiếu nại chưa được công khai rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Giảm nhẹ các thủ tục hoặc đưa sang thực hiện các thủ tục theo hình thức điện tử, công khai rộng rãi.	BM NLCBCNML, Khoa LLCT	Năm học 2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Thực hiện đúng quy chế phản hồi kết quả cho NH. - Trường, Khoa, CVHT phổ biến cho SV nắm được quy trình khiếu nại về kết quả học tập kịp thời, thoả đáng	Trường ĐHTN, Khoa LLCT, CVHT	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 5.5: Đạt (mức 3/7 điểm)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5: Mặc dù còn một số điểm tồn tại như đã nêu ở trên, nhưng nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành TH, Khoa LLCT được thực hiện một cách bài bản, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHTN để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của SV. Khoa LLCT, NLCBCNML tập trung vào đánh giá năng lực của NH thông qua các kỳ

thi/kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, đồng thời có phản hồi đến NH để NH xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, theo từng giai đoạn cụ thể, khoa Lý luận chính trị luôn chú trọng đến việc xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ cán bộ bao gồm, quy hoạch đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và tuyển dụng cán bộ một cách phù hợp và liên tục đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, giảng viên trong khoa thực hiện đúng và vượt tiến độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy hoạch của Nhà trường. Chính vì vậy, đội ngũ giảng viên của khoa Lý luận chính trị luôn đáp ứng được các yêu cầu đặt ra, nhất là yêu cầu về đào tạo và NCKH. Tính đến thời điểm năm 2020, Khoa LLCT là đơn vị có tỷ lệ cán bộ có trình độ có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ cao nhất trường ĐHTN. Các công tác liên quan đến đội ngũ cán bộ như quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, quản lý, tuyển dụng... luôn được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính công khai, dân chủ, minh bạch, luôn tạo được động lực để đội ngũ cán bộ phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong tâm là công tác giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhằm định hướng, quản lý và công khai, minh bạch trong công tác thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Trường ĐHTN đã ban hành và áp dụng hệ thống các văn bản, quy định, quy chế cụ thể như: Quy chế về việc tuyển dụng và sử dụng viên chức của Trường ĐH Tây Nguyên [H6.06.01.08], [H6.06.05.10], Quy chế chi tiêu nội bộ hiện tại thời điểm tuyển dụng [H6.06.05.10], Quy định đánh giá, phân loại thi đua hàng quý và năm học đối với công chức, viên chức và người lao động trường ĐH Tây Nguyên [H6.06.02.03], và Quy định về chế độ làm việc, nghỉ hàng năm và nghỉ việc riêng của công chức, viên chức và người lao động trường ĐH Tây Nguyên [H6.06.05.10]. Những văn bản, quy định nêu trên đều được Chi ủy, Ban lãnh đạo khoa LLCT quán triệt, triển khai đến từng BM và toàn thể

cán bộ, giảng viên trong khoa. Theo định kỳ Khoa luôn kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, giảng viên thực hiện đúng các văn bản, quy định, quy hoạch... đã được phê duyệt, các trường hợp chưa thực hiện quy hoạch đào tạo vì những lý do khác nhau sẽ phải giải trình và có đơn xin gia hạn thời gian thực hiện quy hoạch đào tạo đề nghị Lãnh đạo trường cho phép.

Trên cơ sở thực tiễn yêu cầu nhiệm vụ của Nhà trường được các đơn vị đề xuất, thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy [H6.06.01.01], Nhà trường xây dựng và báo cáo biên chế công chức, số lượng người làm việc trong năm theo danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc của Trường và cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp hạng I, II, III, IV để trình Bộ GDĐT duyệt chỉ tiêu biên chế [H6.06.01.04]. Căn cứ phê duyệt chỉ tiêu biên chế của Bộ GDĐT [H6.06.01.04], Trường ĐHTN trình Hội đồng Trường phê duyệt và ban hành danh mục vị trí việc làm [H6.06.01.05], thông báo đến các đơn vị thuộc Trường rà soát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hàng năm của CBVC và xây dựng kế hoạch nhân lực trong năm [H6.06.01.07]. Trên cơ sở này, Nhà trường thông báo tuyển dụng các vị trí việc làm đáp ứng hoạt động đào tạo theo quy định tuyển dụng và quy trình từ khâu xét tuyển, sát hạch chuyên môn, phỏng vấn và quyết định công nhận kết quả trúng tuyển [H6.06.01.09], [H6.06.03.04].

Ngoài ra, Chiến lược phát triển đội ngũ được xây dựng trong Đề án vị trí việc làm và trình Bộ GDĐT phê duyệt, mỗi vị trí được xác định cụ thể số lượng người làm việc. [H6.06.01.10] Ở mỗi vị trí tuyển dụng, đều công khai những tiêu chuẩn bắt buộc và những ưu tiên theo quy định của Nhà nước và theo nhu cầu tuyển dụng của từng ngành tại thời điểm tuyển dụng. Những chế độ ưu đãi trong thu hút nguồn nhân lực cũng được thể hiện rõ, trọng tâm là giành cho đối tượng giảng viên có trình độ cao, nhất là ở một số ngành khó tuyển giảng viên [H6.06.01.10]. Hằng năm, trên cơ sở thông báo của Nhà trường, bám sát nhiệm vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa, Chi ủy, Lãnh đạo Khoa chỉ đạo các BM đề xuất số lượng tuyển dụng nhân lực và đề xuất lên Nhà trường đưa vào kế hoạch tuyển dụng nhân lực hàng năm [H6.06.01.08], [H6.06.01.06]. Việc tiến hành tuyển dụng được thực hiện công khai theo đúng quy định của Nhà trường, trong thành phần Hội đồng tuyển dụng luôn có đại diện lãnh đạo khoa, lãnh đạo BM, các giảng viên có trình độ chuyên môn sâu và kinh nghiệm giảng dạy tham gia [H6.06.01.09], [H6.06.03.03]. Giảng viên sau khi trúng tuyển được phân công về các BM theo đúng vị trí tuyển dụng và phân công đảm nhiệm các học phần giảng dạy

theo năng lực chuyên môn và sở trường công tác, cử đi bồi dưỡng chuyên môn ở các cơ sở đào tạo có uy tín hoặc cử giảng viên có trình độ chuyên môn cao hướng dẫn, giúp đỡ tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành các bước theo quy trình đánh giá để có quyết định giảng dạy chính thức theo đúng quy định của Nhà trường.

Hướng tới thực hiện mục tiêu đạt tỷ lệ 22 S V/1 giảng viên quy đổi theo tiêu chuẩn của Nhà nước quy định đối với các khối ngành và phát triển nguồn nhân lực theo Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHTN, Nhà trường đã ban hành Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức giai đoạn 2013-2017, giai đoạn 2016-2020 và rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBVC giai đoạn 2017-2020 [H6.06.05.01]. Với tỷ lệ cán bộ có trình độ Tiến sĩ và Thạc sĩ cao, tỷ lệ S V chuyên ngành tuyển vào không nhiều nên hầu như tiêu chuẩn này luôn được đảm bảo mức chuẩn và vượt chuẩn.

Bảng 6.1. Thống kê số lượng tuyển sinh hệ chính quy giai đoạn 2016-2020

Năm học	Số lượng tuyển sinh của khoa	Riêng ngành Triết học
2020 - 2021	21	5
2019 - 2020	17	4
2018 - 2019	17	5
2017 - 2018	26	13
2016 - 2017	37	14

Ngoài việc quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, việc bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo quy của các cấp, ngành cũng được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện như: Mở các lớp Bồi dưỡng chứng chỉ chức danh nghề nghiệp cho giảng viên hạng I, II theo quy định của Bộ GD&ĐT [H6.06.05.06] và cử giảng viên đi thi nâng ngạch giáo viên, giảng viên theo các đợt thông báo của Bộ GD&ĐT [H6.06.05.06]. Công tác này cũng được tập thể lãnh đạo khoa quan tâm, đôn đốc, nhất là việc hướng dẫn cho các giảng viên trong khoa tích lũy các điều kiện cần và đủ để được tham gia các đợt thi nâng ngạch giảng viên. Nhờ đó, trong 5 năm qua, số lượng giảng viên được nâng ngạch từ giảng viên hạng III lên hạng II là 10 người, nâng tỷ lệ giảng viên chính lên 62% (có tỷ lệ cao nhất Trường).

Có thể nói, việc quy hoạch đội ngũ cán bộ, giảng viên của khoa LLCT luôn tuân thủ đúng các quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Trường ĐHTN, bám sát Điều lệ Trường Đại học, Quy chế tổ chức hoạt động và Quy

định tiêu chuẩn tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức theo từng chức danh, chức vụ cụ thể của Trường ĐHTN. Chính vì vậy, trong những năm qua đội ngũ cán bộ của Khoa LLCT luôn đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao và yêu cầu thực tiễn của công tác đào tạo, NCKH và hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng. Việc xây dựng định hướng quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Khoa luôn phù hợp với chiến lược phát triển của Trường ĐHTN [H6.06.01.05].

Tính đến tháng 12 năm 2020, khoa LLCT có 17 cán bộ, trong đó có 16 giảng viên, 01 03 chuyên viên được chia quy hoạch theo 02 bộ môn: BM Nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin, BM Đường lối CM của ĐCSVN và TT Hồ Chí Minh. Số cán bộ giảng dạy đạt trình độ Tiến sĩ là 05 (chiếm 31%); số cán bộ đang làm nghiên cứu sinh là 05 (30%); số cán bộ đạt trình độ Thạc sĩ là 04 (chiếm 25%); số cán bộ đang học Cao học là 02 (chiếm tỉ lệ 12%); số lượng giảng viên chính là 10 (chiếm tỉ lệ 62%) [H6.06.03.01]. Có thể nói, về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khoa LLCT là khoa có tỷ lệ cán bộ có trình độ chuyên môn đạt và vượt chuẩn cao nhất trong toàn trường, dự kiến trong 1 đến 2 năm tới, khoa sẽ có 100% giảng viên đạt trình độ chuẩn về trình độ chuyên môn và chức danh nghề nghiệp, trong đó có khoảng 60% đạt trình độ Tiến sĩ.

Bảng 6.2. Bảng thống kê số giảng viên trong 5 giai đoạn 2016 - 2020

Số lượng giảng viên bộ môn Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin					
Năm học	2016 – 2017	2017 – 2018	2018 – 2019	2019 – 2020	2020 – 2021
Số lượng Giảng viên	13	12	12	11	11

Ngoài ra, Khoa còn có sự hợp tác với các giảng viên thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên có uy tín từ nhiều trường cao đẳng, đại học, các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh Đắk Lắk.

Trong công tác quy hoạch, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, ngoài việc chú trọng đến công tác chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, Nhà trường cũng luôn chú trọng đến việc thực hiện nhiệm vụ KHCN và phục vụ cộng đồng của cán bộ, giảng viên với những quy định ràng buộc rõ ràng theo từng vị trí, trình độ chuyên môn cụ thể và đưa vào tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại viên chức [H6.06.07.03], [H6.06.06.02]. Trên cơ sở quy định và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã ban hành các quy định về mức chuẩn giờ khoa học, giờ đảm nhiệm các công việc khác.... [H6.06.07.03]. Để hỗ trợ và khuyến khích đội ngũ giảng viên tham NCKH, Nhà trường ban hành quy

định về chế độ khen thưởng đối với những công trình có giá trị khoa học cao và cán bộ có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng theo từng năm và từng giai đoạn, hằng năm có điều chỉnh theo hướng nâng cao chế độ đãi ngộ đối với lĩnh vực này [H6.06.07.03], [H6.06.05.10].

Hàng năm Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng tiến hành các NCKH và công bố quốc tế cho đội ngũ giảng viên, nhất là đội ngũ giảng viên trẻ [H6.06.07.03]. Các quy định và hoạt động này của Nhà trường luôn được Khoa quán triệt đến cán bộ, giảng viên trong khoa và xây dựng các kế hoạch tổ chức Hội nghị, HTKH, nắm bắt, cung cấp thông tin về các HN, HTKH để cán bộ, giảng viên tham gia. Chính vì vậy, trong giai đoạn đánh giá (2016 – 2020), hoạt động NCKH, HTQT và phục vụ cộng đồng của khoa LLCT đã có những kết quả khởi sắc với: 03 ĐTKH cấp tỉnh, 08 ĐTKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế, hàng trăm bài báo, tham luận khoa học đăng trên tạp chí, hội thảo khoa học trong nước, tổ chức 06 HN, KTKH cấp khoa....

Ngoài ra, các giảng viên trong khoa còn tham làm Báo cáo viên cho Tỉnh ủy Đắk Lắk, làm giám khảo cho các cuộc thi của Tỉnh ủy Đắk Lắk, làm giám khảo chấm thi giáo viên giỏi cấp tỉnh do Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Lắk tổ chức, tham gia hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho học viên cao học, hướng dẫn SV làm ĐTKH cấp cơ sở, làm cố vấn khoa học Dự án NCKH của học sinh THPT tham gia cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh ở Đắk Nông và cấp quốc gia tổ chức tại Huế năm học 2020 – 2021 [H6.06.07.04].

Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý từ cấp Khoa đến các BM đều được tiến hành theo đúng quy định của Nhà nước và văn bản hướng dẫn của Nhà trường trên cơ sở quy hoạch đã được phê duyệt [H6.06.01.13], đảm bảo cán bộ được bổ nhiệm có đủ tiêu chuẩn, dân chủ, công khai đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ở vị trí được bổ nhiệm, hằng năm có nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao làm căn cứ cơ bản để xếp loại viên chức và đánh giá đảng viên cuối năm [H6.06.04.03].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu của cán bộ, giảng viên được thực hiện nghiêm túc đúng kế hoạch, theo đúng Luật lao động, các quy định của Nhà nước và quy định, quy chế của Nhà trường [H6.06.01.15]. Trong giai đoạn 2016 – 2020 các giảng viên của khoa được nghỉ hưu theo chế độ và chấm dứt hợp đồng lao động đều không có ý kiến thắc mắc đối với khoa và Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Việc xây dựng kế hoạch chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo dựa trên những quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Việc triển khai thực hiện ở các BM và từng giảng viên về cơ bản đảm bảo tiến độ, nhiều cán bộ đã nỗ lực cố gắng thực hiện nhiệm vụ học tập và nâng cao trình độ trước lộ trình được quy hoạch đào tạo. Nhờ đó, số lượng cán bộ có trình độ cao, nhất là trình độ Tiến sĩ tăng cao ở giai đoạn đánh giá.

Trong công tác bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng và giải quyết chế độ nghỉ hưu đối với cán bộ trong Khoa cũng luôn được đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước và các văn bản cụ thể hóa của Nhà trường.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong giai đoạn đánh giá, phần lớn cán bộ, giảng viên trong khoa đều giảng dạy vượt định mức giờ chuẩn theo quy định, có nhiều công trình khoa học công bố trong và ngoài nước và đảm nhiệm thêm các nhiệm vụ khác do trong và ngoài Trường. Một số giảng viên trong khoa được bổ nhiệm, quy hoạch vào những chức vụ quan trọng của Nhà trường.

Tập thể cán bộ, giảng viên khoa LLCT là một tập thể cán bộ trẻ, có độ tuổi trung bình dưới 40 tuổi, tỷ lệ cán bộ nữ luôn đạt mức trên 50% trong giai đoạn đánh giá. Đây là thế mạnh lớn nhất của khoa trong việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc tuyển dụng giảng viên đảm nhiệm các học phần chung trong giai đoạn đánh giá chưa thể thực hiện được do không có hồ sơ dự tuyển, hoặc hồ sơ không đủ điều kiện. Một vài cán bộ còn chần chừ trong việc thực hiện quy hoạch đào tạo nâng cao trình độ. Chưa có giảng viên đủ điều kiện làm hồ sơ công nhận học hàm Phó Giáo sư.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tuyển dụng 02 giảng viên trong năm 2021 - Đôn đốc các cán bộ đang học tập nâng cao trình độ hoàn thành đúng tiến độ đào tạo, dự kiến trong năm 2021 sẽ có thêm 01 giảng viên đạt trình độ Thạc sĩ và 02 giảng viên đạt trình độ Tiến sĩ. - Cử 01 giảng viên đi học cao học và 01 giảng viên đi làm NCS theo đúng quy hoạch đào tạo	- Khoa Lý luận chính trị - Phòng TCCB	Năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Động viên 05 giảng viên có trình độ Tiến sĩ tăng cường tích lũy các điều kiện theo quy định để làm hồ sơ công nhận chức danh Phó Giáo sư - Thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các cán bộ quản lý cấp Khoa và BM theo đúng quy định của Nhà nước và văn bản cụ thể hóa của Trường ĐHTN - Động viên các giảng viên tăng cường hoạt động NCKH, hướng các giảng viên có trình độ Tiến sĩ, nhất là giảng viên trẻ tiếp tục nâng cao trình độ ngoại ngữ làm tiền đề cho việc công bố các công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế	- Khoa Lý luận chính trị - Phòng TCCB	Từ năm 2020

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 6.1: Đạt (mức 6/7 điểm)

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tính đến tháng 12 năm 2020 tổng số cán bộ, giảng viên của khoa LLCT là 17 người, trong đó có 16 giảng viên, 01 chuyên viên, độ tuổi trung bình của cán bộ là 37,9 tuổi, cán bộ lớn tuổi nhất là 53 tuổi, trẻ nhất là 29 tuổi. Về trình độ chuyên môn, có 5 giảng viên có trình độ Tiến sĩ (chiếm 29,4%), 05 cán bộ đang làm Nghiên cứu sinh (chiếm 29,4%), số cán bộ có trình độ Thạc sĩ là 04 (chiếm 23,5%), có 02 Cử nhân đang học cao học (chiếm 11,7%), 01 Kỹ sư (chuyên viên), số lượng giảng viên chính là 10 (chiếm tỉ lệ 62%) [H6.06.03.01].

Tất cả 16 giảng viên trong khoa đều tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành Triết học, trong đó BM Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin là BM chuyên môn được Lãnh đạo Khoa phân công trực tiếp phụ trách công ngành Triết học, trọng trách chính là phụ trách công tác chuyên môn và kế hoạch đào tạo, NCKH...

Tổng số cán bộ thuộc BM là 11 người (100% là giảng viên), trong đó có 02 giảng viên đạt trình độ Tiến sĩ (chiếm 18,1%, 03 giảng viên đang làm NCS (chiếm 27,2%), 04 giảng viên đạt trình độ Thạc sĩ (36,3%), 02 giảng viên đang học cao học (chiếm 18,1%), có 5 giảng viên chính (chiếm 45,4%) [H6.06.03.01]. Độ tuổi trung bình của các giảng viên trong BM là 35,5 tuổi, phân chia làm 3 nhóm: trên 40 tuổi có 02 cán bộ (chiếm 18,1%), từ 30 đến dưới 40 là 7 cán bộ (chiếm 63,6%), dưới 30 tuổi có 02 cán bộ (chiếm 18,1%). Đây là BM có đông giảng viên trẻ nhất khoa, có sự phân bố đều ở các lứa tuổi, đảm bảo sự kế cận trong công tác chuyên môn và quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Gần 70% giảng viên đang thực hiện đúng và sớm hơn quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của Nhà trường. Mặc dù độ tuổi trung bình còn khá trẻ, nhưng hầu hết các giảng viên trong BM đều có thâm niên và kinh nghiệm giảng dạy, người có kinh nghiệm giảng dạy nhiều nhất là 18 năm, ít nhất là 05 năm.

Ngoài việc giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành Triết học, các giảng viên còn đảm nhiệm việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị (Triết học, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử các học thuyết kinh tế...) trong

khối kiến thức đại cương của 34 chương trình đào tạo khác trong trường và giảng dạy học phần Triết học cho học viên các ngành đào tạo Cao học. Do đó, về cơ bản 100% giảng GD&ĐT [H6.06.02.05].

Trong năm 2021 BM sẽ tuyển dụng thêm 01 giảng viên, đã thông báo trong kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2021 của Nhà trường [H6.06.03.10].

Tỷ lệ giảng viên/ SV được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 6.3. Số lượng giảng viên Bộ môn (năm học 2020-2021-tính FTE dựa trên khối lượng công việc của GV)

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số		Phần trăm có bằng Tiến sĩ
			Số lượng	FTEs	
Giáo sư					
Phó Giáo sư					
Giảng viên toàn thời gian	04	07	11		18,1%
Giảng viên không toàn thời gian	0	0	0		
Giáo sư/Giảng viên thỉnh giảng	02	01	03		33.3%
Tổng số	06	08	14		42,8%

Bảng 6.3. Tỷ lệ giảng viên/sinh viên của giai đoạn 2016 - 2020

Năm	Số lượng giảng viên	Số lượng SV ngành Triết học	Tỷ lệ (giảng viên/sinh viên)
2020 - 2021	11	30	1 GV/2.7 SV
2019-2020	11	32	1 GV/2.9 SV
2018-2019	12	32	1 GV/2.6 SV
2017-2018	12	32	1 GV/2.6 SV
2016-2017	13	41	1 GV/3.1 SV

Do Triết học là một ngành khó, học sinh khi còn học ở bậc THPT chưa có những hiểu biết đầy đủ về ngành đào tạo này, cộng thêm với nhu cầu thị trường lao động và xu thế của giới trẻ không ưa thích môn học này nên số lượng SV tuyển vào đào tạo ngành Triết học của khoa LLCT thường không cao, một vài năm gần đây đã có sự suy giảm rõ rệt. Vì vậy, tỷ lệ giảng viên/ SV của ngành Triết học luôn đảm bảo ở mức cao cả về số lượng và trình độ học vấn của giảng viên.

Theo quy định của Bộ GD&ĐT, được cụ thể hóa bằng văn bản của Trường DHTN [H6.06.02.02] thì khối lượng công việc của giảng viên được qui đổi thành giờ chuẩn, bao gồm: *giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, giờ chuẩn các hoạt động chuyên môn khác*, xây dựng thành những định mức cụ thể đối với từng chức danh nghề nghiệp của các nhóm giảng viên bao gồm giảng viên hạng I, II, III, có văn bản hướng dẫn chi tiết về hệ số giờ giảng, các hoạt động được quy ra giờ chuẩn giảng dạy, NCKH, giờ việc khác và được theo dõi, giám sát bằng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, công khai, minh bạch.

Giờ chuẩn giảng dạy, bao gồm: giờ dạy lý thuyết; giảng dạy thực hành, hướng dẫn thực tập, thực tế, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đối với tất cả các hệ, từ THPT, Cao đẳng, Đại học và Cao học. Mỗi một hệ đào tạo có quy định rõ về hệ số quy đổi, đối với những lớp đào tạo ngoài trường, ngoài việc quy đổi giờ chuẩn giảng dạy, giảng viên còn được tính các chế độ khác tùy theo từng địa điểm và thỏa thuận cụ thể giữa Trường DHTN với cơ sở liên kết đào tạo [H6.06.05.10].

Giờ chuẩn NCKH, bao gồm: Chủ trì và tham gia ĐTKH các cấp; xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình; công bố bài báo quốc tế và trong nước; tham luận ở các HTKH trong và ngoài nước, hướng dẫn SV thực hiện ĐTKH cấp cơ sở... tất cả các loại hình nêu trên đều có công thức qui đổi ra giờ chuẩn [H6.06.02.02].

Giờ chuẩn hoạt động khác, bao gồm: sinh hoạt tổ chuyên môn, hội họp, học tập nâng cao trình độ, chủ trì xây dựng chương trình mới, xây dựng bài giảng môn học mới, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động xã hội, tham gia bồi dưỡng chứng chỉ thăng hạng cho giáo viên, giảng viên, ... Các loại hình hoạt động theo quy định đều được quy đổi thành giờ chuẩn [H6.06.02.02].

Để giảng viên chủ động thực hiện nhiệm vụ của mình, đầu năm học, Khoa và BM triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học đến từng giảng viên, với các nội dung liên quan tới việc thực hiện nghĩa vụ của giảng viên và các hoạt động chuyên môn khác. Kế hoạch hoạt động như là bản cam kết của mỗi giảng viên đối với BM, Khoa và Nhà trường, là căn cứ để đối chiếu khi đánh giá, xếp loại công chức hàng năm.

Kết thúc năm học, trên cơ sở thực tế giảng dạy và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, các giảng viên tự kê khai giờ giảng và các hoạt động khác để được quy đổi thành các loại giờ chuẩn, BM và Khoa tập hợp báo cáo các đơn vị chức năng theo dõi, tính toán, miễn trừ theo từng chức danh nghề nghiệp cụ thể và được

thanh toán giờ giảng vượt định mức theo đúng quy định của các cấp ngành, được cụ thể hóa thành văn bản của Nhà trường [H6.06.02.02], [H6.06.05.10].

Việc đảm bảo định mức giờ chuẩn, nhất là giờ chuẩn giảng dạy và NCKH là tiêu chí cơ bản để xếp loại công chức hàng năm cũng như bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng, được quy định rõ bằng các văn bản của Nhà trường. Trong giai đoạn đánh giá, hầu hết các giảng viên trong Khoa và BM đều đạt và vượt định mức giờ chuẩn, hoàn thành kế hoạch đặt ra. Kết quả xếp loại viên chức hàng năm về cơ bản đều đạt loại Tốt trở lên, nhiều cán bộ được khen thưởng từ cấp trường đến cấp Bộ cũng như giấy khen, bằng khen của các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể [H6.06.04.03], [H6.06.04.03].

Để nâng cao chất lượng giờ giảng, trong từng kỳ học, BM có tổ chức dự giờ thăm lớp, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn để trao đổi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và cải tiến về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, cập nhật nội dung dạy học, nâng cao hiệu quả đào tạo.

Để có thông tin và cơ sở nâng cao chất lượng dạy – học, kết thúc từng kỳ học, Nhà trường (thông qua Phòng Quản lý chất lượng giáo dục) tiến hành lấy ý kiến đánh giá của người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và gửi về các đơn vị. Các thông tin này được Khoa cung cấp đến các BM và từng giảng viên và được coi là kênh thông tin quan trọng để các giảng viên, cán bộ quản lý BM và khoa nghiên cứu tiếp tục phát huy ưu điểm, không ngừng cải tiến phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dạy – học. Mặt khác, việc cập nhật chương trình đào tạo cũng được tiến hành theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT 2 năm 1 lần [MC: QĐ, Kế hoạch cập nhật CTĐT]. Việc cập nhật chương trình được tiến hành một cách tổng thể, tiến hành đầy đủ các bước và đầy đủ các thông tin liên quan. Đây cũng là dịp Khoa và BM nhìn nhận, đánh giá về kết quả đào tạo so với yêu cầu của thị trường lao động để có những điều chỉnh về nội dung chương trình đào tạo cũng như phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá nhằm đảm bảo quá trình đào tạo gắn với nhu cầu thị trường lao động, gắn với vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp.

Cùng với việc cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học, lĩnh vực NCKH cũng được cải tiến, nâng cao, tập trung chủ yếu vào việc thực hiện ĐTKH các cấp, công bố các công

trình trên các tạp chí trong và ngoài nước, biên soạn bài giảng, giáo trình, sách tham khảo để SV chuyên ngành có thêm tài liệu học tập [H6.06.07.04].

Về các hoạt động chuyên môn khác, giảng viên nào không đáp ứng đủ số tiết theo quy định, bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ. Tùy thuộc vào tính chất của công việc đảm nhận mà Công đoàn Trường và các tổ chức đoàn thể khác có những quy định khen thưởng cho những cá nhân có nhiều đóng góp. Số liệu cụ thể được trình bày chi tiết ở các bảng thống kê hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác [H6.06.02.05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên trẻ, nhiệt huyết, có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo ở các cơ sở có uy tín, có ý chí phấn đấu, đảm nhiệm được hầu hết các học phần trong chương trình đào tạo của ngành Triết học. Tỷ lệ giảng viên/ SV luôn được đảm bảo ở mức cao, nhất là cán bộ có trình độ chuyên môn cao. Các giảng viên luôn chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ theo chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm và nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch đề ra.

Hầu hết các giảng viên trong BM đều đảm bảo đủ và vượt giờ chuẩn, chủ động đảm nhiệm và thực hiện kế hoạch đào tạo đối với đối với SV chuyên ngành, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực NCKH và tham gia các hoạt động khác.

Việc đôn đốc, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ của từng giảng viên và tập thể BM luôn được thực hiện thường xuyên, có chế tài hợp lý theo các văn bản, quy định của Nhà trường, đảm bảo đúng quy định của Nhà nước, công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Một vài học phần thuộc chuyên môn sâu và đặc thù của chuyên ngành vẫn phải mời giảng dẫn đến những bị động nhất định trong việc triển khai kế hoạch học tập của chuyên ngành. Trong 3 năm trở lại đây, việc tuyển sinh đối với ngành Triết học gặp khó khăn, số lượng SV ít nên cảm hứng học tập và việc triển khai các hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện gặp những khó khăn. Mặc dù đã có kế hoạch tuyển dụng giảng viên giảng dạy môn Chủ nghĩa xã hội khoa học để đảm nhiệm việc giảng dạy học phần đại cương và tạo đội ngũ kế cận nhưng qua nhiều lần thông báo vẫn chưa có ứng viên có hồ sơ phù hợp với điều kiện cần tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tiếp tục phân công các giảng viên có trình độ chuyên môn cao đảm nhiệm các học phần chuyên sâu của chuyên ngành và tăng cường các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, trao đổi nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra, đánh giá để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học. - Tuyển dụng 01 giảng viên đảm nhiệm giảng dạy học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Khoa Lý luận chính trị - Phòng TCCB	Năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường quảng bá về ngành đào tạo đối đến các cơ quan, đơn vị, các tổ chức đoàn thể nhằm tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV chuyên ngành đào tạo. - Tăng cường công tác tư vấn tuyển sinh và quảng bá về ngành đào tạo đến các đối tượng tuyển sinh.	- Khoa Lý luận chính trị - Bộ phận TVTS	Từ năm học 2020 - 2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 6.2: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Trong việc tuyển dụng giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật), căn cứ nhu cầu nhân lực của Khoa, căn cứ quy định về các điều kiện tuyển dụng của Nhà trường, BM và Khoa đã đưa ra những tiêu chí cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng. Về cơ bản là các điều kiện sau: 1) Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2) Có bằng tốt

nghiệp đại học loại giỏi đúng chuyên ngành (ưu tiên các ứng viên có bằng cấp cao hơn); 3) Có chứng chỉ Tiếng Anh IELTS 5.0 hoặc tương đương trở lên; 4) Có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương trở lên; 5) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5) Lý lịch bản thân rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, được phổ biến công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng trên website của Nhà trường và được cán bộ quản lý BM, giảng viên trong khoa chia sẻ trên các trang mạng xã hội [H6.06.03.01]. Tiêu chí tuyển dụng được điều chỉnh theo từng đợt tuyển dụng, căn cứ vào nhu cầu, vị trí cần tuyển dụng và yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, phù hợp với xu thế phát triển chung [H6.06.01.08]. Cụ thể số lượng tuyển dụng trong 5 năm qua như sau:

Bảng 6.4. Số lượng giảng viên tuyển dụng giai đoạn 2016-2020

Năm học	Giảng viên	Trình độ chuyên môn	Tốt nghiệp loại
2019 - 2020	Dự kiến tuyển 01	Cử nhân trở lên	Loại khá trở lên
2018 - 2019	0	0	0
2017-2018	0	0	0
2016-2017	0		
2015-2016	03	Thạc sĩ Đại học	01 02 (Giỏi 01, Khá 01)

Việc tuyển dụng giảng viên được thực hiện theo quy trình dân chủ, chặt chẽ, xuất phát từ nhu cầu thực tế, BM đề xuất lên khoa, Khoa tổng hợp gửi về phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp. để Nhà trường xây dựng kế hoạch nhân lực chung của toàn trường trình Bộ GD&ĐT phê duyệt.

Trên cơ sở các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, Trường ĐHTN đã xây dựng, ban hành quy định về quy trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó yêu cầu cụ thể về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng. Quy trình này được rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường và quy định hiện [H6.06.03.02]. Quy trình tuyển dụng được thực hiện qua 7 bước sau: 1) Chuẩn bị kế hoạch tuyển dụng [H6.06.03.02], [H6.06.03.03]; 2) Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ [H6.06.03.04]; 3) Kiểm tra hồ sơ, thông báo danh sách đủ điều kiện và gặp mặt giao nhiệm vụ cho ứng viên dự tuyển [H6.06.03.06]; 4) Tổ chức sát hạch [H6.06.03.05], [H6.06.03.06]; 5) Tổng hợp kết quả tuyển dụng; 6) Thông báo kết

quả tuyển dụng [H6.06.03.07], [H6.06.03.08]; 7) Hiệu trưởng phòng vấn ký hợp đồng tuyển dụng và nhận việc [H6.06.03.10], [H6.06.03.11].

Những giảng viên trúng tuyển khi được phân công về Khoa, khoa phân về các BM chuyên môn và phải trải qua 01 năm thử việc được Khoa phân công 02 giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ [H6.06.01.08]. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên hoàn thành nhiệm vụ thử việc, khoa đề nghị Nhà trường cử đi bồi dưỡng chuyên môn ở các cơ sở đào tạo có uy tín hoặc cử giảng viên trong bộ môn có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm giảng dạy trực tiếp bồi dưỡng. Trong thời gian bồi dưỡng chuyên môn, giảng viên thử việc phải tham gia dự giờ chuyên môn, biên soạn và trình bày đề cương bài giảng thông qua BM phê duyệt. Kết thúc thời gian bồi dưỡng chuyên môn, giảng viên phải tiến hành duyệt giảng ở cấp BM, cấp khoa và cấp Trường. Việc duyệt giảng của giảng viên mới được tiến hành chặt chẽ, đúng quy định, có hội đồng đánh giá từ cấp BM đến cấp Trường được Trưởng khoa và Hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Hội đồng đánh giá có đầy đủ thành phần là cán bộ lãnh đạo, quản lý, các giảng viên có cùng chuyên môn có trình độ cao và kinh nghiệm giảng dạy. Sau khi hoàn thành kế hoạch thử việc và được tuyển dụng chính thức, các giảng viên tiếp tục được giúp đỡ, theo dõi, kèm cặp thêm về chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy các học phần cụ thể do BM phân công, thường xuyên được dự giờ, đánh giá nhằm giúp đỡ giảng viên trẻ vững vàng hơn trong chuyên môn và khả năng đứng lớp.

Để có cơ sở tuyển dụng đội ngũ GV, Nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó mô tả cụ thể về khung năng lực của từng vị trí việc làm [H6.06.03.12], [H6.06.03.01]. Ngoài ra, Nhà trường xây dựng và báo cáo biên chế viên chức, số lượng người làm việc hằng năm theo danh mục vị trí việc làm, số lượng người làm việc của Trường và cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp hạng I, II, III, IV để trình Bộ GDĐT duyệt chỉ tiêu biên chế [H6.06.01.03], [H6.06.01.04].

Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các qui định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của giảng viên (Giảng viên chính) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó BM do Nhà trường quy định, trong đó, nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, căn cứ trên nhu cầu thực tiễn của đơn vị và quy hoạch của từng chức vụ cụ thể theo nhiệm kỳ Hiệu trưởng được Nhà trường phê duyệt, có rà soát, bổ sung điều chỉnh hàng năm theo thông báo của Nhà trường [H6.06.01.15].

2. Điểm mạnh

Việc tuyển dụng, quản lý, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ của khoa luôn thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng viên chức, công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng theo các bước trong quy trình bổ nhiệm cán bộ quản lý các cấp của Nhà trường. Công tác này luôn có sự thống nhất trong tập thể lãnh đạo Khoa, được công khai, dân chủ, có sự kiểm tra, giám sát của các đơn vị chức năng trong trường theo chủ trương và sự chỉ đạo của Lãnh đạo Trường. Đội ngũ giảng viên được tuyển dụng, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại thuộc biên chế của Khoa luôn đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm, tuân thủ nghiêm túc chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, đạo đức nhà giáo và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, phát huy được năng lực, sở trường công tác.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí tuyển dụng cao, vị trí tuyển dụng là những ngành đào tạo chuyên môn sâu, nguồn lực từ các cơ sở đào tạo trong cả nước không nhiều cộng với địa bàn đóng chân tính hấp dẫn không cao nên ít có ứng viên tham gia dự tuyển.

Cùng với môi trường học thuật còn hạn chế, chính sách đãi ngộ chưa thực sự đảm bảo để giữ chân các giảng viên có trình độ chuyên môn cao nên ứng như thực trạng chung của Nhà trường, trong 5 năm vừa qua, đã có 05 cán bộ chuyển công tác đến các đơn vị khác có điều kiện và sự ưu đãi tốt hơn, trong đó có 03 Tiến sĩ, 01 NCS.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Kiến nghị Nhà trường có chính sách đãi ngộ tốt hơn và tạo môi trường làm việc thuận lợi hơn để giữ chân và thu hút các giảng viên có trình độ chuyên môn cao về giảng dạy và công tác tại BM.	- Khoa Lý luận chính trị - Phòng TCCB	Năm 2021.

2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu S V, các trang mạng xã hội hợp pháp.	- Khoa Lý luận chính trị - Phòng TCCB	Từ năm 2020
---	--------------------	--	--	-------------

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 6.3: Đạt (mức 64/7 điểm)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề nhân lực đối với sự tồn tại và phát triển của chuyên ngành đào tạo và sự phát triển chung của BM và Khoa, nên trong kế hoạch chiến lược phát triển của Khoa và bộ môn, việc tập trung xây dựng nguồn lực trực tiếp là phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu, nhiệm vụ then chốt của Khoa.

Bắt đầu từ khâu tuyển dụng, theo từng vị trí tuyển dụng, khi hồ sơ của các ứng viên được Phòng Tổ chức cán bộ chuyển về Khoa, Lãnh đạo khoa và BM đã kiểm tra, rà soát từng tiêu chuẩn về mặt phẩm đạo đức nghề nghiệp; năng lực chuyên môn; năng lực ngoại ngữ, tin học. Cho dù đội ngũ giảng viên trong khoa còn thiếu, có thời điểm thiếu trầm trọng, tuy nhiên Khoa vẫn không xét những hồ sơ không đủ điều kiện, tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, Lãnh đạo khoa cũng xem xét kỹ các ưu thế của ứng viên, tư vấn với Nhà trường có những ưu tiên đối với các ứng viên có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí cần tuyển, nhất là các ứng viên có trình độ chuyên môn cao.

Các giảng viên được tuyển dụng về Khoa, sau khi hoàn thành các quy trình đánh giá, đủ điều kiện giảng dạy chính thức sẽ được đưa vào quy hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn theo lộ trình phù hợp, tạo điều kiện tối đa để giảng viên sớm hoàn thành kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ. Việc cử cán bộ đi đào tạo luôn được Khoa lưu ý, xét duyệt đào tạo đúng chuyên môn, đào tạo ở các cơ sở có uy tín, khuyến khích giảng viên đi đào tạo ở nước ngoài.

Ngoài ra, đội ngũ giảng viên còn được tham gia các khóa học tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ như: Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giảng viên, bồi dưỡng năng

lực về công nghệ thông tin, năng lực ngoại ngữ, bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính, giảng viên cao cấp, tham gia các lớp tập huấn chuyên môn do Bộ GD&ĐT phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức hàng năm.... [H6.06.05.01]. Khi tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng này, các giảng viên đều được Nhà trường chi trả và hỗ trợ kinh phí được quy định đầy đủ, rõ ràng trong Quy chế chi tiêu nội bộ, được bổ sung, điều chỉnh và ban hành hàng năm [H6.06.05.10].

Về việc đánh giá viên chức, Nhà trường có quy định rõ ràng về nhiệm vụ giảng dạy và NCKH và các nhiệm vụ khác của giảng viên; có định mức giờ chuẩn cụ thể về giảng dạy và NCKH và các hoạt động khác cho từng đối tượng giảng viên, có chế độ miễn trừ giờ chuẩn đối với các giảng viên đảm nhiệm các chức vụ quản lý, phụ trách công tác đoàn thể, cố vấn học tập... theo quyết định của Hiệu trưởng. Đầu năm học, các giảng viên tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của mình làm căn cứ để đánh giá, xếp loại cuối năm học.

Từng năm học và từng học kỳ cụ thể, BM và Khoa tiến hành phân công giảng dạy theo kế hoạch chung của Nhà trường và Khoa, đảm bảo ít nhất đủ định mức giờ chuẩn cho các giảng viên theo chức danh nghề nghiệp. Việc đảm bảo tổng định mức giờ chuẩn là cơ sở để BM, Khoa và Nhà Trường đánh giá, xếp loại, tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng hoặc rút kinh nghiệm đối với giảng viên hằng năm [H6.06.04.03], [H6.06.04.05].

Để tạo hàng lang pháp lý cho việc đánh giá, xếp loại viên chức, trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật, Nhà trường đã cụ thể hóa thành các quy định, quy chế, hướng dẫn cụ thể về phương thức, quy trình đánh giá năng lực của giảng viên. Các văn bản này được lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của giảng viên và các đơn vị trong trường, khi ban hành chính thức được Khoa và BM thông báo, hướng dẫn để các giảng viên nắm bắt, thực hiện [H6.06.04.05].

Công tác bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm được triển khai, định hướng ngay từ đầu năm học để các giảng viên đăng ký các danh hiệu thi đua, xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ. Kết thúc năm học, khi Nhà trường có văn bản thông báo bình xét danh hiệu thi đua, Lãnh đạo khoa triển khai đến các BM, thông báo cho giảng viên tự đánh giá, xếp loại, BM, bình xét trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch và đăng ký danh hiệu thi đua, tập hợp thành văn bản trình Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp Khoa và cấp Trường xem xét bằng hình thức bỏ phiếu kín [H6.06.04.04]. Việc đánh giá, xếp loại viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng luôn đảm bảo

nguyên tắc công khai, dân chủ, có ý kiến phản hồi từ những người được đánh giá. Khi có kết quả chính thức được thông báo đến cán bộ, viên chức và đăng tải trên website của Nhà trường [H6.06.04.03], [H6.06.04.05]. Mặt khác, việc đánh giá chất lượng cán bộ, viên chức luôn được phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức cơ sở đảng, chính và các tổ chức đoàn thể trong khoa. Nhờ đó, không những mỗi cán bộ, viên chức có điều kiện nhìn nhận bản thân để tiếp tục phấn đấu vượt lên, mà còn giúp lãnh đạo Khoa, lãnh đạo BM xây dựng phương hướng và giải pháp phù hợp để quản lý và xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển cán bộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của Khoa và Nhà trường [H6.06.04.06], [H6.06.05.02], [H6.06.05.13].

Có thể khẳng định, việc đánh giá năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, viên chức nói chung, đội ngũ giảng viên nói riêng được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực giảng viên đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Đảm bảo đánh giá đúng, đủ và tạo môi trường thân thiện và động lực để cán bộ, viên chức và giảng viên phấn đấu vươn lên, cống hiến sức lực và trí tuệ cho Nhà trường.

2. Điểm mạnh

100% cán bộ, giảng viên trong BM, cũng như Khoa đều xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm học, nghiêm túc triển khai thực hiện, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, NCKH và học tập nâng cao trình độ, thái độ phục vụ cao, nhiệt tình, có phẩm chất đạo đức và lối sống chuẩn mực.

100% giảng viên hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều giảng viên được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Công cụ đánh giá chưa được cải tiến nhiều nên chất lượng thực sự trong đánh giá cán bộ, viên chức và giảng viên đôi khi chưa thực sự hiệu quả. Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên hạn chế. Việc đảm bảo định mức giờ khoa học chưa đồng đều, nhiều giảng viên còn phải lấy giờ giảng để bù vào định mức giờ khoa học. Một vài giảng viên trẻ chưa thực sự đầu tư cho việc NCKH.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	----------	----------	-------------------------	---------------------

1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.	- Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐHTN	Năm 2021.
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá viên chức, giảng viên phù hợp; đảm bảo ngày càng nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, khích lệ được giảng viên phát huy tối đa năng lực bản thân.	- Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐHTN	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 6.4: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Nhận thức được yêu cầu tất yếu của việc học tập, nâng cao trình độ, đội ngũ giảng viên của Khoa Lý luận chính trị luôn đề cao tinh thần phấn đấu, học tập nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo SV chuyên ngành. Căn cứ các tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT về việc mở ngành và duy trì ngành đào tạo, từ nhiều năm trước đây, thực hiện chiến lược phát triển của Nhà trường, Khoa Lý luận chính trị đã thông báo đến các bộ môn đăng ký lộ trình học tập nâng cao trình độ chuyên môn từ bậc từ bậc học Thạc sĩ đến Tiến sĩ. Theo quy định chung của Trường ĐHTN, giảng viên được tuyển dụng có trình độ cử nhân thì sau 5 năm tuyển dụng phải đảm bảo đạt được trình độ Thạc sĩ. Đối với bậc học Tiến sĩ, Khoa và Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để giảng viên thực hiện đúng và sớm hơn quy hoạch đào tạo. Những năm gần đây, để có điều kiện tiếp cận với nền giáo dục tiên tiến và xu thế hội nhập quốc

tế, Nhà trường luôn khuyến khích, tạo điều kiện để các giảng viên tìm kiếm cơ hội học tập nâng cao trình độ ở các nước có nền giáo dục tiên tiến, phù hợp với chuyên môn và chuyên ngành đào tạo, đồng thời cũng có quy định cụ thể, bắt buộc đối với các giảng viên trẻ phải đi học tập ở nước ngoài, trừ những lĩnh vực chuyên môn đặc thù. Khoa chuyên ngành Triết học nói riêng, các môn lý luận chính trị nói riêng là chuyên ngành đặc thù, nên cho đến nay Khoa vẫn chưa có giảng viên nào đi học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài [H6.06.05.02], [H6.06.05.01].

Kế hoạch đào tạo cán bộ hằng năm đều được xây dựng và có sự phê duyệt của Nhà trường, trong đó, có các giảng viên được đi học Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ luôn đảm bảo đúng chuyên ngành, được định hướng lựa chọn các cơ sở đào tạo có uy tín, chủ yếu là các Trường đại học ở các thành phố lớn, có bề dày truyền thống như ĐHQG HN, ĐHQG TP HCM, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh... [H6.06.05.01], [H6.06.05.07]. Nhờ sớm xây dựng và chỉ đạo, đơn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nên trong 5 năm trở lại đây, trình độ của đội ngũ giảng viên trong khoa đã có bước phát triển vượt bậc, hiện là Khoa có tỷ lệ cán bộ có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ cao nhất trong toàn trường. Điều này được thể hiện trong bảng thống kê sau:

**Bảng 6.5. Thống kê số lượng giảng viên đi học tập nâng cao trình độ
giai đoạn 2016-2020**

Năm học	Số lượng đi học Thạc sĩ	Số lượng đi học Tiến sĩ	Nơi học tập	Nguồn kinh phí
2019-2020	01		Trong nước	Đại học Tây Nguyên
2019-2020	01		Trong nước	Đại học Tây Nguyên
2018-2019	0	0	Trong nước	Đại học Tây Nguyên
2017-2018	01	03	Trong nước	Đại học Tây Nguyên
2016-2017	01	02	Trong nước	Đại học Tây Nguyên

Hiện nay, ở BM Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin có 02 giảng viên đang theo học chương trình Thạc sĩ, 05 giảng viên có học vị Thạc sĩ của Khoa đang là nghiên cứu sinh, trong đó BM có 03 giảng viên. Theo kế hoạch, năm 2021, khoa có thêm 02 NCS bảo vệ luận án tiến sĩ, trong đó BM có 01, 01 giảng viên thuộc biên chế của BM hoàn thành chương trình Thạc sĩ.

Trên cơ sở Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng từng giai đoạn, Nhà trường đã hợp đồng liên kết với các đơn vị đào tạo về trường bồi dưỡng nghiệp vụ giảng dạy ĐH cho các giảng viên mới trong 3 năm đầu hợp đồng lao động và được tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng [H6.06.01.08]; cử giảng viên tham gia bồi dưỡng các lớp ngoại ngữ, chức danh GV, GVC [H6.06.05.04], [H6.06.05.06], Kiến thức Quốc phòng An ninh và lớp kiểm định viên [H6.06.05.07], [H6.06.05.11]. Kết quả trong giai đoạn 2016-2020, hầu hết đội ngũ cán bộ, GV được cử đi đào tạo và hoàn thành theo quy hoạch [H6.06.05.08]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức nhiều hội thảo quốc gia, quốc tế và các buổi seminar chia sẻ kinh nghiệm trong giảng dạy, NCKH tại Trường cũng như ở Khoa [H6.06.05.09], [H6.06.05.08]. Các GV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường hỗ trợ các chế độ theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ: hỗ trợ học phí và hỗ trợ đi lại và sinh hoạt phí, hỗ trợ kinh phí bảo vệ luận văn, luận án; hỗ trợ kinh phí thi chứng chỉ Tiếng Anh (IELTS hoặc TOEFL, 01 lần duy nhất), ... Các chế độ hỗ trợ được bổ sung và điều chỉnh định kỳ hằng năm trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.05.10]. Đối với giảng viên đi đào tạo SĐH trong, ngoài nước được hưởng chế độ miễn giảm giờ chuẩn theo quy định [H6.06.02.03]. Đội ngũ giảng viên của Khoa luôn tham gia nhiệt tình, nghiêm túc [H6.06.05.11].

2. Điểm mạnh

Hầu hết các giảng viên trong Khoa và BM đều có nhu cầu và mong muốn được đào tạo và phát triển chuyên môn cao, tích cực trong việc triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Khoa và Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện và có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...). Các chế độ, miễn giảm, hỗ trợ cho giảng viên đi học luôn được quan tâm, đảm bảo, có nhiều hình thức để giảng viên lựa chọn và thường xuyên được điều chỉnh theo hướng sát với thực tế chi phí đào tạo, giúp cán bộ, giảng viên phần nào yên tâm thực hiện nhiệm vụ của mình.

3. Điểm tồn tại

Việc cử các giảng viên trẻ đi học tập ở nước ngoài theo quy định chưa thể thực hiện được, một phần do tính đặc thù của chuyên môn đào tạo, một phần do đội ngũ giảng viên chưa thực sự đầu tư về trình độ ngoại ngữ đáp ứng đủ điều kiện đi học nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tạo điều kiện về thời gian và công việc để giảng viên, nghiên cứu viên tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực. Động viên các giảng viên trẻ nâng cao trình độ ngoại ngữ để đủ điều kiện đi học ở nước ngoài.	- Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐHTN	Năm 2021.
2	Phát huy điểm mạnh	Đôn đốc, nhắc nhở các giảng viên đang học tập, nghiên cứu hoàn thành kế hoạch và đạt được học vị ở cấp độ theo học. Tiếp tục rà soát, xác định chính xác nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của số ít các giảng viên còn lại, yêu cầu các giảng viên xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai nhiệm vụ này.	- Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐHTN	Từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 6.6: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy định của Nhà nước và các cấp, ngành về chế độ làm việc của viên chức, giảng viên, Nhà trường xây dựng và ban hành các quy định về chế độ làm việc, nghỉ hàng năm và nghỉ việc riêng của công chức, viên chức và người lao động, làm công cụ để quản lý, đánh giá kết quả công việc của cán bộ, giảng viên [H6.06.01.06] [H6.06.05.10]. Các quy định nêu rõ yêu cầu về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy, các hoạt động khác) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy, đảm bảo đúng quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT cũng như các Bộ, ngành liên quan. Trước khi ban hành

đều được gửi tới các đơn vị lấy ý kiến của cán bộ, viên chức và người lao động, đăng tải công khai trên website của Nhà trường, thường xuyên cập nhật, bổ sung theo các quy định mới và thực tế hoạt động của Nhà trường.

Đầu năm học, BM triển khai cho cán bộ, viên chức đăng ký kế hoạch hoạt động của cả năm học, bao gồm kế hoạch giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác. Bản kế hoạch là cam kết hàng động của mỗi cán bộ, viên chức, được BM tập hợp về Khoa, nộp về Phòng Tổ chức cán bộ để theo dõi, nhắc nhở triển khai thực hiện.

Đối với đội ngũ giảng viên, căn cứ kế hoạch đào tạo của năm học và từng kỳ học, BM tiến hành phân công giảng dạy, trình lãnh đạo khoa phê duyệt [H6.06.03.02]. Kết quả phân công chính thức được đưa vào phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường để triển khai thực hiện theo các bước: SV đăng ký giảng viên; Phòng Đào tạo đại học xếp thời khóa biểu, tính toán giờ giảng, Phòng Quản lý chất lượng lên kế hoạch tổ chức thi... việc phân công chuyên môn luôn được thực hiện một cách dân chủ, công khai, minh bạch vừa đảm bảo các giảng viên có khả năng thực hiện đủ định mức giờ giảng, vừa tạo cơ hội để SV có quyền lựa chọn giảng viên theo từng lớp học phù hợp.

Hàng năm, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng giảng viên theo Hướng dẫn của Nhà trường, căn cứ quy định cụ thể về khối lượng công việc đối với từng chức danh nghề nghiệp của giảng viên và vị trí việc làm của chuyên viên cũng như bản kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ đã đăng ký từ đầu năm học cùng các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.04.05]. Cụ thể như sau: Vào cuối năm học, các tổ bộ môn tổ chức họp tổng kết để đánh giá xếp loại từng cán bộ, giảng viên theo các mức: không hoàn thành nhiệm vụ đối với giảng viên chỉ đạt 60 điểm trở xuống, hoàn thành nhiệm vụ là từ 60-69 điểm, Khá là 70-79, Tốt là 80-89 điểm và Xuất sắc là 90-100 điểm. Sau khi lấy phiếu bình chọn, tổ bộ môn lập biên bản và gửi lên Hội đồng thi đua của Khoa để xem xét. Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp và bỏ phiếu cho các danh hiệu kể trên theo tỉ lệ quy định của Nhà trường và chuyển biên bản lên Nhà trường để Hội đồng thi đua của Nhà trường quyết định [H6.06.05.04]. Các hình thức thi đua khen thưởng được công bố công khai trong quy chế hoạt động của Khoa và của quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H6.06.05.10]. Quyết định của Hội đồng thi đua, khen thưởng của Nhà trường được đưa về Khoa và công khai cho toàn cán bộ trong Khoa và đăng trên website của Nhà trường.

Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, xuất sắc sẽ được tăng lương trước thời hạn hoặc bổ nhiệm vào vị trí quản lý chuyên môn hoặc hành chính. Bên cạnh đó, Nhà trường có quy định khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao theo quy định [H6.06.06.04]. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho cán bộ sẽ tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc đánh giá đúng kết quả, hiệu quả công việc của giảng viên và chuyên viên trong Khoa và BM đã giúp giảng viên của BM cũng như Khoa nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường. Kết quả xếp loại thi đua sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, tạo động lực khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học [H6.06.06.07], [H6.06.04.05].

Tất cả giảng viên, chuyên viên đều được tham gia vào xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc của họ. Vì vậy, giảng viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua, khen thưởng và công nhận của nhà trường và các cấp có thẩm quyền như Tỉnh, Bộ, Chính phủ [H6.06.06.06].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, chuyên viên được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên trong Khoa. Trong những năm qua, phần lớn giảng viên trong BM đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học, từ giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng cũng như việc học tập nâng cao trình độ.

Hàng năm có 01 đến 02 giảng viên trong BM đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được Nhà trường và các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài trường tặng giấy khen trên các mặt hoạt động và công tác. Vào các dịp kỷ niệm những sự kiện lớn của đất nước, địa phương và Nhà trường tập thể BM, Khoa và các giảng viên có thành tích xuất sắc còn được các địa phương trong khu vực Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ tặng giấy khen, bằng khen.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có những định hướng, quy định và những chế độ hỗ trợ tương ứng với từng chức danh nghề nghiệp của giảng viên, Khoa và BM cũng thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở, tuy nhiên một vào công việc hiệu xuất và hiệu quả chưa cao, nhất là trong hoạt động NCKH. Chưa có nhiều công trình đăng trên các tạp chí quốc tế có chỉ số ISI, Scopus. Việc xuất bản sách, tài liệu tham khảo, chuyên khảo phục vụ hoạt động đào tạo còn rất ít.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Cung cấp và chia sẻ các thông tin về HN, HTKH trong và ngoài nước để giảng viên có điều kiện tham gia. - Định hướng cho các giảng viên trong BM trau dồi trình độ ngoại ngữ, kỹ năng triển khai các công bố quốc tế để đăng tải các công trình nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế có uy tín, có chỉ số ISI, Scopus. - Gắn hoạt động thi đua, khen thưởng với chất lượng hiệu quả hoạt động, trong tâm là việc đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	- Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐHTN	Năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì việc triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và đánh giá kết quả hàng năm đối với giảng viên theo quy định của Nhà trường - Triển khai thực hiện Phương hướng hoạt động KHCN&HTQT giai đoạn	- Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐHTN	Từ năm học 2020-2021

		2021 – 2025 theo từng năm học. Hình thành nhóm nghiên cứu trong BM và liên kết với các BM trong Khoa và Nhà trường. - Ghi nhận và kiến nghị Nhà trường đổi mới công tác thi đua, khen thưởng, xem xét, đề quy hoạch, bổ nhiệm các giảng viên có thành tích xuất sắc, có nhiều cống hiến cho sự phát triển của BM, Khoa và Nhà trường, tạo động lực để đội ngũ cán bộ tiếp tục phấn đấu vươn lên.		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 6.6: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

NCKH là một trong 2 nhiệm vụ bắt buộc của đội ngũ giảng viên, nội dung này được quy định rõ trong các văn bản của Bộ GD&ĐT, được Nhà trường cụ thể hóa trong Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường ĐHTN [H6.06.07.03]. Quy chế quy định rõ các loại hình hoạt động và các sản phẩm được công bố, thời gian công bố, số giờ quy đổi tương ứng với từng sản phẩm... Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Trong bản kế hoạch hoạt động của từng giảng viên được xây dựng hàng năm đều thể nội dung đăng ký hoạt động NCKH, trong đó, ghi rõ các loại hình, các công trình nghiên cứu sẽ tham gia (tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH) tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu. Ban lãnh đạo Khoa và Trường căn cứ vào bản kế hoạch theo dõi, giám sát, tạo động lực, thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động NCKH của giảng viên [H6.06.07.01].

Về phía BM và Khoa, đầu năm học theo thông báo của Nhà trường, BM và Khoa xây dựng Kế hoạch hoạt động KHCN&HTQT theo năm học và từng giai đoạn, trong đó

ghi rõ các hoạt động như Hội nghị, Hội thảo khoa học, đề tài các cấp, sách, giáo trình... và dự kiến kinh phí triển khai thực hiện. Phòng KH&QHQT sẽ tổng hợp bản đăng ký của toàn trường, trình Hội đồng xét duyệt danh mục và kinh phí. Kết quả phê duyệt được thông báo đến các đơn vị và cá nhân có liên quan và đăng tải trên website của Nhà trường.

Kết thúc năm học, BM, Khoa và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, quy đổi sang giờ NCKH theo Quy định đối với từng chức danh nghề nghiệp. Hàng năm và từng giai đoạn (5 năm, 10 năm) Khoa tổ chức hội thảo tổng kết hoạt động KHCN&HTQT, xây dựng định hướng cho năm học và giai đoạn tiếp theo. Việc đánh giá các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát, đánh giá chất lượng bởi các Hội đồng đánh giá do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Từ năm 2016 đến nay, mỗi năm cán bộ Khoa đều có một số bài báo đăng ở tạp chí uy tín trong và ngoài nước [H6.06.07.01]. Số giờ NCKH theo quy định của Nhà trường được tính trong bảng sau:

Bảng 6.6. Số giờ NCKH của giảng viên (theo quyết định số 1337/QĐ-ĐHTN-TCCB)

Giảng viên hạng	Định mức giờ NCKH
Hạng I	160
Hạng II	140
Hạng III	120
GV hợp đồng LĐ lần đầu (≤ 1 năm)	80

Trong giai đoạn 2016 – 2020 hầu hết các giảng viên trong BM và Khoa đều cơ bản hoàn thành định mức giờ chuẩn NCKH, giảng viên nào không có đảm bảo được các công trình để tính giờ khoa học sẽ phải bù bằng giờ giảng dạy. Nhìn chung, các thành viên trong BM luôn tích cực triển khai các hoạt động NCKH như viết báo, sách, chủ nhiệm các đề tài các cấp, ... đặc biệt trong năm học 2019-2020, lần đầu tiên có giảng viên trong BM có bài đăng trên tạp chí quốc tế.

Các quy định về quản lý hoạt động NCKH của cán bộ, tiêu chí và qui trình đánh giá hiệu quả NCKH đều được phòng KH&QHQT xây dựng dự thảo, lấy ý kiến giảng viên và các nhà nghiên cứu toàn trường, điều chỉnh, sửa chữa, sau đó, mới ban hành, áp dụng và thường xuyên được bổ sung, điều chỉnh theo các văn bản mới và thực tế hoạt động của Nhà trường nhằm đảm bảo tốt nhất để khuyến khích đội ngũ giảng viên tiến hành các hoạt động NCKH [H6.06.02.04].

2. Điểm mạnh

Mặc dù môi trường học thuật có giới hạn so với các trường đại học ở các thành phố lớn, lực lượng cán bộ còn trẻ, tuy nhiên đội ngũ giảng viên của BM Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin luôn thể hiện niềm say mê nghiên cứu khoa học với nhiều loại hình khác nhau, bao gồm ĐTKH các cấp, viết báo, tham luận khoa học đăng trên các tạp chí, HTKH trong nước và quốc tế, xuất bản sách tham khảo, chuyên khảo phục vụ đào tạo.

3. Điểm tồn tại

BM và Khoa chưa có ĐTKH cấp nhà nước, số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn rất ít. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú. Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ giảng viên còn hạn chế, kỹ năng, kinh nghiệm công bố các nghiên cứu trên tạp chí chuyên ngành trong nước và các tạp chí quốc tế có chỉ số ISI, Scopus còn hạn chế, một vài giảng viên còn chưa thực sự đầu tư thời gian và tâm sức cho hoạt động NCKH.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Cung cấp và chia sẻ các thông tin về HN, HTKH trong và ngoài nước để giảng viên có điều kiện tham gia. - Định hướng cho các giảng viên trong BM trau dồi trình độ ngoại ngữ, kỹ năng triển khai các công bố quốc tế để đăng tải các công trình nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế có uy tín, có chỉ số ISI, Scopus.	- Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐHTN	Năm 2021.
2	Phát huy điểm mạnh	- Triển khai thực hiện Phương hướng hoạt động KHCN&HTQT giai đoạn 2021 – 2025 theo từng năm học.	- Khoa Lý luận chính trị - Trường ĐHTN	Từ năm học 2020-2021

		- Hình thành nhóm nghiên cứu trong BM và liên kết với các BM trong Khoa và Nhà trường. - Phân đầu 100% giảng viên hoàn thành đủ định mức giờ khoa học được quy đổi từ các công trình nghiên cứu		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 6.7: Đạt (mức 5/7 điểm)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6: Khoa LLCT là khoa có đội ngũ giảng viên, tuy không đông nhưng là một tập thể cán bộ trẻ, có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của tập thể Khoa và từng giảng viên luôn đạt năng xuất và hiệu quả cao.

Trong giảng dạy, với số lượng người học như hiện tại, đội ngũ giảng viên của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ SV. Trong NCKH, tuy chưa có nhiều bài đăng trên các tạp chí quốc tế, nhưng các kết quả nghiên cứu của giảng viên đều phục vụ thiết thực cho quá trình đào tạo SV các chuyên ngành mà Khoa đào tạo, nhất là chuyên ngành Triết học nói riêng cũng như cho sự nghiệp phát triển GD&ĐT Nhà trường, góp phần đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao KHCN và bảo tồn các giá trị văn hóa vùng Tây Nguyên và cả nước.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên của Khoa và nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của giảng viên, phù hợp với chiến lược phát triển đại học nghiên cứu của Nhà trường.

Các chế độ của cán bộ, giảng viên luôn được đảm bảo đúng và cao hơn quy định của Nhà nước và ngành giáo dục. Công tác thi đua khen thưởng được tiến hành công khai, dân chủ, kịp thời, thể hiện sự quan tâm, khích lệ, động viên cán bộ, giảng viên trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại luôn được thực hiện đúng quy định của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. Đảm bảo công khai, dân chủ, đúng nguyên tắc và lựa chọn cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức, phù hợp với vị trí bổ nhiệm và công việc được giao.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu: Hàng năm, trường ĐHTN luôn có kế hoạch và thực hiện việc đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực và ban hành những quy định chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ, công nhân viên của nhà trường trong đó có đội ngũ nhân viên của Khoa LLCT. Do vậy, phần lớn đội ngũ nhân viên của Khoa LLCT trong đó có đội ngũ nhân viên phụ trách ngành TH đều có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được các vị trí công việc đảm nhận.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2016-2019, ngoài đội ngũ GV trực tiếp tham gia công tác giảng dạy, hoạt động chuyên môn và NCKH, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của trường ĐHTN (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đóng một vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường và Khoa LLCT nhằm góp phần thực hiện hiệu quả đào tạo ngành TH.

Cụ thể, trong giai đoạn 2016 - 2019 nhà trường đã phân tích, dự báo nhu cầu, xây dựng đề án vị trí việc làm về công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên phục vụ nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, trong đó, có phân tích và dự báo nhu cầu về các vị trí việc làm của các đơn vị: Thư viện, các Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm trong đó bao gồm Khoa LLCT [H7.07.01.01].

Đặc biệt, đối với công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên, Trường ĐHTN đã có những chính sách thu hút nhân lực, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên. Những sinh viên tốt nghiệp tại trường có kỹ năng tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và CNTT được giữ lại phục vụ ở các phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các phòng, viện, ban, trung tâm trực thuộc trường [H7.07.01.02].

Đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường hiện đang làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.03].

Về trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên của nhà trường luôn đảm bảo và phù hợp với các vị trí công tác. Trong đó, Khoa LLCT hiện có 01 cán bộ hỗ trợ là chuyên viên phụ trách công tác văn phòng và 01 cán bộ hỗ trợ kiêm nhiệm; Hầu hết các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ cử nhân trở lên [H7.07.01.04].

Bên cạnh đó, nhằm hỗ trợ và chia sẻ công việc với đội ngũ nhân viên, Khoa LLCT còn xây dựng đội ngũ GV kiêm nhiệm các công việc hỗ trợ gồm: 4 CVHT, 01 cán bộ trợ lý chuyên trách đào tạo hệ chính quy và 01 cán bộ trợ lý kiêm nhiệm [H7.07.01.05]. Đội ngũ nhân viên và GV kiêm nhiệm của Khoa luôn được quan tâm và tạo mọi điều kiện thuận lợi để tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao các kỹ năng, nghiệp vụ của mình để hoàn thành tốt các công việc được giao. [H7.07.01.06].

Hàng năm, đội ngũ nhân viên của Khoa luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ cũng như quy chế làm việc của nhà trường như công tác trực văn phòng, chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép đúng theo quy định của nhà nước và được hưởng các chế độ khác theo quy định của cơ quan, đơn vị.

Khoa LLCT cũng đã xây dựng bản mô tả công việc đối với cán bộ chuyên trách cũng như GV kiêm nhiệm để thực hiện công việc một cách hiệu quả. [H7.07.01.07].

2. Điểm mạnh

- Trong giai đoạn 2016-2019, khoa LLCT đã phối hợp và thực hiện công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm trong Khoa.

- Khoa đã xây dựng nội dung công việc cụ thể của từng vị trí việc làm và thể hiện rõ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Đội ngũ nhân viên của Khoa có năng lực, phù hợp với vị trí việc làm và thực hiện có hiệu quả các công việc được giao.

3. Điểm tồn tại

Công tác đánh giá của các bên liên quan đến chất lượng của đội ngũ nhân viên nhà trường cũng như của khoa còn chậm và kết quả phối hợp chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành

1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành khảo sát phản hồi các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa LLCT	2021 - 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Chỉ đạo và quan tâm sát sao đối với công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm đáp ứng yêu cầu công việc.	Khoa LLCT	2021 - 2022

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 7.1: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Đối với quá trình tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên, đây là một trong những chính sách được Trường ĐHTN chú trọng và thực hiện tốt. Trong giai đoạn 2016-2019, quá trình tuyển dụng nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển luôn dựa trên các tiêu chí và được phổ biến công khai. Điều này được minh chứng cụ thể thông qua Quy chế về công tác cán bộ của nhà trường. [H7.07.02.01].

Công tác tuyển dụng của trường ĐHTN luôn được thực hiện chặt chẽ và đúng quy trình. Đồng thời, quy trình tuyển dụng thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường và quy định hiện hành của Nhà nước [H7.07.02.02]. Quy trình tuyển dụng được thực hiện qua 7 bước sau: 1) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng [H6.06.01.06]; 2) Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ [H6.06.01.09]; 3) Thành lập Hội đồng tuyển dụng, các ban giúp việc [H6.06.03.03]; 4) Tổ chức sát hạch; 5) Thông báo kết quả tuyển dụng viên chức [H6.06.03.07]; 6) Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng; 7) Tuyển dụng và ký hợp đồng làm việc và nhận việc [H6.06.03.09]. Để có cơ sở tuyển dụng đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó mô tả cụ thể về khung năng lực của từng vị trí việc làm. Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc

làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học theo quy định. Về công tác điều chuyển, chuyển đổi vị trí công tác nhân viên hành chính hỗ trợ được nhà trường thực hiện thường xuyên, áp dụng với tất cả các cán bộ, viên chức của Nhà trường. Nhà trường có chính sách luân chuyển đối với những nhân viên có thời gian đảm nhận vị trí công tác ở một đơn vị liên tục từ 60 tháng trở lên. Các thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được đăng công khai trên cổng thông tin Website: www.ttn.edu.vn của Nhà trường [H6.06.03.01].

Khoa LLCT luôn thực hiện nghiêm túc đối với công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển công tác đối với đội ngũ nhân viên theo quy định của nhà trường. Đồng thời khoa cũng đã ban hành quy chế làm việc, chức năng nhiệm vụ của nhân viên làm việc tại Khoa LLCT.

2. Điểm mạnh

- Đội ngũ nhân viên của khoa LLCT được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường ĐHTN.

- Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Nhà trường trong công tác cán bộ, đồng thời còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù của ngành TH.

3. Điểm tồn tại

Khoa vẫn còn bị động trong việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm	Khoa LLCT	2021 – 2022
2	Phát huy điểm mạnh	Luôn tuân thủ quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ của Nhà trường	Khoa LLCT	2021 – 2022

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 7.2: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Về năng lực của đội ngũ nhân viên trường ĐHTN được xác định và được đánh giá. Cụ thể, năm 2016, Nhà trường đã tiến hành đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên trong trường và đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm, trong đó yêu cầu các đơn vị thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn; phân nhóm công việc (lãnh đạo, quản lý, điều hành; hoạt động nghề nghiệp; hỗ trợ, phục vụ); xây dựng bảng mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm [H6.06.03.12].

Cùng với đó, các đơn vị trực thuộc Trường trong đó có Khoa LLCT cũng đã xây dựng vị trí việc làm của đơn vị và mô tả khối lượng công việc, năng lực của từng vị trí theo 7 phụ lục đính kèm [H6.06.03.12]. Trên cơ sở này, trường ĐHTN đã xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trường và báo cáo trình Bộ phê duyệt [H6.06.03.12].

Nhà trường đã xây dựng danh mục vị trí việc làm, mô tả chuẩn chức danh từng vị trí việc làm, trình Hội đồng trường phê duyệt và Hiệu trưởng ban hành vào năm 2019 [H6.06.01.05].

Để cụ thể hóa các quy định của Đảng, Nhà nước và thực hiện nghị quyết của Đảng ủy, quyết nghị của Hội đồng trường [H6.06.01.01] về công tác nhân sự, tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, GV, nhân viên,... Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định về tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ nhân viên. Nhà trường có Quy định đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức theo vị trí việc làm cụ thể, trong đó, có quy định rõ ràng về năng lực của đội ngũ nhân viên [H6.06.04.03].

Đội ngũ chuyên viên thuộc các phòng ban chức năng của Nhà trường và chuyên viên chuyên trách của Khoa LLCT được tuyển dụng dựa theo nhu cầu công việc và các tiêu chí được xác định cụ thể. Vì thế, năng lực của đội ngũ nhân viên được đảm bảo phù hợp với các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ nhân viên làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước. Các GV kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực công việc cụ thể để đảm bảo thực hiện tốt công việc chung [H7.07.03.01].

Hằng năm, trường ĐHTN nói chung và khoa LLCT nói riêng đều thực hiện việc đánh giá năng lực nhân viên sau một năm học và xây dựng kế hoạch cho năm học tới.

Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ qua các bước: nhân viên tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá,...

Toàn thể cán bộ, viên chức của nhà trường tự đánh giá bằng phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho khối cán bộ hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường, bao gồm các tiêu chí về Tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, Thực hiện nhiệm vụ, Tổ chức kỷ luật, Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng CNTT và ngoại ngữ. Sau đó, Khoa (Phòng/Viện/Ban/Trung tâm) và Trường sẽ lần lượt đánh giá thông qua các cuộc họp Hội đồng Thi đua; đưa ra kết luận về điểm số và xếp loại [H6.06.04.03].

Những đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ (cán bộ chuyên trách và GV kiêm nhiệm) của khoa LLCT luôn được sự công nhận của Khoa và Nhà trường. Các cán bộ hỗ trợ của Khoa hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Danh hiệu khen thưởng là sự ghi nhận của Khoa và Nhà trường đối với các thành tích, đóng góp của đội ngũ cán bộ hỗ trợ [H7.07.03.02].

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHTN và Khoa LLCT có xác định tiêu chí, quy trình, phương pháp, công cụ đánh giá, phân loại năng lực đội ngũ nhân viên. Hằng năm, đều tiến hành đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, phân loại, xếp loại; có phê bình, có khen thưởng.

- Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những cán bộ nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực tốt trong giảng dạy cũng như trong công việc được giao.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có bộ tiêu chí, công cụ đánh giá các GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng và sử dụng bộ công cụ đánh giá năng lực GV kiêm nhiệm.	Khoa LLCT	2021–2022
2	Phát huy điểm mạnh	Khoa tập trung chỉ đạo việc khảo sát nhu cầu đào tạo của đội ngũ nhân viên	Khoa LLCT	2021 – 2022

		và tạo điều kiện tối đa về mặt thời gian cho cán bộ kiêm nhiệm; đồng thời, xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ.		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 7.3: Đạt (mức 4,5/7 điểm)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ các hoạt động đào tạo ngành TH dưới sự quản lý của BM NLCBCCNMLN thuộc Khoa LLCT có trình độ chuyên môn, có kỹ năng xử lý công việc tốt. Hiện nay, Bộ môn có 11 cán bộ viên chức gồm 3 tiến sĩ, 2 nghiên cứu sinh, 4 thạc sĩ và 2 học viên đang học cao học, trong đó có 01 cán bộ làm công tác trợ lý kiêm nhiệm. Đội ngũ nhân viên thường xuyên được tham gia các khoá bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Nhà trường. Song, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học, Nhà trường và Khoa đã khảo sát nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, xử lý văn bản điện tử, ...

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo của các đơn vị đào tạo và căn cứ chỉ tiêu phát triển đội ngũ trong Kế hoạch phát triển Trường giai đoạn 2011-2020, Quy hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H7.07.04.01], Nghị quyết Hội nghị viên chức năm học [H7.07.04.02], Nghị quyết Đảng ủy [H6.06.01.01] và Kế hoạch công tác hàng tháng [H7.07.04.03], Nhà trường họp xét và ra quyết định ban hành quy hoạch đào tạo bồi dưỡng theo giai đoạn [H6.06.01.13]. Nhân viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy trình của quy định về công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức [H6.06.06.01]. Để thực hiện tốt hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, Nhà trường xây dựng dự toán ngân sách và cơ cấu thu chi hằng năm dành cho kế hoạch kinh phí chi đào tạo, phát triển đội ngũ đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo phê duyệt [H7.07.04.04].

Căn cứ Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng từng giai đoạn, Nhà trường đã cử nhân viên của Khoa LLCT tham gia bồi dưỡng các lớp ngoại ngữ [H6.06.05.05], Kiến thức

Quốc phòng An ninh và lớp kiểm định viên [H6.06.05.07]. Các nhân viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường hỗ trợ các chế độ theo quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ. Trong những năm qua, khoa LLCT đã có khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ nhân viên và đề xuất với Nhà trường để triển khai các hoạt động bồi dưỡng nhằm đáp ứng những nhu cầu đó.

Hàng năm, trường ĐHTN luôn quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và có phân bổ ngân sách riêng cho hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Trường ĐHTN luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, đồng thời có những chính sách, chế độ tốt để nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên, trong đó có nhân viên của Khoa LLCT.

- Khoa LLCT luôn cử các nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa và Bộ môn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho sinh viên trong các hoạt động đào tạo của ngành TH.

3. Điểm tồn tại

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa cần tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV kiêm nhiệm	Khoa LLCT	2021– 2022
2	Phát huy điểm mạnh	- Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên.	Khoa LLCT	2021 – 2022

		- Khoa có chính sách hỗ trợ cho cán bộ tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường.		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 7.4: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường ĐHTN có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá. Khoa LLCT cũng có văn bản quy định công việc của các cán bộ chuyên trách và GV kiêm nhiệm của khoa.

Để triển khai thực hiện và giám sát quá trình đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, GV và nhân viên, phòng Tổ chức cán bộ được giao nhiệm vụ thường trực Hội đồng đánh giá xếp loại viên chức của Trường, công tác thi đua khen thưởng do phòng Công tác sinh viên phụ trách (giai đoạn 2012-2015), phòng Hành chính tổng hợp (giai đoạn 2015-2019), phòng Tổ chức cán bộ (từ năm 2019 đến nay) [H5.05.01.02]. Hệ thống văn bản hướng dẫn quy trình, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên được xây dựng và lấy ý kiến góp ý rộng rãi đến viên chức và được ban hành, cụ thể: Quy chế đánh giá phân loại công chức, viên chức, người lao động [H6.06.04.03]; Quy định về thi đua khen thưởng [H6.06.04.03]; Quy định về thời giờ làm việc của viên chức hành chính [H6.06.02.03]; Quy chế nâng lương trước thời hạn [H6.06.04.03].

Khoa LLCT luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Căn cứ nhiệm vụ được giao, kết quả thực hiện nhiệm vụ và đối chiếu với các tiêu chuẩn của các quy định trên, định kỳ cuối năm học, Nhà trường ra thông báo triển khai đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động công khai và được thực hiện một cách dân chủ, minh bạch. Các đơn vị triển khai thực hiện theo thẩm quyền, đúng quy trình từ bước cá nhân tự đánh giá, bộ môn nhận xét đánh giá phân loại, sau đó đơn vị và cuối cùng cấp Trường [H6.06.04.03]. Đối với công tác thi đua, khen thưởng, Nhà trường ra thông báo đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động thực hiện đăng

ký thi đua vào đầu năm học để có cơ sở xét thi đua vào cuối năm [H6.06.04.03]. Sau khi đánh giá, phân loại viên chức năm học ở cấp đơn vị, Nhà trường tiến hành đánh giá, phân loại ở cấp Trường và công nhận kết quả đánh giá từng viên chức.

Căn cứ đăng ký kế hoạch thực hiện nhiệm vụ vào đầu năm học, cuối năm học mỗi viên chức báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả công việc của mình bằng phiếu đánh giá xếp loại Viên chức, người lao động [H7.07.05.01]. Tất cả bản kế hoạch và phiếu đánh giá được thực hiện phân cấp theo quy định, kết quả đánh giá phân loại cấp Trường được công nhận và công khai trên website của Trường và lưu trữ trên phần mềm quản lý tín chỉ [H6.06.04.03]. Cuối năm học, Khoa và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng.

Những cán bộ hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng luôn hoàn thành công việc được giao, luôn được Khoa, Nhà trường ghi nhận và xét tặng các danh hiệu thi đua như Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H6.06.04.05]. Khoa LLCT cũng đã khích lệ, biểu dương và xét khen thưởng nhằm tạo động lực cho đội ngũ nhân viên trong quá trình làm việc.

2. Điểm mạnh

- Khoa LLCT có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa.

- Ngoài ra, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của Khoa và Nhà trường đề ra.

3. Điểm tồn tại

Khoa LLCT chưa có tiêu chí cụ thể và đặc thù để đánh giá chất lượng công việc phù hợp với tình hình thực tế của Khoa và ngành đào tạo TH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm	Khoa cần xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc và xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo	Khoa LLCT	2021 – 2022

	tồn tại	động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc.		
2	Phát huy điểm mạnh	Đội ngũ nhân viên Khoa nâng cao tinh thần trách nhiệm của trong công việc cũng như thực hiện các nhiệm vụ được giao.	Khoa LLCT	2021 – 2022

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 7.5: Đạt (mức 4,5/7 điểm)

Kết luận của Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên Khoa LLCT hỗ trợ cho CTĐT ngành TH, có trình độ chuyên môn, năng lực làm việc đáp ứng tốt nhu cầu công việc. Đội ngũ nhân viên năng động và nhiệt tình, do vậy, công việc được triển khai có hiệu quả.

Trường ĐHTN luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển đại học của Nhà trường trong thời gian tới.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu: Triết lý giáo dục của trường ĐHTN hướng đến việc đào tạo và cung cấp cho xã hội những người lao động có phẩm chất, năng lực phát triển song hành và toàn diện; có trách nhiệm cao với cộng đồng và luôn có tư duy sáng tạo trong học tập và lao động. Do vậy, các vấn đề liên quan người học luôn là ưu tiên hàng đầu trong việc ban hành và thực thi chính sách tại Trường ĐHTN. Với triết lý giáo dục hướng đến khai thác và phát huy mọi tiềm năng của người học, Nhà trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh linh hoạt và cập nhật, hướng đến mục tiêu giải quyết việc làm và nâng cao trình độ chuyên môn sau khi tốt nghiệp. Trong nhiều năm qua, chương trình đào tạo ngành Triết học được thiết kế mang tính mở, phù hợp với xu thế vận động của xã hội nhưng vẫn đảm bảo tính chuẩn mực và tiến độ. Để làm được điều này, chương trình đào tạo ngành Triết học một mặt thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh và đào tạo của Nhà trường, mặt khác còn tự xây dựng quy trình thực hiện, hỗ trợ người học theo đặc thù của chuyên ngành, được đầu tư và rút kinh nghiệm qua các năm để ngày càng đạt hiệu quả cao hơn. Các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường đối với SV được mô tả trên hình 8.1.



Hình 8.1. Sơ đồ các hoạt động hỗ trợ sinh viên

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Là đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và đào tạo với sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc”. Với sứ mạng này, trường Đại học Tây Nguyên không chỉ thực hiện việc đào tạo cho khu vực Tây Nguyên, Nam Trung Bộ mà còn mở rộng trong nước, khu vực và quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, hội nhập quốc tế. Vì thế, công tác tuyển sinh luôn được Nhà trường chú trọng, trong những năm qua, công tác tuyển sinh của Nhà trường luôn được thực hiện đúng theo những quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, các quy định tuyển sinh cũng được quy định cụ thể, rõ ràng cho từng ngành đồng thời được cập nhật theo từng năm. Căn cứ vào quy chế tuyển sinh hiện hành theo từng năm của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.01].

Trường ĐHTN đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh. Việc xây dựng kế hoạch tuyển sinh được thể hiện bằng các văn bản hoặc đề án. Đối với mỗi chương trình đào tạo, Nhà trường đều có thông tin tuyển sinh cụ thể. Bên cạnh đó, trước mỗi năm tuyển sinh, Trường đều xây dựng chính sách cũng như thiết kế các hoạt động truyền thông cho công tác tuyển sinh. Kế hoạch tuyển sinh trình độ Đại học của Trường ĐHTN nằm trong kế

hoạch tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT. Trường ĐHTN có 01 phòng chức năng trong việc xây dựng kế hoạch tuyển sinh là phòng đào tạo đại học. Trước mỗi kì tuyển sinh, Nhà trường đều thành lập Hội đồng tuyển sinh với sự điều chỉnh, bổ sung thành viên phù hợp tình hình thay đổi nhân sự của Trường [H8.08.01.02]. Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng. Căn cứ vào các quy định và quy chế hiện hành, phòng Đào tạo đại học tiến hành biên soạn các văn bản dự thảo về công tác tuyển sinh. Sau đó, Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp, thống nhất và biên soạn một số các văn bản như: Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh. Hàng năm Nhà trường đều tiếp nhận SV dự bị và cử tuyển cho các đối tượng học sinh là người dân tộc thiểu số. Mỗi năm, sau khi kết thúc thời gian tuyển sinh, Nhà trường đều thực hiện việc báo cáo với Bộ GD&ĐT để làm căn cứ cho việc rút kinh nghiệm và triển khai các công tác tuyển sinh cho những năm tiếp theo [H8.08.01.03] đồng thời xây dựng đề án tuyển sinh [H8.08.01.04]. Ngoài ra, để công tác tuyển sinh được tổ chức một cách hiệu quả, Nhà trường còn thành lập các Ban, các tổ chuyên trách thực hiện các công việc có liên quan công tác tuyển sinh [H8.08.01.05].

Cùng với việc đăng ký, xác định chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng đề án tuyển sinh thì Nhà trường cũng công khai và áp dụng các chính sách để tuyển sinh cho từng chương trình đào tạo. Các chính sách tuyển sinh như khối thi, chỉ tiêu, chế độ ưu tiên, ưu tiên tuyển thẳng của Trường được xây dựng và ban hành theo quy định của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.01]

Nhà trường sử dụng nhiều hình thức truyền thông để thực hiện công tác tuyển sinh. Hàng năm, Nhà trường đều cử cán bộ tham gia Ngày hội tư vấn hướng nghiệp và Ngày hội tư vấn tuyển sinh hàng năm do Báo Tuổi Trẻ, Báo Thanh Niên tổ chức [H8.08.01.07]; Nhà trường tổ chức các đoàn tư vấn tuyển sinh về các trường trung học phổ thông để giới thiệu và tư vấn cho học sinh về các ngành nghề và thông tin tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.08]; Thực hiện việc in ấn các tờ rơi tuyển sinh hoặc các cuốn thông tin tuyển sinh để chuyển đến cho học sinh và các đối tượng cần tham khảo [H8.08.01.09]; Các thông tin về tuyển sinh của Trường nói chung và của Chương trình Triết học nói riêng về số lượng tuyển cho từng ngành, điều kiện xét tuyển, quy trình xét tuyển được xác định rõ ràng, đầy đủ, chi tiết và được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường [H8.08.01.10]. Thông tin tuyển sinh cũng được đăng tải trên website của Nhà trường tại địa chỉ <http://ttn.edu.vn/tuyen-sinh>. Đề án tuyển sinh cũng

được Nhà trường công khai trên website của Nhà trường; [H8.08.01.11] và website của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H8.08.01.12].

Chương trình đào tạo ngành Triết học tuyển chọn những sinh viên theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo đề án tuyển sinh của Trường. Trong đó, thí sinh có đủ điều kiện về kiến thức, có năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống, nghề nghiệp. Việc tuyển sinh của Nhà trường đối với ngành Triết học được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 THPT hoặc dựa vào kết quả thi THPT quốc gia.

Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng do Bộ GD&ĐT ban hành. Thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển. Sau kỳ thi, Nhà trường cũng đều công bố các kết quả thi của học sinh thông báo xét tuyển, điều kiện xét tuyển, danh sách học sinh trúng tuyển. Kết quả tuyển sinh hàng năm của các ngành đào tạo đều được Nhà trường thống kê đồng thời báo cáo cho Bộ Giáo dục và đào tạo [H8.08.01.13] gửi giấy báo trúng tuyển đến từng thí sinh [H8.08.01.14].

Sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh, Nhà trường sẽ gửi báo cáo về tình hình dư luận nhân dân cho Tỉnh ủy Đắk Lắk để thông báo về việc tổ chức thực hiện kỳ thi, xét tuyển cũng như những ưu điểm và hạn chế của kỳ thi [H8.08.01.15].

Bên cạnh đó, việc phân tích nhu cầu cũng được Nhà trường thực hiện. Hàng năm, sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học, Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh và nhập học của Nhà trường và trên cả nước [H8.08.01.16], tiến hành báo cáo thống kê với Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức Hội nghị viên chức [H4.04.01.05], đối thoại với SV [H4.04.07.02] để phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức nhằm tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học được hiệu quả hơn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng trong đề án tuyển sinh, được công bố công khai trên website và được phổ biến trong các đợt tư vấn tuyển sinh.

Chính sách tuyển sinh của Trường được điều chỉnh, cập nhật theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của Bộ GD&ĐT hàng năm.

3. Tồn tại

Chất lượng quảng bá hình ảnh đào tạo đến thí sinh trong những năm qua chưa thật hấp dẫn, do đó chưa thu hút được nhiều thí sinh ở các khu vực khác ngoài khu vực Tây Nguyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Khảo sát ý kiến của các bên liên quan đến công tác tuyển sinh - Tổng kết, đánh giá, phân tích kết quả công tác tuyển sinh - Phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực hàng năm.	Trường ĐHTN	Hàng năm
2	Phát huy thế mạnh	Tiếp tục xác định chính sách tuyển sinh rõ ràng, theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đó, chính sách tuyển sinh cũng được công bố công khai cho các đối tượng tuyển sinh và luôn được cập nhật để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh.	Bộ phận tuyển sinh	

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 8.1: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường căn cứ vào văn bản hướng dẫn xác định chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và đào tạo [H6.06.01.12] để xác định các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, căn cứ vào việc báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp các năm [H4.04.03.09], Nhà trường tổ chức họp, thảo luận để xây dựng các tiêu chí thi tuyển, xét tuyển dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT và trên thực tế yêu cầu của các ngành học trong trường nhằm thu hút và tuyển chọn được những thí sinh chất lượng.

Các cuộc họp Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường đều được ghi chép cụ thể trong các Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh [H8.08.01.15].

Bằng việc sử dụng các phương tiện truyền thông khác nhau, Nhà trường đã thực hiện việc công khai các tiêu chí tuyển sinh rõ ràng và đúng quy định. Tất cả các tiêu chí tuyển sinh của từng chương trình đào tạo như: Mã ngành tuyển sinh, ngành đào tạo, chuyên ngành đào tạo, chỉ tiêu dự kiến, tổ hợp môn xét tuyển, thông tin về khoa và ngành đào tạo, hình thức thi tuyển/xét tuyển đều được đăng tải trên website của Nhà trường [H8.08.02.03]; được trình bày và phân tích trong Đề án tuyển sinh hằng năm [H8.08.02.04], trên các tờ rơi, cuốn thông tin tuyển sinh [H8.08.01.09].

Sau kỳ thi, Nhà trường cũng đều công bố các kết quả thi của học sinh, chỉ tiêu xét tuyển, điều kiện xét tuyển, danh sách học sinh trúng tuyển, gửi giấy báo trúng tuyển đến từng thí sinh. Điểm trúng tuyển được Hội đồng tuyển sinh họp và xác định với tiêu chí đảm bảo chất lượng và đảm bảo chỉ tiêu tuyển sinh [H8.08.02.05], phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT [H6.06.01.12].

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn sinh viên vào học ngành Triết học được xác định rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT, trong đề án tuyển sinh của Nhà trường và được rà soát hàng năm. Theo đó, điều kiện tham gia xét tuyển là thí sinh phải tốt nghiệp THPT, đủ sức khỏe học tập. Các phương pháp và các tiêu chí cụ thể như sau:

- Phương pháp xét kết quả thi Trung học phổ thông Quốc gia: năm học 2015 – 2016 và 2016 – 2017, thí sinh được chọn vào ngành Triết học theo kết quả thi theo tổ hợp Ngữ văn – Lịch sử - Địa lý [H8.08.01.13]. Đến năm học 2017 – 2018, thí sinh dự xét tuyển vào ngành này được xét thêm hai tổ hợp là: Ngữ văn – Lịch sử - Giáo dục công dân; Ngữ văn – Toán - Tiếng Anh [H8.08.01.13]

- Phương pháp xét học bạ: Từ năm học 2019 – 2020, ngoài hình thức xét theo kết quả thi Trung học phổ thông Quốc gia, thí sinh được xét theo hình thức học bạ. Đối với phương pháp này, yêu cầu thí sinh phải có tổng điểm 3 môn học của lớp 12 theo tổ hợp xét tuyển phải từ 18 điểm trở lên [H8.08.01.04].

- Phương pháp xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: Các tiêu chí xét tuyển được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được nêu rõ trong Đề án tuyển sinh hàng năm [H8.08.01.04], [H8.08.01.12].

Kết quả tuyển sinh của từng năm, từng ngành đào tạo đều được Nhà trường tổng hợp và lập báo cáo. Đồng thời công tác tuyển sinh cũng được Nhà trường đánh giá, rà

soát hàng năm thông qua các cuộc họp của Hội đồng tuyển sinh sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh [H8.08.01.04]; [H8.08.01.16]. Ngoài ra Nhà trường còn tổ chức Hội nghị viên chức, đối thoại với SV để thu thập ý kiến trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học ngành Triết học được xác định rõ ràng trong đề án tuyển sinh của Nhà trường.

Thực hiện đúng quy trình và yêu cầu về tiêu chí tuyển chọn người học theo nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan.

3. Tồn tại

Chưa có nhiều căn cứ và tiêu chí để đánh giá năng lực đầu vào của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường thực hiện xây dựng các tiêu chí để tuyển sinh theo hình thức xét học bạ cho hình thức giáo dục chính quy.	Bộ phận tuyển sinh Khoa LLCT	Hàng năm
2	Phát huy thế mạnh	Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển sinh theo những quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo với những tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được xác định rõ ràng.	Bộ phận tuyển sinh	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 8.1: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả

Nhà trường đã phân công cụ thể theo chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, để triển khai các hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học [H5.05.01.02]. Trên cơ sở quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; chương trình đào tạo [H5.05.01.05] và kế hoạch của Nhà trường, trực tiếp tham gia vào hệ thống giám sát sự tiến bộ của người

học bao gồm: (1) Giảng viên giảng dạy học phần, (2) Cố vấn học tập, (3) Cán bộ phụ trách Khoa, (4) Phòng CTSV phối hợp cùng Phòng Đào tạo Đại học (ĐTĐH) và Phòng Quản lý chất lượng (QLCL) [H5.05.01.02].

Các hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thực hiện như sau: Giảng viên (GV) giảng dạy đánh giá kết quả học tập từng học phần thông qua điểm quá trình các học phần. Điểm quá trình học phần bao gồm: Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; Điểm đánh giá phần thực hành; Điểm chuyên cần. Đối với các học phần thuộc các ngành, điểm quá trình chiếm từ 10% đến 30% thành phần điểm học phần. [H5.05.01.04] Điểm quá trình sẽ được GV thông báo với sinh viên khi kết thúc học phần và nhập điểm vào Phần mềm Quản lý chương trình đào tạo giai đoạn 2015-2020 [H5.05.02.05]. Để đánh giá kết quả học tập của người học, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo ngành Triết học đã trình bày rõ phương thức đánh giá mỗi học phần. Nội dung phương thức đánh giá mỗi học phần bao gồm: Hình thức thi, thời gian thi kết thúc học phần; Thành phần điểm: Điểm quá trình; Điểm thi kết thúc học phần; Cấu trúc đề thi [H5.05.01.07]. Đối với từng lớp học, Bộ môn Nguyên lý cử các giảng viên làm Cố vấn học tập (CVHT) cho các lớp. Các giảng viên Bộ môn Nguyên lý được phân công làm CVHT cho các lớp thuộc ngành Triết học [H7.07.01.05]; [H7.07.01.05]. Đội ngũ CVHT sẽ gặp lớp quản lý đầu kỳ, cuối kỳ và hàng tháng một lần theo lịch dạy và học của GV, sinh viên được đăng tải trên website của Nhà trường [H4.04.03.03]. Các CVHT có trách nhiệm phổ biến các thông báo chế độ chính sách từ nhà trường đến SV, lắng nghe và tư vấn SV các vấn đề về học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học và giám sát kết quả học tập của SV. Cán bộ phụ trách khoa Lý luận Chính trị phụ trách mảng sinh viên và cán bộ lớp cũng là đội ngũ giúp công tác giám sát và theo dõi quá trình và tiến độ học tập của SV được sát sao, kịp thời và có hiệu quả. Vào cuối mỗi học kỳ, SV phải tự đánh giá về kết quả rèn luyện của mình và tự chấm điểm phân loại [H5.05.01.08]. Phiếu tự đánh giá sẽ được cán bộ lớp và CVHT cùng toàn thể lớp họp xét điểm rèn luyện. Phiếu tự đánh giá được nộp lại cho Văn phòng khoa Lý luận Chính trị. Khoa Lý luận Chính trị tiến hành họp xét điểm rèn luyện cho sinh viên. Đây cũng là căn cứ để đề nghị xét học bổng và các khen thưởng năm học cho SV theo quy định.

Chương trình đào tạo (CTĐT) theo hệ thống tín chỉ đã được áp dụng từ năm 2009, thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn

xã hội. Trong giai đoạn 2015-2019, thực hiện công tác điều chỉnh, cải tiến các chính sách về đào tạo, Nhà trường đã thực hiện rà soát, cập nhật và xây dựng mới các CTĐT cho ngành Triết học. Trong đó quy định rõ khối lượng học tập của SV và có sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập bảo đảm người học có học lực trung bình hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn [H5.05.01.05]. Hơn nữa, CTĐT đã có những cải tiến đáng kể như đưa thêm môn Kỹ năng mềm vào giảng dạy trong toàn trường. Nhà trường đã ban hành quy định về tổ chức giảng dạy môn học Giáo dục thể chất đối với ĐTDH theo học chế tín chỉ trong đó quy định chương trình giáo dục thể chất dành cho nhóm SV sức khỏe hạn chế. Ngoài ra, kỳ thực tập cuối khóa cũng được Khoa, Bộ môn liên tục cải tiến, giúp người học thích nghi được với công việc sau khi ra trường.

Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên sẽ được ghi nhận thông qua hệ thống điểm và đánh giá kết quả rèn luyện online của sinh viên. Kết quả được lưu vào hồ sơ quản lý sinh viên và được sử dụng để xét cho phép sinh viên đăng ký môn học, xét khen thưởng, kỷ luật, cấp học bổng cho sinh viên. Thông qua hệ thống đăng ký môn học trực tuyến, sinh viên, gia đình đều có thể theo dõi các thông tin liên quan cụ thể đến mỗi sinh viên như: tiến trình đào tạo, kết quả học tập, tình trạng đóng học phí của sinh viên để kịp thời cảnh báo, cải thiện kết quả học tập trong toàn khóa. Phòng CTSV cử các cán bộ chuyên trách trong việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học [H5.05.01.02]. Công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc giám sát sự tiến bộ người học của Phòng CTSV, khoa LLCT và Bộ môn Nguyên lý nói riêng là phần mềm Quản lý chương trình đào tạo [H5.05.02.01] và tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H8.08.03.04]. Đây là phần mềm quản lý kết quả học tập của người học từ khi vào trường đến khi kết thúc khóa học, tổ chức thi, xét duyệt học vụ như cảnh cáo, thôi học, đăng ký khóa luận, thực tập tốt nghiệp, xét chứng chỉ, xét tốt nghiệp và cấp bằng; phần mềm được sử dụng để nhập học, quản lý thông tin người học, quản lý các hồ sơ xóa tên, chuyển trường. Phần mềm trực tuyến hỗ trợ các cán bộ, thực hiện tin học hóa các quy trình nghiệp vụ như quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, đánh giá tình hình học tập của sinh viên, tổng hợp và thống kê dữ liệu, quản lý nhân sự, phân quyền khai thác dữ liệu, khai thác và tra cứu các thông tin trực tuyến.... Với phần mềm Quản lý chương trình đào tạo, mỗi sinh viên sẽ được Nhà trường cung cấp một tài khoản học tập giúp sinh viên có được những thông tin quan trọng và bổ ích từ hệ thống thông tin của nhà trường [H4.04.03.03]. Cổng này cung cấp: khả năng đăng ký học trực tuyến, xem

chương trình học, tra cứu kết quả học tập, điểm rèn luyện, tra cứu học phí, lịch thi. Sinh viên có thể truy cập vào website bất cứ lúc nào để xem hồ sơ học tập của bản thân. Mỗi CVHT cũng có 01 tài khoản đăng nhập để theo dõi thông tin của tất cả sinh viên trong lớp mình cố vấn. Phần mềm với khả năng phân tích và thống kê tổng hợp số liệu nhanh giúp CVHT kiểm tra khối lượng học tập và kết quả, đánh giá sự tiến bộ của SV và cảnh báo, nhắc nhở động viên kịp thời đối với SV bị cảnh báo học tập. Phần mềm cung cấp khối lượng tín chỉ (TC) tích lũy, còn nợ cùng với kết quả học tập theo từng học kỳ, năm học, toàn khóa học [H5.05.02.01]. Phần mềm Quản lý chương trình đào tạo giúp đội ngũ CVHT và cán bộ phụ trách Khoa Lý luận Chính trị theo dõi, giám sát quá trình học tập và hồ sơ học tập SV từ khi bắt đầu theo học đến khi ra trường.

Cuối mỗi học kỳ, Phòng CTSV chạy phần mềm theo ứng dụng của hệ thống tính điểm hỗ trợ xét duyệt thi lại, lên lớp, bảo lưu, lưu ban, xét tốt nghiệp, xét học vụ, xét học bổng [H5.05.01.02]; [H5.05.02.01]. Phòng CTSV lập các danh sách tổng hợp kết quả học tập của sinh viên gửi về văn phòng khoa LLCT. Căn cứ vào Quy chế đào tạo Đại học [H8.08.03.05], cao đẳng theo hệ thống tín chỉ và Quy định về xét khen thưởng, kỷ luật sinh viên [H5.05.01.03], Nhà trường có các quyết định khen thưởng [H6.06.04.03] và các quyết định xử lý học vụ sinh viên [H5.05.04.04]. Khoa Lý luận Chính trị gửi thông báo danh sách SV bị cảnh báo và buộc thôi học đến CVHT, CVHT thông báo và gặp mặt sinh viên bị cảnh báo để có những biện pháp kịp thời hỗ trợ, giúp sinh viên cố gắng trong học tập. Nhà trường có hệ thống giám sát tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của sinh viên. Việc giám sát này được thực hiện bởi Phòng CTSV, được quy định Phân công nhiệm vụ của Phòng CTSV [H5.05.01.02].

2. Điểm mạnh

Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường xác định rõ yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và triển khai nhiều hình thức giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

Hệ thống giám sát học tập và đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, đúng thời hạn và có sự phối hợp giữa các bên từ CVHT đến Khoa và các phòng ban liên quan.

3. Tồn tại

Hệ thống quản lý đào tạo của Trường chưa được nâng cấp kịp thời nên đôi lúc làm gián đoạn hoạt động tra cứu dữ liệu học tập của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Phòng ĐTĐH kết hợp với Trung tâm thông tin xây dựng hệ thống học trực tuyến E-learning và hỗ trợ tốt hơn việc tương tác giữa GV và SV trong việc dạy và học, đảm bảo đạt được CDR và phù hợp với triết lý giáo dục.	Phòng ĐTĐH Trung tâm Thông tin	Hàng năm
		Phòng ĐTĐH, Phòng CTSV, Khoa LLCT xem xét tích hợp việc phân công giảng dạy ở cấp Khoa và Bộ môn vào hệ thống quản lý đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý, giám sát và hiệu quả trong điều hành.	Phòng ĐTĐH Phòng CTSV Các khoa chuyên môn và CVHT	Hàng năm
2	Phát huy thế mạnh	Phòng ĐTĐH, Phòng CTSV, Khoa LLCT tiếp tục thực hiện hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.	Phòng ĐTĐH Phòng CTSV Khoa LLCT	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 8.3: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Với tiêu chí lấy SV là trung tâm của quá trình đào tạo, trong suốt quá trình học tập tại trường, SV được hỗ trợ và cung cấp nhiều dịch vụ trong học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác như tài chính, việc làm nhằm cải

thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường có kế hoạch phân công cụ thể theo chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, để triển khai các hoạt động tư vấn học tập, NCKH, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và dịch vụ hỗ trợ khác cho sinh viên [H5.05.01.02]. Trong đó, Khoa phân công CVHT các lớp [H7.07.01.05], trợ lý Khoa có nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong các hoạt động. Đội ngũ này được Nhà trường gửi các văn bản hướng dẫn về công tác hỗ trợ sinh viên như CTĐT, logic học phần [H5.05.01.05], chế độ chính sách... Các đơn vị như: Phòng Đào tạo Đại học, các Khoa, Phòng CTSV phân công các chuyên viên trong phòng hỗ trợ cho sinh viên [H5.05.01.02], cụ thể: Phòng Đào tạo Đại học: Hỗ trợ sinh viên trong việc đăng ký học, đăng ký thi; Phòng CTSV: Hỗ trợ sinh viên về học tập, rèn luyện, các chế độ chính sách cho sinh viên, định hướng nghề nghiệp... Trung tâm hỗ trợ sinh viên: Hỗ trợ về chỗ ở và các công tác hỗ trợ khác cho sinh viên; Bệnh viện Trường ĐHTN: Hỗ trợ sinh viên các vấn đề về sức khỏe. Khoa, Bộ môn: Hỗ trợ sinh viên định hướng nghề nghiệp, xây dựng kế hoạch học tập thông qua đội ngũ CVHT... Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên phân công các Câu lạc bộ tổ chức các hoạt động văn thể mỹ, hoạt động ngoại khóa cho SV [H8.08.04.01] [H8.08.04.02].

Các phòng ban, đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho HSSV: Trung tâm hỗ trợ sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên phối hợp với các đơn vị để hỗ trợ sinh viên về thông tin, việc làm, khởi nghiệp [H8.08.04.03]; Phòng công tác SV phối hợp tư vấn giới thiệu việc làm cho HSSV [H8.08.04.04] [H8.08.04.05] [H8.08.04.06]; Khoa LLCT, Bộ môn tổ chức thực tập nghề nghiệp, thực tế cho HSSV và hỗ trợ sinh viên định hướng nghề nghiệp [H4.04.02.03]. Bộ môn đã thực hiện tốt các hoạt động hỗ trợ cho sinh viên tiếp cận việc làm, thực tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, giúp SV tìm kiếm các vị trí tuyển dụng phù hợp với chuyên ngành đào tạo. [H4.04.02.12]; [H4.04.02.13]

Kế hoạch và thực hiện triển khai các hoạt động tư vấn học tập, NCKH, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của HSSV: Đối với các tân sinh viên, ngay tuần đầu tiên của năm học Phòng CTSV phối hợp cùng với Phòng ĐTDH và các đơn vị liên quan tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa (“Citizens living week”) [H8.08.04.01] để cung cấp cho sinh viên các thông tin về các quy định, qui chế đào tạo, cơ sở vật chất, chính sách và các dịch vụ hỗ trợ (đăng ký ký túc xá, kiểm tra sức khỏe và cũng như các chính sách miễn giảm học phí...). Ngoài ra, Nhà trường còn phát cho mỗi sinh viên 01 quyển “Sổ tay sinh viên” [H5.05.02.04].

“Sổ tay sinh viên” cung cấp cho sinh viên về quy định chung đối với sinh viên hệ chính quy và một số hướng dẫn về sử dụng Thư viện, phần mềm Quản lý chương trình đào tạo. Sinh viên cũng có thể tìm được các thông tin này trên website của nhà trường tại đường link <https://www.ttn.edu.vn/>. Cùng với các phòng ban chức năng, Bộ môn Nguyên lý là đơn vị trực tiếp quản lý, tư vấn và hỗ trợ SV ngành Triết học trong quá trình học tập. Các sinh viên được giải đáp các thắc mắc qua CVHT [H5.05.02.05], ban cán sự lớp. Hình thức tư vấn có thể thông qua email, tài khoản trực tuyến của SV, gặp trực tiếp trong giờ làm việc của các đơn vị, thông qua các buổi gặp mặt, họp lớp, sinh hoạt học thuật hoặc các buổi đối thoại sinh viên được tổ chức cho SV [H5.05.02.06]. GV Bộ môn Nguyên lý tích cực hướng dẫn SV NCKH, viết bài báo khoa học [H6.06.05.09].

Các hoạt động ngoại khoá: Để tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao các kỹ năng mềm, giao lưu trong học tập, trao đổi kiến thức, nâng cao chất lượng học tập của SV, Hội sinh viên thành lập nhiều câu lạc bộ trong trường [H8.08.04.01]. Hàng năm, Nhà trường và các câu lạc bộ đã tổ chức các cuộc thi nhằm hỗ trợ giao lưu kiến thức, kỹ năng của sinh viên như hội diễn văn nghệ, giải bóng đá, bóng chuyền, cờ tướng, cầu lông, bóng bàn, chạy việt dã, thi “phòng ở kiểu mẫu”, “khéo tay hay làm”... là những sân chơi thú vị, mới mẻ, bổ ích và lành mạnh cho các bạn SV để tăng cường các kỹ năng mềm và cân bằng cuộc sống. Kết thúc năm học, các câu lạc bộ gửi về Hội sinh viên, Đoàn trường các báo cáo tổng kết hàng năm về các hoạt động của câu lạc bộ mình [H8.08.04.01], [H8.08.04.02]. Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động như chiến dịch tình nguyện Tiếp sức mùa thi, Mùa hè xanh... nhằm tạo môi trường để SV trau dồi kiến thức, tiếp cận thực tiễn, được rèn luyện năng lực công tác quần chúng, nhân cách và bản lĩnh chính trị [H8.08.04.01]. Trường đã hợp tác với Dự án V2Work tổ chức các cuộc Hội thảo với chủ đề “Tổ chức đào tạo kỹ năng và thực tập, thực tế cho SV”, “Hỗ trợ SV khởi nghiệp” nhằm trang bị cho cho SV những kiến thức và kỹ năng về thực tập, thực tế, kỹ năng về khởi nghiệp từ ý tưởng đến lập dự án và triển khai [H8.08.04.04].

Hỗ trợ tài chính: Trong suốt quá trình học tập và rèn luyện tại trường Đại học Tây Nguyên, căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện, sinh viên được hỗ trợ học bổng khuyến khích học tập [H8.08.04.10] và các học bổng khác gồm: Học bổng Đại học Tây Nguyên, học bổng KOVA, học bổng TOYOTA, học bổng “Tiếp sức đến trường” của Mobifone và VNPT, học bổng "Đạm Cà Mau", học bổng MOTO, học bổng HESSEN, học bổng

Vừ A Dính, học bổng Vallet, học bổng “Thấp sáng ước mơ Tây Nguyên” [H8.08.04.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường có các chính sách miễn, giảm học phí cho sinh viên là với các mức 100%, 70% 50% cho SV. Hỗ trợ chi phí học tập cho SV thuộc diện đối tượng hỗ trợ chi phí học tập, cho SV vay vốn, thực hiện chế độ trợ cấp xã hội. [H8.08.04.12].

Kế hoạch và các nguồn lực để thực hiện triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho HSSV: Nhà trường đã phân công cụ thể theo chức năng nhiệm vụ của các phòng ban để hỗ trợ việc làm cho HSSV: Trung tâm hỗ trợ sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên phối hợp với các đơn vị để hỗ trợ sinh viên về thông tin, việc làm, khởi nghiệp; Phòng công tác SV phối hợp tư vấn giới thiệu việc làm cho HSSV. Khoa tổ chức thực tập nghề nghiệp, thực tế cho HSSV, hỗ trợ sinh viên định hướng nghề nghiệp thông qua hội thi “Báo cáo viên, tuyên truyền viên” [H4.04.02.12]. Các hoạt động tư vấn về định hướng nghề nghiệp như buổi giới thiệu định hướng ngành nghề cho tân SV, các Hội chợ việc làm, hội thảo tuyển dụng, seminar hướng nghiệp cuối khóa tạo điều kiện để từ đó SV hiểu biết về nghề nghiệp sau này và có thông tin cũng như cơ hội về thị trường việc làm [H8.08.04.05] [H8.08.04.06].. Trong quá trình tư vấn, các thông tin phản hồi của SV về các hoạt động, ơn vị của Nhà trường cũng được ghi nhận thông qua khảo sát sinh viên. Thông tin sẽ được phân tích, xử lý để điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH cũng như nâng cao chất lượng phục vụ sinh viên. Sinh viên được khuyến khích chủ động liên hệ với đội ngũ tư vấn của nhà trường để nhận được sự giúp đỡ và chỉ dẫn tận tình. Bên cạnh đó, website Nhà trường liên tục cập nhật và đưa các thông tin về các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng nhân lực để hỗ trợ khả năng có việc làm cho người học [H8.08.04.07].

Khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên ngành Triết học: Tìm hiểu tình hình việc làm của cựu SV ngành Triết học được đào tạo tại trường sau khi tốt nghiệp từ năm 2017 đến 2020 để biết chất lượng SV do trường đào tạo ra sau tốt nghiệp, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu việc làm của nhà tuyển dụng, phục vụ công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài cấp Cơ sở đào tạo và Chương trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H4.04.03.11]. Số lượng cựu sinh viên ngành Triết học đã tham gia khảo sát từ năm 2017 đến 2020 lần lượt là 12, 18,19 và 23 cựu SV.

**Bảng 8.1: Kết quả khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp ngành Triết học
(2016-2020)**

Năm	Số SV được khảo sát	Số SV đã đi làm	Số SV chưa đi làm	Làm đúng chuyên môn	Làm không đúng chuyên môn	Thu nhập trung bình (Triệu đồng)	Hài lòng với khóa học	Chưa hài lòng với khóa học
2017	12	05 (34,7%)	07 (58,3%)	0 (100%)	05 (100%)	3,700	12 (100%)	0
2018	18	08 (44,4%)	10 (55,6%)	02 (25%)	06 (75%)	3,888	18 (100%)	0
2019	19	12 (63,2%)	07 (36,8%)	01 (8%)	11 (92%)	3,700	19 (100%)	0
2020	23	18 (78,3%)	5 (27,1%)	2 (11,1%)	16 (88,9%)	4,700	18 (100%)	0
TỔNG	81	43 (53%)	37 (47%)	05 (12%)	37 (88%)		81 (100%)	

Kết quả bảng trên cho thấy: Ngành Triết học có số sinh viên đã đi làm đạt 53%; làm đúng chuyên môn là 12% và thu nhập trung bình 3,997 triệu đồng/tháng; có 100% SV hài lòng với khóa học.

2. Điểm mạnh

Các công tác về tư vấn học tập và hỗ trợ các hoạt động khác cho sinh viên được Nhà Trường, các Phòng ban và Khoa phối hợp thực hiện chặt chẽ. Trong đó, Khoa và BM Nguyên lý luôn khuyến khích SV tự học, tự nghiên cứu nhằm nâng cao khả năng hòa nhập và giải quyết các vấn đề sau khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Vẫn có nhiều sinh viên của ngành Triết học chưa thực sự có nhiệt huyết tham gia vào các hoạt động cộng đồng, các câu lạc bộ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị	Thời gian
----	----------	----------	--------	-----------

				thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa LLCT, Bộ môn Nguyên lý xây dựng các kế hoạch hoạt động ngoại khóa thu hút sinh viên tham gia	Khoa LLCT, Bộ môn Nguyên lý	Hàng năm
2	Phát huy thế mạnh	Nhà trường tiếp tục tổ chức các hoạt động tư vấn học tập nhằm cải thiện việc học tập và triển vọng việc làm của SV. Bên cạnh đó tăng cường thêm các hoạt động ngoại khóa để trau dồi kiến thức và nâng cao kỹ năng của người học.	P. ĐTĐH, P. CTSV, CVHT, Đoàn trường, Hội SV, các câu lạc bộ trong trường	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 8.4: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Hiện tại, trường ĐHTN có Nhà điều hành trung tâm với tổng diện tích 1.120 m², diện tích sàn 7.690 m², 268 phòng học có sức chứa trung bình từ 50 đến 70 sinh viên/phòng với tổng diện tích là 25.509 m² (Nhà học số 2, Nhà học số 5, Nhà học số 6, Nhà học số 7, Nhà học số 8, Nhà học số 9). Các phòng học được cung cấp đầy đủ trang thiết bị: bàn, ghế, bảng, wifi, máy chiếu, màn chiếu, quạt, hệ thống âm thanh và ánh sáng...; Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy vi tính (có 20 phòng với tổng diện tích là 822 m²) được trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị: máy tính, dụng cụ và đồ dùng thí nghiệm, máy thí nghiệm...; Thư viện - thông tin là tòa nhà 3 tầng (3.200 m² diện tích sàn), trong đó các phòng phục vụ đọc tại chỗ có sức chứa 500 chỗ ngồi, với khoảng trên 12.750 đầu sách; Khu giáo dục thể chất là quần thể hiện đại, đa chức năng với sân vận động, sân tennis, nhà thi đấu đa năng (3.100 m²); TT GDQPAN Tây Nguyên (10.000 m²); Ký túc xá có 444 phòng ở (17.600 m²) có đủ điều kiện sử dụng tốt. Nhà trường

cũng luôn chăm lo đến bảo vệ sức khỏe của sinh viên (Bệnh viện Trường Đại học Tây nguyên) và các tiện ích khi học tập tại trường nên đã tạo được môi trường cảnh quan trong sạch, cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, môi trường xã hội - tâm lý ổn định, lành mạnh bảo đảm giúp SV yên tâm học tập và phát huy được hết các tiềm năng của bản thân [H8.08.05.01].

Môi trường cảnh quan, cơ sở vật chất: SV ngành Triết học được sử dụng tất cả các cơ sở vật chất của nhà trường như phòng học, thư viện, trung tâm tin học... Các lớp học được cung cấp đầy đủ trang thiết bị: bàn, ghế, bảng, wifi, máy chiếu, màn chiếu, điều hòa không khí, hệ thống âm thanh và ánh sáng.... Ngoài ra còn có các khu vực tự học, phòng máy ở Thư viện [H8.08.05.02]. Trong quá trình học tập, SV có thể ở ký túc xá. Ký túc xá có 444 phòng ở đáp ứng nhu cầu của sinh viên nội trú. SV được sử dụng toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường và các tiện ích như: sân bóng, sân tennis, sân bóng chuyền, nhà thi đấu đa năng... để học tập và rèn luyện sức khỏe [H8.08.05.01]. Các thông tin phản hồi của SV về các cơ sở vật chất của Nhà trường cũng được ghi nhận thông qua khảo sát sinh viên [H4.04.03.06]; [H8.08.05.03].

Bảng 8.2: Tổng hợp khảo sát sinh viên về cơ sở vật chất của trường

Đơn vị tính: %

Nội dung	Mức độ hài lòng	
	Năm 2018	Năm 2019
1. Số lượng giảng đường đáp ứng đủ nhu cầu học tập của SV	61,44	47,8
2. Thư viện có đủ tài liệu học tập và nghiên cứu.	59,38	36,9
3. Hệ thống CNTT của Nhà trường đáp ứng nhu cầu học tập.	57,22	52,1
4. Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị phòng cháy/chữa cháy.	59,75	58,8
5. Mức độ hài lòng chung.	59,38	51,7

Các mức độ đánh giá: 1. Rất không hài lòng, 2. Không hài lòng, 3. Phân vân, 4. Hài lòng, 5. Rất hài lòng.

Môi trường xã hội, học tập: Có rất nhiều hoạt động xã hội và cộng đồng cho SV ngành Triết học ở trường ĐHTN, ngoài các hoạt động chung do Đoàn trường phát động cho khối SV. Nhà trường có tổ chức Đoàn thanh niên và Hội SV thường xuyên tổ chức các hoạt động văn thể như các giải thể thao (bóng đá, cầu lông, bóng chuyền, cờ tướng, bóng bàn, chạy việt dã, hội diễn văn nghệ, các hoạt động thanh niên (ví dụ thanh niên

tình nguyện, Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hiến máu nhân đạo, SV bảo vệ môi trường...), kỷ niệm các ngày Nhà giáo Việt Nam, ngày thành lập Đoàn TNCS[H8.08.04.01], các câu lạc bộ (CLB) như CLB Ngoại ngữ, CLB Một sức khỏe, CLB Hiến máu nhân đạo... Tất cả những hoạt động trên để góp phần tạo ra những sân chơi bổ ích và một môi trường lành mạnh, đậm chất nhân văn để SV được sống, học tập và rèn luyện nhằm phát huy hết khả năng và trí tuệ của mình [H8.08.05.04]. *Môi trường tâm lý*: Mỗi lớp đều có Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn chăm lo tổ chức các hoạt động nhằm kết nối các thành viên tạo môi trường học tập đoàn kết, tương trợ và thân thiện, giúp duy trì tâm lý tốt cho SV. Hàng tháng, CVHT tham gia sinh hoạt cùng lớp và thường xuyên theo dõi tình hình lớp học và chia sẻ, động viên tinh thần và hỗ trợ khi SV gặp vấn đề về tâm lý hay căng thẳng [H8.08.05.05]. Các hoạt động lành mạnh như các cuộc thi thể thao, biểu diễn văn nghệ và các hoạt động xã hội như Mùa hè xanh, Hiến máu nhân đạo được thường xuyên tổ chức để nhằm thu hút SV tham gia. Từ đó SV có cơ hội làm những việc có ích cho cộng đồng và xã hội, tăng cường giao lưu, học hỏi và tích lũy các kỹ năng mềm, giảm bớt căng thẳng, đời sống tinh thần vui vẻ, lành mạnh, giúp học tập, nghiên cứu hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho các trường hợp SV gặp hoàn cảnh khó khăn như SV có gia đình thuộc hộ nghèo, bị mồ côi cha mẹ hoặc cha mẹ bị tai nạn, sinh viên người dân tộc thiểu số [H8.08.04.12]. Ngoài ra, trường ĐHTN cũng có những quy định riêng về hỗ trợ sinh viên như miễn giảm học phí, miễn học một số môn, xem xét cấp học bổng nhằm động viên tinh thần SV yên tâm học tập [H8.08.04.12]. *Công tác sức khỏe, y tế cộng đồng*: Nhà trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người học. Căn cứ vào quy định của Nhà nước, Nhà trường đã ban hành các Quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác y tế trường học, Tổ Y tế học đường, giao nhiệm vụ tổ chức và chỉ đạo hoạt động y tế học đường của Trường Đại học Tây Nguyên [H8.08.05.05]. Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên hoạt động 24/24 không chỉ thực hiện khám chữa bệnh cho bệnh nhân nói chung, còn là đơn vị chịu trách nhiệm sơ cấp cứu, điều trị ban đầu cho SV trong suốt quá trình học tập tại Trường. Phòng CTSV được phân công xây dựng kế hoạch cụ thể, thông báo cho SV tham gia bảo hiểm y tế hàng năm và tiến hành tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ cho SV tại Bệnh viện trường [H8.08.04.13].

Môi trường sinh thái và môi trường học tập: Dựa theo chức năng, nhiệm vụ được phân công của Phòng CSVC, Phòng CSVC lập kế hoạch quản lý môi trường, vệ sinh

các giảng đường, phòng học, cắt tỉa, trồng mới cây xanh trong khuôn viên Nhà trường và phân công cho từng bộ phận quản lý và ký kết hợp đồng với các nhà thầu, các cá nhân và tiến hành chăm sóc cắt tỉa cây xanh định kỳ, chăm sóc vườn hoa cây cảnh, cây xanh trong khuôn viên Nhà trường, vệ sinh giảng đường và khuôn viên Nhà trường tạo môi trường làm việc và học tập thoải mái, xanh, sạch, đẹp cho cán bộ viên chức, người lao động và học sinh SV trong toàn trường [H5.05.01.02]. Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động để SV ngành Triết học có cơ hội cùng với SV các ngành khác được giao lưu, tìm hiểu về sự đa dạng văn hóa tộc người ở vùng Tây Nguyên cũng như tôn trọng, phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc [H8.08.05.06].

Công tác bảo đảm an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy: Nhà trường có tường rào bao bọc, cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh. Đội bảo vệ thuộc Phòng HCTH trực tại trường 24/24h với chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể trong quy định làm việc của tổ bảo vệ. Trong toàn khuôn viên Nhà trường có những bảng nội quy Nhà trường và được treo ở các vị trí dễ nhìn để mọi người xem và thực hiện. Ngoài ra, Nhà trường đã ký kết hợp đồng và ban hành quy chế phối hợp với Công ty vệ sỹ Tuấn Ngọc với mục đích bảo vệ an ninh trật tự trong trường. Bên cạnh đó, Nhà trường đã phối hợp rất tốt với Công an phường Ea Tam, Công an thành phố Buôn Ma Thuột trong công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực Nhà trường. Phòng HC–TH chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổng hợp báo cáo kiểm tra định kỳ về công tác phòng cháy chữa cháy trong Nhà trường, công tác này được chú trọng cả về nhân sự lẫn cơ sở vật chất, trang thiết bị. Nhà trường đã tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao trình độ nhận thức của viên chức, người lao động thông qua các đợt tập huấn hàng năm về phòng cháy chữa cháy. Ban phòng cháy chữa cháy phối hợp với các đơn vị kiểm tra, bảo dưỡng và bổ sung, đề xuất sửa chữa trang thiết bị phòng cháy chữa cháy trong khuôn viên Nhà trường [H5.05.01.02]. *Về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm:* Hiện nay, Nhà trường có các căng tin bán hàng phục vụ học sinh SV, viên chức và người lao động trong khuôn viên trường. Tất cả cá nhân trúng thầu các căn tin đều có chứng nhận bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước và cam kết thực hiện vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm được quy định cụ thể trong điều khoản hợp đồng ký kết với Nhà trường [H8.08.05.03].

Các dữ liệu theo dõi, đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự, an toàn phòng cháy chữa cháy của Nhà trường hàng năm được

tổng hợp, đánh giá trong Báo cáo tổng kết công tác năm học và phương hướng năm học tiếp theo của Nhà trường. Báo cáo kết quả khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công hàng năm [H4.04.03.08]. Nhà trường thường xuyên thực hiện tổng kết rút kinh nghiệm cả ở các đơn vị được phân công và thông qua các phản ánh, góp ý của viên chức, người lao động và SV trong toàn trường tại Hội nghị cán bộ viên chức, Hội nghị đối thoại với sinh viên [H4.04.02.12]. Đối với các yêu cầu cải tiến môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học, trường ĐHTN đã có sự phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường. Thông qua trang tin tức trên website của trường, Nhà trường liên tục cập nhật những văn bản, thông báo và tin tức về các lĩnh vực học tập, khoa học, đời sống, các hoạt động phong trào tới tất cả cán bộ GV, SV. Những hoạt động trên đều góp phần tạo ra một môi trường văn hoá lành mạnh, nhân văn để SV được sống, học tập, rèn luyện và phát huy hết khả năng của mình.

2. Điểm mạnh

Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường đã đáp ứng căn bản công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Cán bộ, GV và SV. Nhà trường luôn không ngừng nâng cấp, cải thiện môi trường cảnh quan, hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội, quan tâm chăm lo sức khỏe cho SV, tạo điều kiện học tập tốt nhất cho SV trong trường.

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng được thư viện điện tử.

Chưa có kế hoạch tập huấn phòng cháy chữa cháy cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thư viện trường, Trung tâm thông tin tăng cường tìm kiếm các nguồn dữ liệu truy cập mở để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu.	Thư viện TTTT và Phòng HC-TH	Hằng năm

		- Phòng HC-TH thường xuyên có kế hoạch tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy cho sinh viên.		
2	Phát huy thế mạnh	Nhà trường tiếp tục nâng cấp hệ thống CSVC và trang thiết bị của Nhà trường để đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của GV và SV. Nhà trường tiếp tục nâng cấp, cải thiện môi trường cảnh quan, hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội, quan tâm chăm lo sức khỏe cho SV, tạo điều kiện học tập tốt nhất cho SV trong trường.	Các phòng ban, trung tâm, bệnh viện Trường	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 8.15: Đạt (mức 5/7 điểm)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8: Chính sách tuyển sinh của trường Đại học Tây Nguyên luôn được xác định rõ ràng, đúng quy định và được công khai, cập nhật thường xuyên để đảm bảo thông tin đầy đủ nhất cho người học. Bên cạnh đó, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cũng được xác định rõ ràng và thực hiện đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo và được đánh giá thường xuyên, liên tục để bảo đảm chọn được những người học có đủ năng lực vào khoa Lý luận Chính trị cũng như ngành Triết học. Ngoài ra, Trường đã có hệ thống giám sát chặt chẽ để theo dõi sự tiến bộ, thành tích học tập cũng như khối lượng học tập của sinh viên. Đồng thời, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường cũng đã từng bước đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Cán bộ GV và SV. Các hoạt động tư vấn học tập cũng như hoạt động ngoại khóa được tổ chức ngày càng nhiều và có hiệu quả. Để tạo điều kiện tốt nhất cho người học, Nhà trường không ngừng nâng cấp, cải thiện môi trường cảnh quan, hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội và quan tâm chăm lo sức khỏe cho SV.

Tuy vậy, chất lượng quảng bá hình ảnh đào tạo đến học sinh THPT trong những năm qua chưa thật hấp dẫn, do đó chưa thu hút được nhiều thí sinh ở ngoài địa bàn Tây Nguyên.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu: Trường Đại học Tây Nguyên đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành,... mà Bộ môn NLCBCNMLN, khoa Lý luận chính trị đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Hiện nay, Trường Đại học Tây Nguyên có hệ thống phòng học và phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp cho việc tổ chức đào tạo, đủ điều kiện để mở rộng và phát triển qui mô đào tạo [H9.09.01.01].

Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác. Vì thế, các phòng ban, trung tâm và các khoa đào tạo trong Trường đều được bố trí phòng làm việc riêng biệt. Mỗi trường đơn vị được bố trí 1 phòng làm việc độc lập; có bàn làm việc và máy tính riêng, được kết nối máy in và internet; mỗi khoa đào tạo có văn phòng khoa, phòng làm việc cho Trưởng khoa và Phó trưởng khoa [H9.09.01.02].

Tổng diện tích đất của Trường là 396.927,7 m², trong đó diện tích tại cơ sở chính 567 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột là 273.708 m². Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của trường tại cơ sở chính là 49.646 m². Nhà trường có hệ thống các phòng làm việc, phòng đa năng, phòng học các loại, phòng để tổ chức hội nghị,... với tổng diện tích 26.476m² nên cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu làm việc của các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu. Năm 2019, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 7 tầng với diện tích đất xây dựng là 1.120 m², diện tích sàn xây dựng 7.690 m² Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các cán bộ quản lí; phòng họp; phòng Seminar; phòng sinh hoạt của Khoa và bộ môn [H9.09.01.08].

Trường Đại học Tây Nguyên có đủ số phòng học, giảng đường lớn, đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Hiện tại, sinh viên của ngành Triết học được bố trí học trong số 119 phòng học của Nhà trường. Ngoài ra, Trường còn có 20 phòng học ngoại ngữ, vi tính với diện tích sàn xây dựng là 1.198 m². Các phòng học lớn ở giảng đường 6 đều có máy điều hòa nhiệt độ (4 máy/phòng). Các phòng học tin học có hệ thống máy vi tính hiện đại kết nối mạng. Các phòng học ngoại ngữ có máy tính nối

mạng, có phần mềm phù hợp; trang thiết bị chuyên dụng và hiện đại [H9.09.01.03], [H9.09.01.08]

Các phòng làm việc và phòng học của Trường về cơ bản đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết như máy tính, máy in, máy chiếu,...[H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05], [H9.09.01.06], [H9.09.01.07]

Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường. Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành Triết học [H4.04.03.06].

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 34,1% số người học được khảo sát đánh giá đồng ý với mức độ tốt, 63,2% số người học được khảo sát đánh giá hoàn toàn đồng ý với mức độ tốt, chỉ có 2,7% số người học được khảo sát thì không có ý kiến [H4.04.03.06].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn với trang thiết bị hiện đại, phù hợp với chuyên ngành Triết học, phục vụ cho dạy học lý thuyết và thực hành rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Chưa có sổ tay theo dõi tình trạng hoạt động sử dụng cơ sở vật chất và phòng học.

Giảng đường 2 không lắp đặt sẵn máy chiếu trong phòng học, số lượng máy rời cho giảng viên mượn không đủ.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lập sổ tay theo dõi tình trạng hoạt động sử dụng cơ sở vật chất và phòng học. Trang bị đủ máy chiếu rời cho giảng đường 2.	Phòng CSVN và các phòng ban chức năng	Học kỳ 2, 2020-2021

2	Phát huy điểm mạnh	- Xây dựng kế hoạch rèn nghề cho sinh viên chuyên ngành Triết học. - Bộ môn NLCBCNMLN, khoa Lý luận chính trị phối hợp với cơ quan thực tập xây dựng kế hoạch cho sinh viên chuyên ngành Triết học được đi rèn nghề thường xuyên.	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị	Từ năm học 2020 - 2021
---	--------------------------	---	--	------------------------------

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 9.1: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Thư viện Trường ĐHTN được xây dựng và phát triển qua các giai đoạn khác nhau. Từ ngày mới thành lập Trường, quy mô còn nhỏ nên sáp nhập với phòng Giáo vụ (nay gọi là phòng ĐTDH), ban đầu vốn tài liệu chỉ có khoảng 3.000 cuốn với 04 cán bộ chuyên trách. Năm 1997, Trung tâm Thông tin - Tư liệu - Thư viện được tách ra từ phòng Đào tạo. Đến năm 2007 Thư viện được thành lập từ Trung tâm Thông tin – Tư liệu – Thư viện.

Thư viện có vị trí ở trung tâm của khuôn viên trường [H8.08.05.01], với tổng diện tích sàn hiện nay là 3.200m² hoạt động theo mô hình mở, người đọc khi đến thư viện có thể tùy ý vào các giá sách để lựa chọn những tài liệu mà mình cần, tự do chọn chỗ ngồi phù hợp để đọc hoặc nghiên cứu. Để phục vụ hiệu quả, Thư viện đã đưa ra các quy định về nhiệm vụ, chức năng tổ chức bộ máy hoạt động, các quy định về mượn trả tài liệu, quy định về xử phạt, quy định về việc sử dụng và thời gian mở cửa. Hệ thống thư viện gồm các phòng phục vụ đọc tại chỗ với 500 chỗ ngồi, phục vụ mượn tài liệu về nhà, phòng học nhóm, tra cứu dữ liệu [H8.08.05.01], [H8.08.05.02], Thư viện có tổng số vốn tài liệu 12.750 đầu sách giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành phục vụ cho 9 khoa, 34 ngành đào tạo, lượng bạn đọc vào thư viện cao [H9.09.02.01]. Tài liệu nội sinh như luận văn, luận án, báo cáo khoa học, giáo trình do CBGV trường viết ngày càng gia tăng. Thư viện được trang bị phần mềm Ilib, đáp ứng nhu cầu tra cứu của bạn đọc, biết được tình trạng mượn – trả của tài liệu bạn đọc, tình trạng lưu thông của tài liệu (<http://appsrv/opac/>) [H8.08.05.02]. Để nguồn tài liệu đa dạng và phong

phù đáp ứng nhu cầu bạn đọc, Thư viện Trường đã liên kết và được Trung tâm Học liệu Cần Thơ hỗ trợ chia sẻ và chuyển giao nguồn lực tư liệu điện tử, bạn đọc có thể truy cập mạng nội bộ để tìm tài liệu (<https://lrcdig.ctu.edu.vn/digital/>) [H9.09.02.01].

Vào đầu mỗi năm học, Thư viện gửi thông báo và mẫu đăng ký đặt mua giáo trình, sách tham khảo về các khoa. Các Khoa có nhu cầu tài liệu phục vụ cho nghiên cứu, học tập thì làm giấy đề nghị mua sách để Thư viện có thể bổ sung kịp thời. [H9.09.02.02]. Ngoài ra, trong năm học, khi cần thiết các Khoa cũng có thể đề nghị để Thư viện kịp thời nhập giáo trình, sách đáp ứng yêu cầu học tập của sinh viên.

Mô hình thư viện đã đổi mới phương thức phục vụ: từ kho đóng chuyển sang kho mở để SV dễ dàng tiếp cận tài liệu, mượn tài liệu theo yêu cầu, ứng dụng tin học hóa hoạt động mượn trả tài liệu thư viện và kết nối liên thư viện. Định kỳ hướng dẫn SV năm nhất sử dụng thư viện theo lịch chung của Nhà trường.

Thực hiện lập dữ liệu theo dõi, đánh giá mua sắm trang thiết bị, nguồn học liệu được thiết lập thông qua phần mềm quản lý tài sản, phần mềm quản lý thư viện Ilib 3.6 [H8.08.05.02]. Thực hiện rà soát, cập nhật giáo trình chính và tài liệu tham khảo cho từng học phần trong CTĐT của các khoa. [H1.01.01.03]. Nguồn tài liệu học tập để phục vụ cho chuyên ngành Triết học được thư viện mua bổ sung hằng năm để đáp ứng nhu cầu của người đọc [H9.09.02.01].

Nhà trường ban hành quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học, người dạy, CBVC và các bên liên quan từ đó đưa ra các khảo sát như: mức độ đáp ứng của nguồn học liệu đến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD được đảm bảo và thông qua kết quả khảo sát nhu cầu bạn đọc sử dụng thư viện và các báo cáo kết quả khảo sát về cựu SV của Nhà trường [H8.08.05.03].

2. Điểm mạnh

Trung tâm Thư viện của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, đáp ứng cơ bản nhu cầu của người học và giảng viên. Thư viện điện tử cho phép giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về từ cơ sở dữ liệu của Trường cũng như từ các thư viện trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành Triết học, có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời. Chưa có văn bản quy định, hướng dẫn của thư viện. Chưa hoàn thành và đưa vào sử dụng thư viện số vì vậy nguồn tài liệu vẫn còn hạn chế nhất là nguồn tư liệu nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất mua bổ sung tài liệu học tập cho các học phần chuyên ngành Triết học	Bộ môn NLCBCNMLN; Thư viện	Năm 2021
		Xây dựng văn bản quy định, hướng dẫn của thư viện	Thư viện	Năm 2021
		Phát triển nguồn lực thông tin, tiếp tục số hóa tài liệu, làm việc với các công ty thư viện cung cấp phần mềm, ebooks	Thư viện	Năm 2021
		Tiến tới hiện thực hóa “Thư viện số”	Thư viện và các phòng chức năng	Năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Cán bộ cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần cho chuyên ngành Triết học viết giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo. - Nộp bài giảng các học phần giảng dạy về thư viện để sinh viên tham khảo.	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị	Từ năm học 2020 – 2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 9.2: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường Đại học Tây Nguyên đầu tư xây dựng các trung tâm thí nghiệm, trung tâm thực hành, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập,... với tổng diện tích sử dụng là 19.446 m², trong Trường có nhiều khu thí nghiệm, thực hành như: Khu nhà thí nghiệm

khoa Nông Lâm; Khu nhà thí nghiệm D1, D2, D3; Phòng thí nghiệm được bố trí ở các giảng đường số 5, giảng đường 7, 8, 9; Viện Công nghệ sinh học và môi trường; Bệnh viện trường Đại học Tây Nguyên; Trung tâm Kỹ năng sư phạm, Trường THPT Thực hành Cao Nguyên; Trường Mầm non Thực hành 11-11; Trạm xá thú y; Trại thực nghiệm,...[H9.09.03.01].

Nhà trường đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế phối hợp của Trung tâm thực hành, thực tập với các đơn vị khác trong toàn trường [H9.09.03.02]. Các phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị đầy đủ trang thiết bị để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu, đồng thời Nhà trường cũng đã thường xuyên cải tạo, sửa chữa, mua sắm bổ sung trang thiết bị; quản lý có hiệu quả cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.03.01].

Đặc biệt, Trường Đại học Tây Nguyên có các Trường Thực hành Sư phạm, trong đó có Trường THPT Thực hành Cao Nguyên nằm ngay trong khuôn viên trường, hệ thống lớp học, hệ thống phòng chức năng, trang thiết bị giảng dạy và học tập đạt tiêu chuẩn và đội ngũ giáo viên 100% có trình độ đại học trở lên. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thành lập Trung tâm Kỹ năng sư phạm với diện tích sàn xây dựng 960m², được trang bị đầy đủ trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho việc học tập và rèn nghề của sinh viên các ngành sư phạm, đặc biệt là sinh viên ngành Triết học [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện thể dục thể thao trong Khu thể thao của Trường với diện tích 9.731m² [H9.09.03.04].

Ngoài ra, đối với các học phần Thực tập cuối khóa, Thực tế chuyên môn thì Bộ môn NLCBCNMLN, khoa Lý luận chính trị và Nhà trường đã có sự phối hợp với các cơ quan khối đảng, chính quyền, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để gửi sinh viên đi thực tập, rèn nghề [H9.09.03.03].

Tất cả các cơ sở vật chất, trang thiết bị của Nhà trường được bổ sung, sửa chữa hằng năm nhằm nâng cao chất lượng dạy học [H9.09.03.05]. Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng đối với cơ sở vật chất, thiết bị của Nhà trường. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 34,1% số người học được khảo sát đánh giá đồng ý với mức độ tốt, 63,2% số người học được khảo sát đánh giá hoàn toàn đồng ý với mức độ tốt, chỉ có 2,7% số người học được khảo sát thì không có ý kiến. [H4.04.03.08].

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, môi trường thực hành nghề nghiệp đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Triết học cả về số lượng và chất lượng.

Bên cạnh đó, các trang thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động NCKH và thực hiện đề tài các cấp. Việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị được đáp ứng kịp thời khi có yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng thực hành máy tính vẫn còn hoạt động kém, các phần mềm chưa được cập nhật kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm yếu	Cải tiến, nâng cấp phòng máy	Nhà trường	Từ năm học 2020 – 2021
		Cập nhật các phần mềm thống kê mới phục vụ đào tạo	Nhà trường	Từ năm học 2020 – 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Các học phần Thực tập cuối khóa, Thực tế chuyên môn nên phối hợp với các cơ quan khối đảng, chính quyền, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị - các cơ quan khối đảng, chính quyền, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Từ năm học 2020 – 2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 9.3: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường có Trung tâm thông tin có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường Đại học Tây Nguyên. Việc xây dựng, triển khai, quản lý cơ sở hạ tầng công nghệ thông

tin và mạng máy tính, quản trị hệ thống máy chủ, đường truyền và các thiết bị mạng; việc bảo đảm an toàn và bảo mật hệ thống thông tin, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các trang tin điện tử và phần mềm ứng dụng,... đều do Trung tâm thông tin đảm nhiệm [H9.09.04.01].

Trường Đại học Tây Nguyên được trang bị cơ bản đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động đào tạo và NCKH. Tính đến tháng 12/2019, Nhà trường hiện có 05 máy chủ: Một máy chủ Lenovo để lưu trữ CSDL của Nhà trường và máy ảo server website của Nhà trường, 1 máy chủ IBM để backup CSDL và website Nhà trường, 01 máy chủ HP chạy phần mềm thư viện, 01 máy chủ HP chạy các phần mềm khác, 01 máy chủ HP chạy tường lửa, phân luồng và quản lý toàn bộ hệ thống mạng trong Nhà trường, phòng Internet, 20 phòng thực hành máy tính, phòng LAB. Hạ tầng mạng của Nhà trường được trang bị 4 đường truyền internet tốc độ cao: 03 đường truyền của Viettel, 1 đường truyền của VNPT. Ngoài ra, còn có 3 đường truyền FTTH riêng: phòng máy Khoa Kinh tế, Bộ môn Tin học, Trung tâm KHXH&NV. Hệ thống bảo mật: Nhà trường hiện đang sử dụng 2 hệ thống tường lửa phần cứng và phần mềm để bảo vệ CSDL lưu trữ trên máy chủ. Quyền truy cập: đăng nhập theo mã SV và mã GV. Ngoài ra, Nhà trường cung cấp tài khoản email nội bộ cho cán bộ GV, chuyên viên, nhân viên sử dụng thống nhất trong toàn trường nhằm đảm bảo tính bảo mật cũng như tạo sự thống nhất, đồng bộ trong việc cung cấp, trao đổi thông tin liên lạc trong Trường [H9.09.04.01].

Nhà trường hiện có 20 phòng máy vi tính được trang bị đầy đủ máy tính để SV thực hành. Ngoài máy tính, Nhà trường còn trang bị một số thiết bị tin học cần thiết khác như: máy chiếu di động, máy chiếu ở các phòng học, máy in, máy photocopy, máy quét ảnh (Scan), Camera, ... nhằm đáp ứng được hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH trong Trường [H9.09.04.01]. Hiện nay, Nhà trường có 02 phòng máy tính với 124 máy tính tại Trung tâm Thông tin mở cửa từ 7h00 đến 11h30 sáng, 13h30 đến 17h00 chiều phục vụ SV học tập và tra cứu tài liệu. Sau mỗi học kỳ, TTTT tiến hành bảo trì phòng máy để đảm bảo thiết bị hoạt động có hiệu quả [H9.09.04.02], [H9.09.04.03]. Năm 2018, trên cơ sở phối hợp với VNPT, công ty S- Wifi, Nhà trường đã đầu tư hệ thống mạng wifi miễn phí tại các giảng đường, ký túc xá và trung tâm Giáo dục QPAN để SV có thể dễ dàng tra cứu tài liệu học tập. [H9.09.04.04].

Thông qua kết quả các báo cáo khảo sát ý kiến CBVC, GV và người học, Nhà

trường đã xây dựng CSDL theo dõi đánh giá về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin, việc sử dụng hệ thống máy tính và trang thiết bị chất lượng cao được đầu tư phục vụ cho HĐĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết quả khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công cho thấy: năm 2018 có 60,16 % trong 1442 người tham gia khảo sát đánh giá hài lòng về hệ thống phòng học, giảng đường và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu dạy và học của GV, SV, trong khi đó tỷ lệ hài lòng năm 2019 tăng lên 66,3% trong 1385 người tham gia khảo sát [H9.09.04.05]

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường đã được tin học hóa, đã sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng.

3. Điểm tồn tại

Các phần mềm quản lý đào tạo vẫn còn một số trục trặc kỹ thuật. Mạng Wifi vào những lúc truy cập nhiều vẫn còn chậm. Hệ thống camera chưa được lắp đặt đồng bộ và còn một số phòng chưa được lắp đặt máy chiếu.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tiếp tục nâng cấp hệ thống Wifi trong Nhà trường. - Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về việc sử dụng các phần mềm cho cán bộ, sinh viên.	Trung tâm Thông tin	Năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát triển các phần mềm quản lý. Ứng dụng CNTT để xây dựng quy trình xử lý công việc một cửa trong Nhà trường.	Trung tâm Thông tin	Từ năm học 2020 – 2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 9.4: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Thực hiện Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường [H9.09.05.01], Trường ĐHTN đã phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị thuộc và trực thuộc trường trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện các yêu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt [H9.09.05.02]. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên của các đơn vị tham gia các hội thảo, các khóa tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.

Về công tác sức khỏe, y tế cộng đồng: Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người học, Nhà trường đã ban hành các quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác y tế trường học, tổ Y tế học đường, giao nhiệm vụ tổ chức và chỉ đạo hoạt động y tế học đường của Nhà trường. 100% công chức, viên chức, NLĐ đều được Nhà trường tổ chức mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể trong suốt thời gian công tác và làm việc tại trường [H5.05.01.02]. Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên hoạt động 24/24h không chỉ thực hiện khám chữa bệnh cho bệnh nhân mà còn là đơn vị chịu trách nhiệm sơ cấp cứu, điều trị ban đầu cho viên chức, NLĐ và SV trong suốt quá trình học tập và làm việc tại Trường.

Phòng CTSV được phân công xây dựng kế hoạch cụ thể và thông báo cho SV tham gia bảo hiểm y tế hằng năm và tiến hành tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ cho SV tại Bệnh viện trường. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho SV có hoàn cảnh đặc biệt như chính sách đối với các SV nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, SV người dân tộc thiểu số [H9.09.05.03].

Về môi trường sinh thái và môi trường học tập: hằng năm, phòng CSVC lập kế hoạch quản lý môi trường, vệ sinh các giảng đường, phòng học, cắt tỉa, trồng mới cây xanh trong khuôn viên Nhà trường và phân công cho từng bộ phận quản lý và ký kết hợp đồng với các nhà thầu, các cá nhân và tiến hành chăm sóc cắt tỉa cây xanh định kỳ, chăm sóc vườn hoa cây cảnh, cây xanh trong khuôn viên Nhà trường, vệ sinh giảng đường và khuôn viên Nhà trường tạo môi trường làm việc và học tập thoải mái, xanh, sạch, đẹp cho CBVC, NLĐ và học sinh SV trong toàn trường [H9.09.05.02].

Về công tác đảm bảo ANTT, phòng cháy chữa cháy: khuôn viên Nhà trường có tường rào bao bọc, cách ly hoàn toàn với môi trường xung quanh. Đội bảo vệ trực tại trường 24/24h. Ngoài ra, Nhà trường đã ký kết hợp đồng và ban hành quy chế phối hợp với Công ty vệ sỹ Tuấn Ngọc với mục đích bảo vệ an ninh trật tự cho người học và cán bộ viên chức trong nhà trường [H9.09.05.02]. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và trong Tòa nhà Nhà điều hành, Trường Mầm non thực hành. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng, cụ thể [H9.09.05.04].

Công tác phòng cháy chữa cháy được chú trọng cả về nhân sự lẫn CSVC, trang thiết bị. Thông qua các đợt tập huấn hằng năm, Nhà trường đã tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao trình độ nhận thức của viên chức, NLD về công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H9.09.05.04]. Ban PCCC phối hợp với các đơn vị kiểm tra, bảo dưỡng và bổ sung, đề xuất sửa chữa trang thiết bị phòng cháy chữa cháy trong khuôn viên Nhà trường.

Về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm: Nhà trường có các căn tin bán hàng phục vụ học sinh SV, viên chức và NLD trong khuôn viên trường. Tất cả người trúng thầu các căn tin này đều có chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Nhà nước và cam kết thực hiện vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm được quy định cụ thể trong điều khoản hợp đồng ký kết với Nhà trường [H9.09.05.04].

Hằng năm, Nhà trường thực hiện và tổng hợp kết quả các khảo sát của CBVC, GV và người học về việc thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức cuộc họp “Hội nghị Đối thoại SV” hằng năm, ghi nhận những phản hồi từ phía người học về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt trong Nhà trường [H4.04.03.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Diện tích cây xanh của Trường chưa nhiều; chưa thực hiện phân loại rác; chưa có lối đi riêng cho sinh viên khuyết tật. Có một vài cán bộ trong đội ngũ bảo vệ trường

đã lớn tuổi, khó đáp ứng được yêu cầu tuần tra canh gác. Hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tiếp tục việc quy hoạch và trồng cây xanh trong Trường. Quy hoạch lối đi riêng cho sinh viên khuyết tật. - Tiến hành phân loại rác thải trong Trường. - Ban Quản lý KTX đẩy mạnh hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội quy KTX. - Chuyên nghiệp hơn trong công tác bảo vệ	Phòng CSVC, Phòng HCTH	Năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục, nâng cấp, đầu tư, cải thiện công tác vệ sinh quang cảnh và ANTT, PCCC trong khuôn viên Nhà trường.	Phòng CSVC	Từ năm học 2020 - 2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 9.5: Đạt (mức 4/7 điểm)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9: Trường Đại học Tây Nguyên có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp và đặc biệt là có Trường Thực hành Sư phạm phục vụ cho hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên, hỗ trợ các hoạt động đào tạo khác và hoạt động nghiên cứu khoa học.

Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành; tuy nhiên, đối với ngành Triết học, tài liệu có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời. Mặc dù vẫn còn thiếu một số phòng học được trang bị phù hợp với đặc trưng của hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề của sinh viên ngành Triết học nhưng hệ thống phòng thực hành đáp ứng đủ về số lượng, được trang bị hiện đại, đảm bảo phục vụ tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống công nghệ thông tin đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đều đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu: Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở đào tạo. Do đó, để đảm bảo SV ngành Triết học đạt được CĐR đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Trường Đại học Tây Nguyên nói chung, bộ môn NLCBCNMLN nói riêng đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống. Từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả

Để có CTĐT đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp, đồng thời đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, Bộ môn NLCBCNMLN đã kết hợp với Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT [H10.10.01.01]. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CĐR được thực hiện theo quy trình cụ thể, trong đó có bước khảo sát hoặc tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến của các bên liên quan, thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH [H1.01.01.07]. Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh CTĐT được thực hiện định kỳ, có tham khảo ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, SV năm cuối, cựu SV và giảng viên. Trong giai đoạn 2016-2020, CTĐT ngành Triết học đã được điều chỉnh 3 lần (năm 2017, 2019, 2020) [H10.10. 01.01]. Lần điều chỉnh năm 2017 theo hướng tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần bằng việc giảm từ 131 tín chỉ xuống còn 120 tín chỉ được thực hiện từ khóa đào tạo 2017. Lần điều chỉnh năm 2019 và 2020 số lượng tín chỉ của toàn khóa là 125, trong đó có 2 học phần mới là Kỹ năng mềm và Khởi nghiệp.

Nhờ vậy, CTĐT ngành Triết học qua những lần điều chỉnh này đã đáp ứng được định hướng tăng cường tính thực hành, rèn luyện kỹ năng; giảm tải nội dung kiến thức mang tính lí thuyết, hàn lâm [H10.10.01.03]. Đối với sinh viên đang học, Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của

giảng viên để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng CTĐT định kỳ. Nhà trường đã xây dựng công cụ điều tra trực tuyến để thực hiện việc lấy ý kiến người học nói riêng, các bên liên quan đến quá trình đào tạo nói chung một cách nhanh chóng hơn. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện cơ sở vật chất. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết sinh viên (trên 90%) được hỏi ý kiến hài lòng với phương pháp và năng lực giảng dạy của giảng viên. Hầu hết sinh viên hài lòng với điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lý của Trường và hài lòng đã chọn học tập tại Trường [H10.10.01.04]. Bên cạnh đó, hằng năm Khoa và Nhà trường tổ chức hội nghị đối thoại sinh viên. Từ các hội nghị này Khoa đã nhận được nhiều ý kiến về yêu cầu thực tiễn trong công tác đào tạo [H10.10.01.05]. Hằng năm, thông qua việc tổ chức hội thi Báo cáo viên tuyên truyền viên, thực tập, thực tế cho sinh viên ngành Triết học, Khoa đã thu thập các phản hồi của sinh viên trong quá trình thực hành, thực tập rèn nghề, cũng như các ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập về chất lượng của CTĐT.

Nhà trường sau khi kết thúc một khóa học đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi về chất lượng CTĐT ngành Triết học từ người học [H4.04.03.04]. Hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan đã giúp Nhà trường và Bộ môn đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT, phương pháp tổ chức đào tạo để SV ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu thị trường. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi được tiến hành qua hệ thống Phiếu khảo sát (đối với SV đang học) và qua kênh liên lạc của cựu người học, hệ thống email, facebook và điện thoại (đối với cựu SV) [H10.10. 01.04].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo. Hoạt động lấy ý kiến sinh viên về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm. Khoa đã có sự hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của sinh viên.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên. Khoa chưa tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập cuối khóa của người học để lắng nghe các ý kiến trao đổi từ

các bên liên quan về nhu cầu thực tế đối với chương trình đào tạo theo CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu sinh viên - Định kỳ theo kế hoạch sẽ tiến hành đánh giá lại CTĐT - Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát.	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị	Từ năm học 2020 - 2021
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi hoạt động hiệu quả đảm bảo thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, có tính khoa học, độ tin cậy làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị	Từ năm học 2020 - 2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 10.1: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

CTDH là cốt lõi của CTĐT. Các thành phần cơ bản của CTDH gồm mục đích, mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, phương thức đào tạo, các hình thức tổ chức hoạt động đào tạo, các hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả người học. CTDH ngành Triết học được thiết kế theo 2 khối: Khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; được phân bố, sắp xếp hợp lý trong 08 học kỳ.

Trường Đại học Tây Nguyên có quy trình thiết kế và phát triển CTDH, từ việc xác định mục tiêu, CDR đến việc tổ chức thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng; các hướng phát triển chương trình, đối sánh trong nước, quốc tế,... [H10.10.01.01].

CTDH được thiết lập căn cứ vào CDR ngành Triết học của Trường Đại học Tây Nguyên và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường [H10.10.01.01]. Từ năm 2014, việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành Triết học được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến theo từng khóa học. Cụ thể hằng năm Nhà trường luôn dành một khoản kinh phí để in và phát các cuốn chương trình đào tạo cho SV ngay từ khi nhập học [H10.10.01.03]. Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần mới, điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật đã được thực hiện một cách bài bản theo đúng quy định của Nhà trường: Nhà trường ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần [H1.01.02.01]; Bộ môn phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng KHĐT của Khoa, Trường họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần [H5.05.02.03]. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết thì việc xin ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan, phân tích và lựa chọn dữ liệu, đề xuất thay đổi và lấy ý kiến chuyên gia đóng vai trò quan trọng, không chỉ cho đề cương chi tiết mà cả CTDH [H1.01.01.07]. Trong quá trình thực hiện CTDH, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên về chất lượng hoạt động dạy học, ý kiến của giảng viên về chất lượng CTDH để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của sinh viên và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.01.04]. Trong mỗi lần điều chỉnh, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa Lý luận chính trị đã căn cứ vào kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTDH của trường Đại học Tây Nguyên, nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các bên liên quan về CTDH, xu hướng vận động của ngành nghề và các yếu tố khác, nhóm chuyên gia đề xuất cải tiến chương trình đào tạo, sau đó Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa Lý luận chính trị đã thảo luận và đi đến thống nhất [H1.01.02.01]. Các nội dung cải tiến trong CTDH dự thảo được gửi đến giảng viên, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi Hội đồng khoa học thẩm định [H1.01.01.07]. Sau khi thẩm định, bộ môn tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng khoa học của Nhà trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Trường Đại học Tây Nguyên thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTDH ngành Triết học áp dụng cho từng khóa học. Từ năm học 2017 - 2018 đến nay, Nhà trường và Khoa thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi

của người học về hoạt động giảng dạy, CTDH; hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa Lý luận chính trị và Bộ môn NLCBCNMLN đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTDH, hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.01.04]. Ngoài ra, trong các buổi Hội thảo, Hội nghị, Tọa đàm trao đổi chuyên môn, học thuật của Khoa, các ý kiến của các giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia có uy tín cũng được ngành Triết học quan tâm đưa vào kế hoạch thiết kế và phát triển CTDH. Việc điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra, CTDH có sự đổi mới, tham khảo từ các trường đại học có uy tín trong nước [H10.10.01.05].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các nhà khoa học, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTDH được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa thực sự chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển CTDH. Việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH chủ yếu phụ thuộc vào sự chỉ đạo từ phía Nhà trường và Bộ GDĐT.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Cải tiến CTDH sẽ được căn cứ theo chiến lược của Nhà trường và đề xuất của hội đồng khoa học Khoa. - Ban hành quy định cụ thể về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị - Nhà trường	Từ năm 2021

2	Phát huy điểm mạnh	- Thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường - CTDH được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị	Từ năm 2021
---	--------------------	--	--	-------------

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 10.2: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định chặt chẽ trong “Các quy định về kiểm tra đánh giá của Nhà trường” [H5.05.01.04], trong đó, có các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CDR, cũng như các tiêu chí để đánh giá kết quả đạt được của người học. Hằng năm, sau mỗi đợt thi giữa kỳ và cuối kỳ, phòng Đảm bảo chất lượng của Nhà trường làm nhiệm vụ thống kê tỉ lệ điểm và trả kết quả kiểm tra, thi về cho các khoa đảm nhiệm cũng như từng Bộ môn để có sự đối sánh về chất lượng giảng dạy qua đó kịp thời điều chỉnh đề kiểm tra/thi [H10.10.03.01]. Bên cạnh đó, để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của ngành Triết học, khoa Lý luận chính trị cũng đề ra quy trình đánh giá học phần với các hình thức kiểm tra, đánh giá đều có bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm cụ thể. Giảng viên sẽ dựa vào những tiêu chí trong các mẫu để đánh giá SV một cách khách quan, minh bạch. Mặt khác, đề cương chi tiết học phần cũng chỉ rõ hình thức và trọng số của hình thức kiểm tra đánh giá cho từng lần kiểm tra đánh giá cụ thể của từng học phần. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ (điểm bộ phận) và đánh giá cuối kỳ (điểm thi kết thúc học phần) [H5.05.02.03]. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo theo tín chỉ được quy định điểm bộ phận do giảng viên quy định nhưng thông thường là 30% bao gồm các điểm: Chuyên cần, thực hành và kiểm tra; Điểm thi kết thúc học phần chiếm 70% trong tổng số điểm. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có qui định về trọng số điểm.

Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần. Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tự luận, trắc nghiệm. Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện nghiêm túc, theo đúng lịch trình của phòng Đảm bảo chất lượng. Việc chấm thi, vào điểm và công bố kết quả thi được thực hiện nghiêm túc theo quy chế của Trường [H5.05.01.04]. Kết quả học tập của sinh viên được quản lý chặt chẽ và được thanh tra, kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá sinh viên [H5.05.02.01]. Ngoài ra, SV có thể phản hồi và cập nhật thường xuyên ý kiến về chất lượng giảng dạy cũng như các hoạt động khác liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập, thông qua các kênh của Nhà trường.

Kết quả thu được cho thấy, chất lượng giảng dạy cũng như quy trình đánh giá kết quả học tập được SV đánh giá cao. Hằng năm, Nhà trường đều tiến hành rà soát, đánh giá quá trình dạy-học và kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTĐT, đồng thời theo dõi, giám sát hoạt động giảng dạy của GV. Đây là căn cứ để Khoa và bộ môn có kế hoạch điều chỉnh CDR và CTĐT tương thích với nhau. Kết quả thu được cho thấy chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được người học đánh giá cao [H1.01.03.06].

Kết thúc mỗi học kỳ, phòng Đảm bảo chất lượng của Nhà trường phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản, chất lượng ngày càng cao. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường Đại học Tây Nguyên, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính

chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học. Quá trình dạy-học và đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên dựa trên những quy định, quy trình chặt chẽ có hệ thống từ cấp trường đến từng bộ môn. Các ý kiến phản hồi được thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm tồn tại để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ. Việc đánh giá chất lượng dạy và học, các cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến người học, đồng nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên liên tục trong suốt cả năm học.

Chưa thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của giảng viên, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT với CĐR.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Đánh giá thường xuyên chất lượng giảng dạy từ ý kiến người học, đồng nghiệp trong suốt cả năm học - Lấy ý kiến phản hồi cụ thể của giảng viên, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT với CĐR.	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị - Nhà trường	Từ năm học 2020 – 2021.

2	Phát huy điểm mạnh	- Các quy trình dạy, kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung - Thu thập và tổng hợp một cách khách quan, trung thực, minh bạch về các ý kiến phản hồi để tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. - Phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị - Nhà trường	Từ năm học 2020 - 2021
---	--------------------	---	--	------------------------

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 10.3: Đạt (mức 4,5/7 điểm)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Hoạt động nghiên cứu khoa học được xem là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường Đại học Tây Nguyên [H10.10.04.01]. Nhà trường và khoa Lý luận chính trị có quy định và cơ chế chính sách khuyến khích công tác nghiên cứu khoa học của giảng viên và SV. Hằng năm, giảng viên và SV của khoa tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học. Cùng giảng viên NCKH, SV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc học tập của mình. Nhà trường đưa ra các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy-học [H10.10.04.02]. Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học với những đề tài nghiên cứu thiết thực trong giảng dạy nhằm khơi dậy tinh thần hăng say làm khoa học của giảng viên và người học trong toàn trường [H10.10.04.03]. Hằng năm, giảng viên Khoa Lý luận chính trị luôn tích cực tham gia viết bài cho các tạp chí, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế. Số lượng đề tài các cấp, sách tham khảo và các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành ngày càng tăng. [H10.10.04.04].

Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và được sử dụng trong hoạt động giảng dạy tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu cũng được sử dụng làm tài liệu học tập và nghiên cứu cho sinh viên trong quá trình đào tạo [H10.10.04.05].

Giai đoạn 2016 - 2020, Khoa Lý luận chính trị có 03 lượt cán bộ tham gia đề tài khoa học cấp tỉnh, trong đó:

- Chủ nhiệm đề tài khoa học cấp Tỉnh: 01 đề tài, kinh phí 230.000.000
- Thành viên tham gia đề tài khoa học cấp tỉnh: 04 đề tài. Các đề tài này đã được nghiệm thu và đánh giá “Đạt”.

Về đề tài cấp Cơ sở cán bộ và sinh viên thực hiện:

- Chủ trì 10 đề tài khoa học cấp cơ sở của cán bộ đã được nghiệm thu và đánh giá “Đạt”.
- 02 đề tài khoa học cấp cơ sở của sinh viên do các giảng viên trong khoa hướng dẫn đã được nghiệm thu và đánh giá “Đạt”.

Về thông tin khoa học công nghệ: giai đoạn 2016-2020, các giảng viên khoa Lý luận chính trị đã đạt được các kết quả sau:

- Công trình công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế: 03
- Công trình công bố hội thảo quốc tế: 01
- Công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong nước: 63 (trong đó có nhiều bài đăng trên Tạp chí khoa học Trường Đại học Tây Nguyên).
- Công trình công bố hội thảo trong nước: 15.
- Sách, giáo trình, ấn phẩm: Chủ biên: 03 sách tham khảo, tham gia viết 09 sách tham khảo và chuyên khảo.

Hàng năm, nhà trường thông báo hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên [H10.10.04.07] để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia NCKH đăng ký. Nội dung các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên ngành Triết học đều thuộc lĩnh vực chuyên môn đào tạo. Từ NCKH, SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH của SV được thực hiện ở các tiểu ban do Hội đồng khoa học của khoa đề xuất. Các đề tài tiêu biểu được báo cáo trong hội nghị NCKH của SV.

2. Điểm mạnh

Khoa Lý luận chính trị có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia nghiên cứu khoa học (năm 2020 Khoa có 5 Tiến sĩ, 5 NCS); Có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo ngành Triết học. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Từ năm 2019 đã có bài được đăng trên tạp chí quốc tế. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng; Kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Các giảng viên chuyên ngành triết học chưa có đề tài khoa học cấp Bộ, ít có tham luận ở các hội thảo khoa học quốc tế, đa số chỉ tập trung vào một số giảng viên. Đã có bài đăng trên các tạp chí quốc tế nhưng còn ít. Công trình NCKH của SV còn tương đối ít.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Yêu cầu các bộ chuyên môn thành lập các nhóm NCKH để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các giảng viên trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng - Khuyến khích và tạo động lực để giảng viên tham gia viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có chất lượng, bài báo đăng trên tạp chí có chỉ số ISI, SCI và Scopus. Khuyến khích giảng viên tham gia các hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh trong và ngoài nước.	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị	Năm học 2020-2021

		- Tăng cường công tác NCKH của SV, khuyến khích SV đăng bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.		
2	Phát huy điểm mạnh	- Phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác giáo dục và đào tạo ngành Triết học. - Nâng cao số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị	Từ năm học 2020 – 2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 8.1: Đạt (mức 4,5/7 điểm)

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường Đại học Tây Nguyên và Khoa Lý luận chính trị luôn xác định chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, hệ thống cổng thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) mà cốt lõi chính là thái độ và chất lượng phục vụ sẽ góp phần tạo nên văn hóa chất lượng trong công tác hỗ trợ giảng dạy, học tập và NCKH [H5.05.01.02]. Về phía thư viện, từ năm học 2013 - 2014, Trung tâm Thông tin Thư viện đã tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc về tất cả các ngành. Kết quả thăm dò lấy ý kiến cho thấy, giảng viên và sinh viên ngành Triết học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của Thư viện [H10.10.01.05]. Hằng năm, thư viện tiến hành kiểm kê đánh giá và bổ sung nguồn tài liệu phục vụ giảng viên và sinh viên [H10.10.05.03]. Về công nghệ thông tin đã được Nhà trường chú trọng trong mọi hoạt động.

Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học [H9.09.03.04]. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị

tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt [H10.10.05.04]. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin [H10.10.05.05].

Về phía Khoa, Ban chủ nhiệm khoa đã cùng Bộ môn NLCBCNMLN phân công giảng viên làm cố vấn học tập quản lý lớp, hằng tháng cố vấn học tập tham dự các phiên họp của lớp nhằm nắm bắt tình hình để có thể hỗ trợ tốt nhất cho người học. Để phát huy vai trò của Cố vấn học tập, Khoa cũng sát sao trong việc nhắc nhở cố vấn học tập duy trì đều đặn lịch làm việc với sinh viên 2 tuần/1 lần [H10.10.05.06]. Khoa có Trợ lý đào tạo, đội ngũ Cố vấn học tập và đội ngũ chuyên viên hỗ trợ vững chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ người học.

Để nâng cao chất lượng các dịch vụ và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ công nhân viên chức và của người học, Nhà trường và Khoa thường xuyên ghi nhận ý kiến phản hồi thông qua nhiều hội nghị và nhiều kênh khác nhau. SV ngành Triết học có thể thực hiện sự phản hồi thông qua website của Khoa, Trường và thông qua cuộc họp của cán bộ lớp đầu năm, các cuộc họp với quản lý HSSV, sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tháng, ... [H5.05.02.06].

Sau khi thu tập những ý kiến phản hồi từ những đối tượng sử dụng dịch vụ, với những thông tin phản hồi của SV liên quan và thuộc thẩm quyền xử lý của cấp Khoa, Ban chủ nhiệm khoa cùng với các thành viên liên quan (Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, Quản lý HSSV, chuyên viên văn phòng) có cuộc họp để đưa ra những phương án xử lý kịp thời. Những phản hồi liên quan tới cấp Trường, Ban giám hiệu trường sẽ có chỉ đạo về từng bộ phận liên quan [H10.10.01.05].

Khâu cuối cùng để kiểm chứng lại hiệu quả của những điều chỉnh là các cuộc họp rà soát chất lượng dịch vụ nhằm cải tiến chất lượng. Với những nỗ lực không ngừng trong việc cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, Trường Đại học Tây Nguyên nói chung và Khoa Lý luận chính trị nói riêng luôn mong muốn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đạt chất lượng nhất cho những cán bộ, giảng viên và người học.

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích được thực hiện hàng năm theo một quy trình thống nhất của Trường Đại học Tây Nguyên; Hệ thống cổng thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng theo hướng hiện đại, cung cấp dịch vụ hỗ trợ đầy đủ và tiện ích cho giảng viên và người học; công tác lấy ý kiến phản hồi của cán bộ viên chức, giảng viên và người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ được tiến hành thường xuyên hàng năm, thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức để làm cơ sở đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ; kết quả phản hồi, phần lớn là hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ.

3. Điểm tồn tại

Các phản hồi của người học về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được cải tiến kịp thời. Ngoài ra, một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt, đồng thời nâng cấp hệ thống mạng wifi ổn định hơn	- Bộ môn NLCBCNMLN - Khoa Lý luận chính trị - Phòng Cơ sở Vật chất - Nhà trường	Năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Khắc phục về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được cải tiến kịp thời.	- Thư viện - Khoa Lý luận chính trị - Nhà trường	Từ năm học 2020 - 2021

		- Đầu tư mua thêm sách chuyên ngành Triết học.		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 10.5: Đạt (mức 5/7 điểm)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Xây dựng cơ chế phản hồi, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu từ phản hồi, từ đó đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực và kịp thời là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Trường Đại học Tây Nguyên nói chung và khoa Lý luận chính trị nói riêng. Những nội dung phản hồi có thể liên quan tới tất cả các hoạt động của Nhà trường, bao gồm công tác dạy và học, hoạt động ngoại khoá, các dịch vụ tiện ích đang được sử dụng trong nhà trường,

Từ năm 2016 trở về trước, Nhà trường và khoa Lý luận chính trị cơ bản thực hiện lấy ý kiến cán bộ viên chức thông qua “Hội nghị công chức, viên chức” cấp trường, cấp khoa và lấy ý kiến phản hồi của người học thông qua “Hội nghị đối thoại sinh viên”. Từ năm 2017 trở đi, Nhà trường và khoa đã đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi, thông qua việc thu thập ý kiến phản hồi từ cấp Khoa, phòng ban và đến các cấp lãnh đạo thông qua các phiếu khảo sát, “Hội nghị đối thoại sinh viên”, Giao lưu gặp mặt Tân sinh viên và “Hội nghị công chức, viên chức”. Để những vấn đề tồn đọng được giải quyết triệt để, hằng năm Nhà trường và Khoa thường xuyên tiến hành các cuộc họp báo cáo, tổng hợp những vấn đề cần giải quyết và có những giải pháp căn bản, hiệu quả [H10.10.01.05].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan để phát triển CTDH, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của người học ngành Triết học được thực hiện mang tính hệ thống. Phòng Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan trong cải tiến, phát triển CTDH và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường [H5.05.01.02]. Trường Đại học Tây Nguyên đã xây dựng quy trình, ban hành quy định về khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, trên cơ sở đó lập kế hoạch khảo sát và hướng dẫn các bộ phận trong việc triển khai khảo sát. Nhà trường thực hiện việc khảo sát trực tuyến thông qua gửi đường link cho các bên liên quan. Ngoài ra việc khảo sát được thực hiện bằng việc gửi phiếu điều tra (bản cứng) cho các đối tượng liên quan [H10.10.01.04]. Trên cơ sở kế hoạch khảo sát, Nhà trường thông báo tới các đơn vị

liên quan và triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [H4.04.03.04].

Năm 2020, Khoa cũng đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong việc phát triển chương trình đào tạo ngành Triết học. Bằng phương pháp phát phiếu điều tra gửi đến 04 đối tượng bao gồm sinh viên năm cuối, cựu sinh viên, giảng viên và nhà tuyển dụng. Thông tin thu thập là cơ sở để ngành Triết học cải tiến và phát triển CDR, CTĐT [H4.04.03.04].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức hội thi báo cáo viên, tuyên truyền viên cho sinh viên của Ngành. Bộ môn lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động rèn luyện, thực tập và tổ chức kiểm tra thực tế của sinh viên tại các cơ sở. Đây cũng là một kênh hữu ích để Khoa thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng CTDH, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho người học, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H4.04.03.06]. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến định kỳ. Hàng năm, phòng Đảm bảo chất lượng tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập được [H.08.05.03]. Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, các đơn vị đầu mối (phòng Đảm bảo chất lượng, khoa Lý luận chính trị) gửi kết quả khảo sát cho Bộ môn, cho giảng viên để làm cơ sở điều chỉnh chương trình và hoạt động dạy học [H3.03.02.02]. Căn cứ vào kết quả thông tin thu thập được, ngành Triết học phân tích và làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển chương trình dạy học [H4.04.03.08].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức và thông tin thu thập được từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy ý kiến phản hồi chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Khảo sát sâu hơn Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy ý kiến phản hồi. - Kiến nghị với Nhà trường có quy định rõ ràng về quyền lợi cũng như trách nhiệm của người được khảo sát, đồng thời cập nhật, điều chỉnh các mẫu phản hồi và mở rộng đối tượng khảo sát. - Tổ chức Hội nghị trao đổi với nhà tuyển dụng, nhà khoa học, giảng viên và cựu sinh viên nhằm thu thập thông tin phản hồi, nâng cao chất lượng, phát triển chương trình dạy học.	- Khoa Lý luận chính trị - Nhà trường	Năm 2021
2	Phát huy điểm mạnh	- Thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện đa dạng, dân chủ, công khai, minh bạch. - Thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức và thông tin thu thập được từ các bên liên quan.	- Khoa Lý luận chính trị - Nhà trường	Từ năm học 2020 – 2021

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 10.6: Đạt (mức 5/7 điểm)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10: Công tác nâng cao chất lượng đào tạo ngành Triết học được Trường ĐHTN và Khoa Lý luận chính trị hết sức quan tâm nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và các nhà tuyển dụng.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo quy trình chặt chẽ để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Các nghiên cứu khoa học thông qua đề tài; các loại sách; bài báo cho hội nghị, hội thảo luôn được các giảng viên, sinh viên trong khoa quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho giảng viên và người học trong dạy-học và nghiên cứu khoa học.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu: Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường. Trường Đại học Tây Nguyên là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực Tây Nguyên. Ngành Triết học là một trong những ngành cũng thu hút sự quan tâm của người học và nhu cầu tuyển dụng của địa phương. Hàng năm Nhà trường đã thực hiện tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV ngành Triết học làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo và nâng cao mức độ hài lòng của người học và các bên liên quan.

Các hoạt động NCKH cho sinh viên khoa LLCT và ngành Triết học được quy định với trình tự chặt chẽ, tập trung nghiên cứu theo đúng định hướng NCKH của Trường và phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của ngành Triết học. Trường, Khoa cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của giảng viên, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, chương trình dạy học và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Theo quy chế học vụ đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ trường Đại học Tây Nguyên (ĐHTN), ngành Triết học hệ chính quy của Trường có thời gian đào tạo theo thiết kế là 4 năm, thời gian kéo dài tối đa là 6 năm. Trong trường hợp đặc biệt, Trường xem xét cho kéo dài thời gian học nhưng không quá 2 lần so với thời gian thiết kế, tức 8 năm [H5.05.01.03]. Để quản lý, xác lập và giám sát cơ sở dữ liệu học tập của người học Nhà trường đã ban hành chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của các đơn vị thuộc trường Đại học Tây Nguyên trong đó Phòng đào tạo đại học là đơn vị chức năng

được giao nhiệm vụ quản lý công tác này. Bên cạnh đó Nhà trường ban hành Quy chế học vụ đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, trong đó có quy trình xét thôi học, dừng học và về việc cảnh báo, dừng học, thôi học của sinh viên trường ĐH Tây Nguyên cũng góp phần giám sát tỉ lệ thôi học của sinh viên [H5.05.01.03]. Phần mềm QLĐT theo hệ thống tín chỉ được Nhà trường sử dụng từ năm học 2009-2010 đối với hệ ĐTDH [H05.05.02.01] với hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại, của tất cả các CTĐT, tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần giúp Nhà trường quản lý tốt hồ sơ, thông tin của từng người học, kế hoạch đào tạo, thời khoá biểu và tiến độ giảng dạy, kết quả học tập, rèn luyện, tổ chức các kỳ thi và xuất dữ liệu các báo cáo tổng hợp. Việc tính tỷ lệ thôi học và tỷ lệ sinh tốt nghiệp đúng hạn và quá hạn của SV chính quy ngành Triết học các khóa được thực hiện thuận lợi để đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học giữa ngành Triết học với các ngành trong khoa và trong trường để cải tiến chất lượng CTĐT.

Kết thúc mỗi kỳ học, Nhà trường tiến hành xét kết quả học tập theo quy chế đào tạo tín chỉ để đánh giá kết quả học tập của SV, sau đó lập danh sách sinh viên bị cảnh báo về kết quả học gửi về các khoa [H5.05.04.04]. Tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên cũng được xác lập thông qua quyết định công nhận và cấp bằng cho sinh viên. Từ các kết quả này, Nhà trường chỉ đạo các Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo đại học, bộ môn và CVHT tìm hiểu nguyên nhân thôi học và chậm tốt nghiệp của sinh viên ngành Triết học và đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng giảng dạy chất lượng đào tạo nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các CTĐT; giảm tỷ lệ học lại, thi lại môn học/học phần, thông qua các cuộc họp giữa Lãnh đạo trường với Lãnh đạo các khoa, Nhà trường đã đưa ra các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp như: Đôn đốc người học rà soát lại các học phần chưa học để tránh học sót môn thông qua đội ngũ cố vấn học tập.

Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành Triết học được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp và việc xét tốt nghiệp được thực hiện công khai và theo đúng quy định. Trước mỗi đợt, Khoa Lý luận Chính trị cùng với các phòng ban chức năng rà soát các thông tin người học, Hội đồng xét tốt nghiệp của khoa họp xét và có biên bản gửi về phòng ĐTDH và trình Hội đồng xét tốt nghiệp của Trường xét công nhận tốt nghiệp. Cuối mỗi năm Nhà trường thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học để kịp thời nắm bắt tình hình. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp

và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất và được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

Bảng 11.1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp, thôi học trong 5 năm gần đây

Niên khóa	Tổng số SV (theo niên khóa)	Tỷ lệ (%) nhận bằng tốt nghiệp sau			Tỷ lệ (%) thôi học trong			
		3 năm	4 năm	>4 năm	1 năm	2 năm	3 năm	>4 năm
2012-2016	16	0,00	31,25	62,5	0,00	0,00	18,75	18,75
2013-2017	24	0,00	37,5	62,5	0,00	25,00	6,25	12,50
2014-2018	29	0,00	34,48	65,51	0,00	6,89	17,24	6,89
2015-2019	29	0,00	6,89	93,10	0,00	6,89	6,89	3,44
2016-2020	11	0,00	18,18	81,81	0,00	9,09	0,00	0,00

(Nguồn: Trích xuất và tính toán từ phần mềm quản lý đào tạo)

Số liệu trên cho thấy tỷ lệ SV ngành Triết học hoàn thành CTĐT đúng thời hạn giảm dần theo các năm. Tỷ lệ SV thôi học của sinh viên ngành Triết học hàng năm giảm dần so với tổng SV của toàn khóa và so với ngành GDCT thì ngành Triết học có tỉ lệ thôi học thấp hơn. Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng tiến độ giảm dần dẫn đến tỷ lệ SV tốt nghiệp không đúng tiến độ tăng lên đặc biệt tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên niên khóa 2015-2019 khá thấp (3,44%).

Trường ĐHTN nói chung và Khoa LLCT nói riêng luôn hỗ trợ để SV có thể tốt nghiệp đúng thời hạn như thi cải thiện điểm D [H5.05.04.03], [H11.11.01.02] và khoa giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo rà soát các học phần, tư vấn định hướng cách thức học tập. Danh sách cảnh báo kết quả học tập của SV được thực hiện đầu mỗi học kỳ kèm theo kết quả học tập, số lần bị cảnh báo và thông báo đến khoa, CVHT và sinh viên để sinh viên lập phương án học tập cải thiện điểm trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình ngành Triết học [H5.05.04.04]. Hiệu trưởng ban hành quyết định buộc SV thôi học và gửi về khoa, bộ môn, lớp và địa phương nơi SV có hộ khẩu thường trú [H11.11.01.03]. Nhìn chung, SV ngành Triết học bị buộc thôi học xuất phát từ nhiều nguyên nhân: SV định hướng nghề nghiệp ban đầu chưa tốt nên thấy chán nản trong quá trình học, gia đình có định hướng

khác cho SV hoặc vì lý do cá nhân, chưa hoàn thành chứng chỉ B1, chứng chỉ tin học và chứng chỉ kỹ năng mềm. Với các trường hợp SV bỏ học giữa chừng, Khoa thông qua CVHT ban cán sự lớp, đoàn thanh niên, hội SV... luôn quan tâm tìm hiểu lý do vì sao sinh viên bỏ học để từ đó, đề xuất và triển khai các chương trình hỗ trợ để các em có thể tiếp tục đi học lại [H11.11.01.04]. Tỷ lệ SV bị buộc thôi học thấp là do hệ thống CVHT, bộ môn, Khoa và Nhà trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV và có những giải pháp cụ thể để hỗ trợ SV hoàn thành chương trình học như: gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn cho người học khi gặp khó khăn, duy trì chế độ sinh hoạt lớp định kỳ hàng tháng.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và quá hạn qua các được xác lập.

Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hằng năm cũng như thông tin về nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp đều được tìm hiểu cụ thể,

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp có thể đối sánh được với các ngành khác trong trường từ đó đánh giá, phân tích, giám sát. Nhà trường và khoa cần duy trì thường xuyên cơ chế sinh hoạt lớp để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời qua đó các CVHT trao đổi nắm tình hình, hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp, cũng như có những đề xuất kịp thời với Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện được việc đối sánh về tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp với CTĐT ngành Triết học tại các cơ sở giáo dục khác để cải tiến chất lượng CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn lực đầu tư
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện đối sánh với CTĐT ngành Triết học tại các cơ sở giáo dục khác về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của người học qua các năm	Phòng QLCL Khoa LLCT Bộ môn NLCBCNMLN	NH 2021- 2022 và các năm tiếp theo	Nhà trường

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và quá hạn ở mức thấp; thường xuyên cập nhật danh sách thôi học, tốt nghiệp	Phòng đào tạo đại học Khoa LLCT	HK II NH 2020-2021 và các năm tiếp theo	Nhà trường
		Nhà trường có nhiều biện pháp hỗ trợ người học kịp thời, duy trì cơ chế sinh hoạt lớp để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV	Phòng quản lý chất lượng Phòng CTCT HSSV Khoa LLCT CVHT	HK II NH 2020-2021 và các năm tiếp theo	Nhà trường

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 11.1: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Hằng năm, Trường Đại học Tây Nguyên đều xây dựng CTĐT trong đó có xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật và ban hành CTĐT các ngành cho phù hợp và thông báo cho SV vào đầu mỗi khóa học trong cuốn Chương trình đào tạo của các năm [H5.05.01.05]. Phòng Đào tạo đại học là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát thời gian tốt nghiệp của SV [H11.11.02.01].

Từ năm 2009, Khoa LLCT bắt đầu thực hiện quy định đào tạo đại học hệ chính quy ngành Triết học theo hệ thống tín chỉ. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm, thời gian tối đa là 8 năm [H5.05.01.03]. Nhà trường có phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, trong đó, có hệ thống theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học để có biện pháp cải tiến chất lượng phù

hợp [H5.05.01.01]. Hàng năm, Khoa LLCT đều tiến hành theo dõi, thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp lần đầu của từng ngành trong Báo cáo Tổng kết công tác năm học và phương hướng nhiệm vụ của năm học [H11.11.02.02].

Về phía nhà trường, phòng Công tác sinh viên, phòng Đào tạo Đại học tiến hành theo dõi và thống kê và báo cáo về số lượng SV tốt nghiệp từng ngành hàng năm kể từ sau 01 năm so với thời hạn tốt nghiệp theo CTĐT thiết kế tại Báo cáo thống kê năm học [H7.07.05.02] được Hiệu trưởng phê duyệt, sau đó nộp về Bộ Giáo dục và đào tạo.

Bảng 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình qua các năm của ngành Triết học

TT	Khóa học	Tổng số SV nhập học	Tổng số SV tốt nghiệp theo từng khóa học		Sv tốt nghiệp trước thời gian thiết kế CTĐT		SV tốt nghiệp đúng thời gian thiết kế của CTĐT		SV tốt nghiệp quá thời gian thiết kế của CTĐT								Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
			SL	%	SL	%	SL	%	Quá 1 năm		Quá 2 năm		Quá 3 năm		Quá 4 năm		
									SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	2012-2016	16	13	81,25	0	0,00	11	84,61	0	0,00	0	0,00	0	0,00	2	12,5	4,35
2	2013-2017	24	17	70,83	0	0,00	10	58,82	2	14,29	4	16,67	0	0,00	1	4,16	4,80
3	2014-2018	26	20	76,92	0	0,00	14	55,00	1	3,85	2	7,70	0	0,00	3	11,54	4,85
4	2015-2019	26	25	96,15	0	0,00	5	20,00	5	19,23	15	57,69					5,40
5	2016-2020	11	10	90,90	0	0,00	2	18,18	8	37,37							4,80
	Tổng	103	85	82,52	0	0,00	42	40,77	18	74,74	21	82,06	0	0,00	6	28,20	5,08

(Tỷ lệ SV tốt nghiệp = Số lượng SV tốt nghiệp/Số lượng SV nhập học)

Trong 5 năm gần đây, trung bình hằng năm ngành Triết học có khoảng 40,77% sinh viên hoàn thành chương trình (đúng thời gian thiết kế của chương trình (04 năm)) và được cấp bằng cử nhân Triết học, trong đó số sinh viên tốt nghiệp trước thời gian thiết kế của CTĐT là 0%. Như vậy, còn 59,23% chưa hoàn thành số tín chỉ theo khung CTĐT và các yêu cầu về chứng chỉ tiếng Anh, Tin học, quốc phòng, giáo dục thể chất. Trên thực tế, Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho sinh viên chủ động hoàn thành chương trình học, tốt nghiệp đúng với tiến độ. Tỷ lệ hoàn thành CTĐT giảm dần và thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành Triết học có chiều hướng tăng dần qua các năm theo chu kỳ đánh giá so với ngành GDCT (Bảng 11.3).

Bảng 11.3. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình giữa ngành

Triết học và GDCT

STT	Khóa học	Năm tốt nghiệp	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)		Đối sánh giữa các ngành			
			Triết học	GDCT	Thời gian tốt nghiệp trung bình thấp nhất		Thời gian tốt nghiệp trung bình cao nhất	
					Năm	Ngành	Năm	Ngành
1	2012-2016	2016	4,35	6,40	4,35	Triết học	6,40	GDCT
2	2013-2017	2017	4,80	5,60	4,80	Triết học	5,60	GDCT
3	2014-2018	2018	4,85	5,80	4,85	Triết học	5,80	GDCT
4	2015-2019	2019	5,40	6,43	5,40	Triết học	6,43	GDCT
5	2016-2020	2020	4,80	4,57	4,57	GDCT	4,80	Triết học

Số liệu cho thấy, tỷ lệ % sinh viên ngành Triết học hoàn thành CTĐT qua từng năm giảm. Tỷ lệ SV chưa hoàn thành số tín chỉ theo khung chương trình và các yêu cầu chuẩn đầu ra là tin học và tiếng anh B1 ngoài ra còn có thể do một số nguyên nhân như

một số môn học khó, nhiều SV có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên phải làm thêm để trang trải cuộc sống. Trên cơ sở tìm hiểu các nguyên nhân dẫn đến SV tốt nghiệp trễ hạn, Nhà trường và Khoa đã đề ra những biện pháp giúp SV hoàn thành các học phần như chỉ đạo Khoa phối hợp với Phòng ĐTDH xây dựng danh sách các học phần tương đương, tổ chức giảng dạy các học phần người học chưa tích lũy giúp người học có thể tốt nghiệp đúng thời hạn nâng cao tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn. Trên thực tế, Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học để tốt nghiệp đúng tiến độ.

Khoa phối hợp với Bộ môn, Cố vấn học tập thường xuyên theo dõi, nhắc nhở sinh viên hoàn thành các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học, các chứng chỉ GDTC, chứng chỉ quốc phòng, CVHT thực hiện tư vấn cho sinh viên tư vấn đăng ký tín chỉ trong từng học kỳ phù hợp với khả năng của từng sinh viên thông qua các buổi sinh hoạt lớp.

Nhà trường thực hiện việc hỗ trợ sinh viên trong miễn, giảm học phí, cấp hỗ trợ chi phí học tập đúng theo quy định của nhà nước [H8.08.04.10], [H11.11.02.03] đối với những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên đồng bào dân tộc thiểu số [H11.11.02.03].

Đối với sinh viên đã hoàn thành chương trình học nhưng chưa được công nhận tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học, nhà trường có những giải pháp bước đầu hỗ trợ sinh viên bằng việc mở các lớp bồi dưỡng tiếng Anh miễn phí [H11.11.02.04].

trường thường xuyên theo dõi, thống kê, tiến hành xét dừng học, thôi học, gửi quyết định có danh sách kèm theo về Khoa và CVHT để kịp thời thông báo đến từng sinh viên có kết quả học tập kém để sinh viên nắm bắt, có lộ trình hoàn thành CTĐT và những sinh viên thôi học có nguyện vọng tiếp tục theo học, CVHT hướng dẫn sinh viên viết đơn trình Khoa và Nhà trường xem xét cùng với kế hoạch trả nợ các học phần theo quy định. [H11.11.02.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã quy định cụ thể thời gian tốt nghiệp của người học đối với từng ngành học.

Nhà trường, Khoa đã phối hợp chặt chẽ với nhau để đưa ra các biện pháp giúp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm.

Nhà trường đã có cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê để theo dõi, báo cáo tổng kết tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có văn bản ban hành quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của từng ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn lực đầu tư
1	Khắc phục điểm tồn tại	Ban hành văn bản quy định về quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của từng ngành đào tạo	Phòng ĐTĐH	Học kỳ II năm học 2020-2021 và các năm tiếp theo	Nhà trường
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy vai trò của các bên có liên quan để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp	Phòng ĐTĐH, Khoa LLCT Bộ môn NLCBCNMLN	Học kỳ II năm học 2020-2021 và các năm tiếp theo	Nhà trường

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 11.2: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mục tiêu của người học sau khi tốt nghiệp là có việc làm đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp và môi trường làm việc thuận lợi vì vậy để thực hiện được mục tiêu đó, Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát tỷ lệ có việc làm của người học trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp của các CTĐT, so sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến phù hợp. Nhà trường đã tổ chức các hội thảo tư vấn việc làm, tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên. Nhằm thu thập thông tin khách quan về sản phẩm đào tạo của Khoa và Nhà trường giúp Nhà trường có căn cứ điều chỉnh CTĐT, công tác quản lý,

tuyển sinh phù hợp với nhu cầu xã hội. Nhà trường giao cho phòng KĐCL, Khoa tiến hành khảo sát việc làm của cựu sinh viên ngành Triết học. Đồng thời thực hiện qua nhiều biện pháp như rà soát điều chỉnh CDR, rà soát điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết học phần, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học phần [H5.05.01.05].

Từ năm 2016 đến nay, phòng KĐCL tiến hành khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau 7 tháng đến 12 tháng thời gian tiến hành khảo sát từ tháng 4 đến tháng 7. Nhà trường đã thực hiện việc giám sát quá trình học tập cũng như tỉ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên, so sánh giữa các năm nhằm tìm ra biện pháp cải tiến phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Đợt khảo sát được tiến hành đối với ngành Triết học được thực hiện năm 2016 đối với các khóa sinh viên với hình thức khảo sát bao gồm gọi điện thoại, khảo sát qua mạng xã hội như Facebook, zalo... qua mail hoặc tin nhắn và gửi tiếp kết quả qua CVHT sau đó gửi về Bộ môn, Khoa tập hợp, phân tích, đánh giá [H11.11.03.01]. Đây là hình thức khảo sát chủ yếu.

Nội dung khảo sát bao gồm: tình trạng việc làm, làm đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo hay không, thu nhập trung bình (TB) hàng tháng, sự hài lòng với khóa học, góp ý đề xuất liên quan đến khóa học và CTĐT.

Khoa lý luận chính trị đào tạo 2 ngành Triết học và GDCT, theo báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên tốt nghiệp năm 2019, các ngành của khoa có tỷ lệ việc làm đạt 79,1%, làm đúng chuyên môn là 13,1%; thu nhập TB 4,7 triệu đồng/tháng. Có 97,5% sinh viên hài lòng với khóa học. Trong đó, ngành Triết học có tỷ lệ sinh viên đã đi làm đạt 78,3%, chỉ có 11,1% số sinh viên làm đúng chuyên môn được đào tạo, thu nhập TB 4,7 triệu đồng/tháng và 100% sinh viên hài lòng với khóa học. Từ năm 2016 đến năm 2019, sinh viên cả hai ngành Triết học và GDCT đều có tỷ lệ sinh viên đã đi làm đạt trên 55%, thu nhập TB 5,5 triệu đồng/tháng và trên 90% sinh viên hài lòng với khóa học [H8.08.02.02], [H4.04.03.09], [H4.04.03.09], [H4.04.03.09]. Sinh viên ngành Triết học làm việc ở nhiều môi trường khác nhau, điều này cũng phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và khung năng lực cũng như định hướng nghề nghiệp và môi trường làm việc mà khoa và Nhà trường hướng đến trong CTĐT của ngành Triết học.

**Bảng 11.4. Đối sánh tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp
ngành Triết học và GDCT**

Ngành Triết học					Ngành GDCT				
Năm tốt nghiệp	Số SV được khảo sát	Số SVTN có việc làm	Tỷ lệ (%)	Thu nhập TB (triệu đồng/tháng)	Năm tốt nghiệp	Số SV được khảo sát	Số SVTN có việc làm	Tỷ lệ (%)	Thu nhập TB (triệu đồng/tháng)
2016	12	5	41,67	3,700	2016	39	32	82,05	3,925
2017	18	8	44,44	3,888	2017	59	32	54,24	5,009
2018	19	12	63,16	3,700	2018	47	25	53,19	5,300
2019	23	18	78,26	4,700	2019	25	20	80,00	4,700

Nhà trường có các chương trình hội chợ việc làm, liên kết với doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng hàng năm nhằm cải thiện chất lượng đào tạo, tăng cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Ngành Triết học có chương trình thực tế chuyên môn và thực tập cuối khóa cho SV tạo điều kiện để SV có cơ hội tiếp xúc công việc thực tế.

Tỷ lệ sinh viên ngành Triết học đi làm cao đạt trên 78,3%.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ sinh viên đi làm đúng chuyên môn được đào tạo rất thấp (11,1%)

Chương trình tư vấn việc làm còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn lực đầu tư
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức thường xuyên hơn các hoạt động hỗ trợ, tư vấn nghề nghiệp cho người học	Nhà trường và các phòng chức năng	Hàng năm	Nhà trường
		Tiếp tục thực hiện cập nhật CTĐT theo định kỳ	Khoa lý luận chính trị	NH 2021-2022 và	Nhà trường

			Bộ môn NLCBCNMLN	các năm tiếp theo	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện chương trình hội chợ việc làm, liên kết với doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng hàng năm	Nhà trường Khoa lý luận chính trị	NH 2021-2022 và các năm tiếp theo	Nhà trường
		Tiếp tục khảo sát về tình hình việc làm của cựu sinh viên sau tốt nghiệp và ý kiến của nhà tuyển dụng	Phòng QLCL Khoa lý luận chính trị	NH 2021-2022 và các năm tiếp theo	Nhà trường

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 11.3: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của SV được quy định rõ, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường luôn xác định hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ là một trong những nhiệm vụ chính của Trường Đại học Tây Nguyên và đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và đặc biệt hoạt động nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ thường xuyên và cực kỳ quan trọng của mỗi giảng viên, sinh viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Điều này cũng đã được xác định rõ trong tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường [H1.01.01.04]. Trong quy định về hoạt động NCKH hàng năm thì hoạt động NCKH cho SV là một nội dung quan trọng và luôn được sự quan tâm của Nhà trường [H11.11.04.01], [H6.06.07.03].

Hàng năm Khoa Lý luận Chính trị luôn triển khai, khuyến khích sinh viên đăng ký đề tài NCKH các cấp [H11.11.04.02] theo định hướng phát triển khoa học và công nghệ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ của trường cùng với nhu cầu thực tế của xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học theo mô hình của trường Đại học Tây Nguyên. Đề tài sẽ do sinh viên hoặc nhóm SV thực hiện dưới sự hướng dẫn của một giảng viên trong khoa. Giảng viên hướng dẫn sẽ hỗ trợ sinh

viên viết thuyết minh đề tài [H11.11.04.02]. Sau khi thuyết minh đề tài NCKH được Hội đồng khoa học của Khoa, Trường phê duyệt, sinh viên sẽ thực hiện đề tài nghiên cứu trong vòng 12 tháng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Kết quả nghiên cứu sẽ được báo cáo trong các buổi hội thảo khoa học của Khoa và được nghiệm thu theo quy định, kết quả của đề tài NCKH được viết và gửi đăng trên tạp chí khoa học của Trường Đại học Tây Nguyên. Nhằm khích lệ sinh viên tham gia NCKH đồng thời phát huy tính năng động sáng tạo trong sinh viên góp phần phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho Nhà trường, tỉnh và đất nước, Nhà trường thực hiện cấp kinh phí thực hiện đề tài cấp cơ sở cho người học từ ngân sách nhà nước [H11.11.04.03]. Nhà trường ban hành quyết định số 1629/ĐHTN-KH&QHQT ngày 22/07/2019 quy chế phối hợp giữa phòng khoa học và quan hệ quốc tế với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong hoạt động khoa học công nghệ của học sinh, sinh viên trường Đại học Tây Nguyên [H11.11.04.05] nhằm phát động học sinh, sinh viên đăng ký danh mục và thực hiện KHCN, bên cạnh đó, đề tài KHCN cấp cơ sở được đánh giá xuất sắc sẽ được xét chọn tham gia Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” theo thông tư số 18/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học”.

Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, sinh viên ngành Triết học, Khoa LLCT đã thực hiện và hoàn thành nghiệm thu đạt 02 đề tài NCKH cấp cơ sở dưới sự hướng dẫn của giảng viên [H6.06.07.04] và số lượng sinh viên và đề tài sinh viên của 2 ngành Triết học và GDCT tương đương nhau.

Bảng 11.5. Thống kê số lượng người học khoa Lý luận Chính trị tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia thực hiện			Ghi chú
	Đề tài cấp nhà nước	Đề tài cấp bộ	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 2 đề tài	0	0	4	
Từ 3 đến 5 đề tài	0	0	0	
Trên 5 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia thực hiện	0	0	4	

Bảng 11.6. Thống kê số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của người học được nghiệm thu trong 5 năm gần đây đây

TT	Phân loại đề tài	2016	2017	2018	2019	2020
1	Đề tài cấp NN	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0	1	1	0	0
4	Tổng	0	1	1	0	0

2. Điểm mạnh

Khoa LLCT làm tốt công tác triển khai nghiên cứu cho SV ngành Triết học. Giảng viên trong khoa nhiệt tình và sẵn sàng hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học.

Các quy định liên quan đến việc NCKH của SV được ban hành đầy đủ.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí cho việc thực hiện đề tài NCKH cho SV còn hạn chế. Thời gian thực hiện NCKH của SV thường thực hiện vào năm học thứ ba nên bị hạn chế về thời gian khiến SV còn e ngại trong việc đăng ký thực hiện.

Khoa và Bộ môn chưa thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt học thuật nhằm định hướng nghiên cứu cho sinh viên, hướng dẫn sinh viên viết báo cáo khoa học.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn lực đầu tư
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt học thuật	Khoa lý luận chính trị Bộ môn NLCBCNMLN	Học kỳ 2 NH 2020-2021 và các năm tiếp theo	Nhà trường
		Nhà trường cần nghiên cứu tăng thêm kinh phí thực hiện đề tài NCKH cho SV	Phòng KH và các phòng ban chức năng	Học kỳ 2 NH 2020-2021 và	Nhà trường

				các năm tiếp theo	
		Khuyến khích động viên SV tham gia NCKH	Khoa lý luận chính trị Bộ môn NLCBCNMLN	Học kỳ 2 NH 2020-2021 và các năm tiếp theo	Nhà trường
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy vai trò của giảng viên trong việc gợi mở hướng nghiên cứu cho sinh viên và hướng dẫn sinh viên NCKH	Khoa LLCT Bộ môn NLCBCNMLN	Học kỳ 2 NH 2020-2021 và các năm tiếp theo	Nhà trường

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 11.4: Đạt (mức 4/7 điểm)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hàng năm, Nhà trường và Khoa Lý luận Chính trị tổ chức hội nghị cán bộ viên chức để lấy ý kiến đóng góp về đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm học và phương hướng, nhiệm vụ năm học mới nhằm cải tiến chất lượng về các hoạt động của Nhà trường. Giảng viên và chuyên viên của khoa tham dự Hội nghị cán bộ viên chức, thẳng thắn đóng góp ý kiến tại Hội nghị giữa cán bộ, viên chức với Nhà trường để tạo môi trường dân chủ và nâng cao chất lượng CTĐT. Hội đồng KHĐT trường sẽ họp định kỳ hằng năm trên cơ sở đóng góp ý kiến từ các đơn vị của trường trong đó có khoa LLCT để xem xét chiến lược đào tạo.

Chất lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp là một trong những vấn đề được sự quan tâm của Nhà trường. Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ phía người học về chất lượng đào tạo và hoạt động giảng dạy của giảng viên, ngành học, từ phía cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo của trường, các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của trường và người dân về dịch vụ giáo dục công của Trường [H11.11.05.04], [H5.05.02.06], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03], [H3.03.02.04], [H9.09.04.05], [H4.04.03.06], [H4.04.03.08], [H11.11.05.05],

[H4.04.03.17], [H4.04.03.05], [H4.04.03.20] làm cơ sở cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo cho phù hợp với thực tiễn. Sau khi tiến hành khảo sát thì kết quả phản hồi từ các bên liên quan sẽ được Nhà trường, Phòng quản lý chất lượng kết hợp với Khoa tiến hành các bước phân tích đánh giá nhằm chỉ ra những điểm mạnh và điểm yếu để có những giải pháp khắc phục những điểm yếu, tăng cường mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Phòng quản lý chất lượng chịu trách nhiệm chính trong việc tham mưu, đề xuất và tiến hành các hoạt động đánh giá [H11.11.05.01], [H11.11.05.02] để đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan. Sau khi tiến hành hoạt động khảo sát các bên có liên quan như người học, cựu sinh viên đối với giảng dạy, ngành học và người dân về dịch vụ giáo dục công của Trường bằng hình thức phiếu phỏng vấn trực tiếp theo mẫu hoặc khảo sát online bằng đường link [H11.11.05.03]. Phòng sẽ thực hiện việc xử lý thông tin và đưa ra bảng báo cáo kết quả cuối cùng để đơn vị và Nhà trường có biện pháp và đưa ra chiến lược hành động phù hợp. Những năm gần đây, việc khảo sát tình hình việc làm cũng rất được quan tâm với mục đích để thấy được việc đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng của Nhà trường có đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Đối với người học: trong mỗi học kỳ của năm học Phòng quản lý chất lượng thực hiện khảo sát sinh viên đối với người dạy về tác phong sư phạm, nội dung giảng dạy, tổ chức hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá và công tác cố vấn học tập góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục đại học và nâng cao chất lượng đào tạo. Mức độ hài lòng về người dạy của sinh viên Khoa Lý luận Chính trị học kỳ 2 năm học 2019-2020 theo khảo sát đánh giá ở mức độ hài lòng đạt 86,0% [H03.03.02.04] và giảm 5,1 % so với học kỳ 1 cùng năm học. Bên cạnh đó Khoa LLCT và Nhà trường hàng năm đều tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp với sinh viên để giải đáp mọi thắc mắc liên quan đến học tập, sinh hoạt cũng như các dịch vụ khác trong trường [H4.04.01.05].

Đối với cựu sinh viên: Trường Đại học Tây Nguyên rất quan tâm đến vấn đề việc làm của cựu sinh viên sau tốt nghiệp nhằm đánh giá chất lượng của sinh viên do trường đào tạo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng trước yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới giáo dục và đặc biệt là vấn đề cung cấp các sản phẩm đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội. Việc khảo sát là một trong những cơ sở để hàng năm Nhà trường chỉ đạo các đơn vị liên quan điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu xã hội. Kết quả khảo sát cho thấy gần như toàn bộ sinh viên ngành Triết học đều hài lòng với ngành học chiếm

100% tuy nhiên sinh viên ra trường làm đúng chuyên môn chỉ đạt 11,1% [H4.04.03.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên, nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo của trường, mức độ hài lòng của cựu sinh viên về CTĐT. Trong đó, tỷ lệ cựu sinh viên hài lòng với khóa học đạt 100%, so sánh với ngành GDCT thì tỷ lệ hài lòng cao hơn.

Bảng 11.7. Đối sánh tỷ lệ sinh viên hài lòng với khóa học của ngành Triết học và GDCT

GDCT				Triết học			
Năm tốt nghiệp	Số SV được khảo sát	Hài lòng với khóa học	Tỷ lệ (%)	Năm tốt nghiệp	Số SV được khảo sát	Hài lòng với khóa học	Tỷ lệ (%)
2016	39	38	97,4	2016	12	12	100
2017	59	32	100	2017	8	8	100
2018	47	25	100	2018	12	12	100
2019	25	19	95	2019	23	18	100
2020							

Đối với sự hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục công của Trường: được thực hiện với mục tiêu đánh giá một cách khách quan, khoa học chất lượng cung ứng dịch vụ của các cơ sở giáo dục công lập và mức độ đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của người dân để có những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng nhu cầu của người dân và đảm bảo sự hài lòng của người dân với chất lượng dịch vụ giáo dục công. Đánh giá mức độ hài lòng về các tiêu chí: tiếp cận dịch vụ giáo dục, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, môi trường giáo dục, hoạt động giáo dục, sự phát triển và thực hiện nghĩa vụ công dân của sinh viên là 66,6% [H11.11.05.02]. Đối với sự hài lòng của người dân về dịch vụ công của Trường thì sự hài lòng về các tiêu chí là khá cao (trên 70%) [H4.04.03.08]. Dưới sự hỗ trợ của Đoàn và Hội SV, người học cũng có cơ hội tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ và cơ sở vật chất để trang bị thêm cho SV các kỹ năng và góp phần phong phú đời sống vật chất và tinh thần [H11.11.05.06].

2. Điểm mạnh

Mức độ hài lòng các bên liên quan về CTĐT của ngành đào tạo được đánh giá tốt. Việc khảo sát ý kiến người học được thực hiện đều đặn từng học kỳ.

Khảo sát người học đã tốt nghiệp cũng được thực hiện theo định kỳ năm tốt nghiệp. Lãnh đạo Nhà trường, Khoa và Bộ môn luôn nhiệt tình và kịp thời giải đáp tháo gỡ các vướng mắc cho các đối tượng liên quan.

Chương trình đào tạo được cập nhật điều chỉnh theo hướng tích cực

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan đặc biệt là ý kiến từ nhà tuyển dụng chưa được thực hiện thường xuyên.

Các tiêu chí khảo sát chưa thể hiện rõ mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Nguồn lực đầu tư
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục thực hiện khảo sát các bên liên quan đối với ngành, khoa. Tiếp tục thực hiện cập nhật CTĐT theo định kỳ. Khoa cùng Đoàn, Hội tạo sân chơi hỗ trợ, trang bị các kỹ năng cần thiết cho người học	Phòng QLCL Khoa LLCT, Bộ môn Nguyên lý cơ bản Đoàn, Hội và các đơn vị chức năng	Học kỳ 2 NH 2020-2021 và các năm tiếp theo	Nhà trường
	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải thiện việc cung cấp phòng máy thực	Trung tâm thông tin	Học kỳ 2 NH 2020-2021 và	Nhà trường

2		hành, các dịch vụ hỗ trợ SV tốt hơn		các năm tiếp theo	
---	--	--	--	----------------------	--

5. Tự đánh giá

Tự đánh giá tiêu chí 11.5: Đạt (mức 4/7 điểm)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11: Đối với ngành đào tạo Triết học, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian theo thiết kế của CTĐT đạt 40,77 và có xu hướng giảm dần bởi nhiều lý do: bị ràng buộc bởi chứng chỉ giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, chứng chỉ ngoại ngữ và tin học. Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy với những sinh viên đã tốt nghiệp thì phần lớn đều tìm được công việc phù hợp với ngành học và đảm bảo một phần thu nhập. Đây cũng là kết quả khả quan và triển vọng đối với ngành đào tạo của khoa LLCT.

Đối với hoạt động NCKH trong sinh viên thì tỷ lệ sinh viên ngành Triết học tham gia NCKH còn rất thấp. Để tăng tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khóa học, Khoa cần tăng cường khuyến khích sinh viên làm NCKH, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được đánh giá khá tốt, tuy nhiên ý kiến từ đơn vị tuyển dụng thì chưa nhận được nhiều, thời gian tới sẽ tăng cường tham khảo hơn nữa để có thể điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với nhu cầu của xã hội.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Tự đánh giá CTĐT là một trong những việc làm quan trọng nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Triết học nói riêng và chất lượng đào tạo của trường ĐHTN nói chung. Từ kết quả tự đánh giá, Bộ môn, Khoa quản lý ngành và các đơn vị chức năng trong trường có thể nhận thấy những điểm mạnh cũng như những mặt tồn tại trong các hoạt động đào tạo, hoạt động chuyên môn của Bộ môn, của Khoa và công tác quản lý của Nhà trường đối với CTĐT. Qua việc tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn, Bộ môn, Khoa đã đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng trong quá trình đào tạo ngành Triết học. Cụ thể:

1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT ngành Triết học

1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành Triết học đã xác định rõ ràng theo các nội dung: kiến thức, kỹ năng, hướng đến các vị trí làm việc cụ thể của sinh viên sau khi tốt nghiệp, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của trường ĐHTN và Luật giáo dục.

CĐR của CTĐT ngành Triết học được xây dựng trên cơ sở khảo sát ý kiến của các bên liên quan, từng bước điều chỉnh phù hợp với mong muốn của các bên và yêu cầu của xã hội và được rà soát, điều chỉnh định kỳ, được công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất.

CĐR được xác định rõ ràng theo từng nội dung từ những yêu cầu chung đến yêu cầu chuyên biệt, thể hiện được những nét đặc thù của vùng và công việc sau khi tốt nghiệp của người học.

1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mọi thông tin trong bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT ngành Triết học (mục tiêu, CĐR, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá,...) đều được công bố công khai và dễ tiếp cận và đáp ứng nhu cầu của người học, người sử dụng lao động. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng giáo dục và đào tạo của Việt Nam và thế giới, đặc biệt là những đổi mới trong giáo dục LLCT cho sinh viên. Bản mô tả CTĐT và các đề cương các học phần trong CTĐT thường xuyên nhận được tham vấn, ý kiến đóng góp, xây dựng của Hội đồng KHĐT khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn, trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh,

cập nhật thường xuyên theo hướng ứng dụng cao, khối kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

Cấu trúc bản mô tả chương trình logic, rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của BGD&ĐT và hướng dẫn của Trường ĐHTN; cụ thể hóa trong các ĐCCT học phần của CTĐT.

Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định được định kì cập nhật, đáp ứng xu hướng đổi mới giáo dục và đào tạo nói chung và đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các môn LLCT nói riêng. Việc thực hiện cập nhật, điều chỉnh ĐCCT các học phần có sự tham gia ý kiến của đội ngũ GV kinh nghiệm, các chuyên gia và sinh viên trong ngành. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH của ngành Triết học được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Hội đồng Khoa học của Khoa chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý, có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành Triết học. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Giảng viên khi thực hiện CTĐT luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV học tập. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành.

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành Triết học phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu thuật giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ người học.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành Triết học rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo rõ ràng, công khai tới người học. Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp khoa đến Phòng Quản lý chất lượng của Nhà trường. Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT.

1.6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Việc xây dựng kế hoạch chiến lược đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo dựa trên những quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Việc triển khai thực hiện ở các Bộ môn và từng GV về cơ bản đảm bảo tiến độ, nhiều cán bộ đã nỗ lực cố gắng thực hiện nhiệm vụ học tập và nâng cao trình độ trước lộ trình được quy hoạch đào tạo. Nhờ đó, số lượng cán bộ có trình độ cao, nhất là trình độ Tiến sĩ tăng cao ở giai đoạn đánh giá.

Trong công tác bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng và giải quyết chế độ nghỉ hưu đối với cán bộ trong Khoa cũng luôn được đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước và các văn bản cụ thể hóa của Nhà trường.

Đội ngũ cán bộ, GV của Khoa, Bộ môn đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trong giai đoạn đánh giá, phần lớn cán bộ, GV trong khoa đều giảng dạy đủ và vượt định mức giờ chuẩn theo quy định, có nhiều công trình khoa học công bố trong và ngoài nước và đảm nhiệm thêm các nhiệm vụ khác do trong và ngoài Trường. Một số GV trong khoa được bổ nhiệm, quy hoạch vào những chức vụ quan trọng của Nhà trường.

Tỷ lệ GV/ S V luôn được đảm bảo ở mức cao, nhất là cán bộ có trình độ chuyên môn cao. Các GV luôn chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ theo chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm và nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch đề ra.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên của khoa LLCT được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường ĐHTN, đồng thời Khoa còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù của ngành Triết học. Đội ngũ GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đều là những cán bộ nhiệt tình, tâm huyết, có năng lực tốt trong giảng dạy cũng như trong công việc được giao.

Trường ĐHTN luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, đồng thời có những chính sách, chế độ tốt để nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên. Khoa LLCT luôn cử các nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho sinh viên trong các hoạt động đào tạo của ngành Triết học.

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường có chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng trong đề án tuyển sinh, được công bố công khai trên website và được phổ biến trong các đợt tư vấn tuyển sinh và cập nhật theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng của BGD&ĐT hàng năm.

Ngành Triết học luôn theo sát chính sách tuyển sinh và tuân thủ chính sách đào tạo của Nhà trường. Trong quá trình hoạt động, Bộ môn NLCBCNMLN đã xây dựng quy trình hỗ trợ người học một cách linh hoạt, khoa học, hiệu quả nhằm cung cấp kiến thức và hoàn thiện các kỹ năng cho người học. CTĐT ngành Triết học có hệ thống giám sát và quản lý tiến độ học tập và rèn luyện của sinh viên chặt chẽ. Ngoài ra, Bộ môn, Khoa và Nhà trường luôn xây dựng môi trường học tập mang tính hòa hợp, tích cực cho SV.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, với trang thiết bị hiện đại, phù hợp với chuyên ngành Triết học, phục vụ cho dạy học lý thuyết và thực hành rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH về cả số lượng và chất lượng

Trung tâm Thư viện của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, đáp ứng cơ bản nhu cầu của người học và

GV. Thư viện điện tử cho phép GV và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về từ cơ sở dữ liệu của Trường cũng như từ các thư viện trong và ngoài nước.

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ và sinh viên; có bệnh viện Trường ĐHTN phục vụ tốt nhu cầu y tế của cán bộ và sinh viên, các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đều đạt yêu cầu.

1.10. Nâng cao chất lượng

Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo quy trình chặt chẽ để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Các NCKH thông qua đề tài; các loại sách; bài báo cho hội nghị, hội thảo luôn được các GV, sinh viên trong khoa quan tâm và được sử dụng trong cải tiến chất lượng dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thường xuyên được rà soát và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho GV và người học trong dạy-học và NCKH.

1.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát kết quả học tập của SV, thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỷ lệ SV thôi học, bỏ học, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn và cơ hội tìm việc làm của SV ngành Triết học làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo và nâng cao mức độ hài lòng của người học và các bên liên quan.

Nhà trường đã có nhiều biện pháp hỗ trợ người học kịp thời, duy trì cơ chế sinh hoạt lớp để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV, đồng thời qua đó các CVHT trao đổi nắm tình hình, hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp, cũng như có những đề xuất kịp thời với Nhà trường. Khoa, Bộ môn triển khai và ban hành đầy đủ các quy định liên quan đến việc NCKH của SV đến từng CVHT, GV trong khoa, Bộ môn và từng lớp sinh viên, nhiều sinh viên chuyên ngành có tinh thần NCKH.

Các hoạt động NCKH cho sinh viên khoa LLCT và ngành Triết học được quy định với trình tự chặt chẽ, tập trung nghiên cứu theo đúng định hướng NCKH của Trường và phù hợp với CĐR của CTĐT của ngành Triết học.

Nhà Trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm tồn tại

2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bộ môn quản lý ngành chưa thường xuyên khảo sát thị trường lao động và nhu cầu thực tiễn để điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành Triết học, mới chỉ thực hiện theo các kế hoạch của nhà trường.

Tỷ lệ sinh viên đạt mục tiêu về trình độ ngoại ngữ, tin học để tốt nghiệp đúng hạn còn thấp. Tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của sinh viên Triết học ở mức khá, giỏi không cao và chưa có sự thay đổi theo hướng tích cực.

Trang thông tin điện tử của khoa chưa cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu CTĐT ngành Triết học.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành Triết học mặc dù đã được cập nhật nhưng vẫn còn thiếu một số cập nhật từ thị trường lao động,

ĐCCT các học phần thuộc CTĐT ngành Triết học trình độ đại học chưa thực hiện được việc lấy ý kiến của các đơn vị tuyển dụng lao động để nội dung kiến thức bám sát với nhu cầu của thị trường lao động hơn nữa.

Chưa tổ chức hội nghị có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan trong công tác xây dựng điều chỉnh, cập nhật bản mô tả CTĐT ngành Triết học

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH được thiết kế cho các khoá trước (trước 2019) chưa phân nhiệm cụ thể các mục tiêu và trình độ năng lực cho từng học phần cho nên khi thực hiện CTĐT còn chông chéo về việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho người học. Ngoài ra một số CTDH trước 2019 khi thiết kế chưa bám sát CĐR nên chưa cụ thể hóa được các mục tiêu và năng lực cần đạt sau khi kết thúc học phần.

Nội dung chương trình của một số học phần thuộc Kiến thức ngành chưa thể hiện rõ tính đổi mới, kế thừa và cập nhật. Cách thức đánh giá kết quả học phần của một số học phần chưa thể hiện rõ khả năng đạt được CĐR của CTĐT ngành Triết học.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu đào tạo của ngành Triết học chưa được công bố rộng rãi cho nhiều bên liên quan.

Sinh viên tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những sinh viên năm đầu. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

Số ít SV chưa có ý thức học tập tốt nên việc học tập còn mang tính đối phó. Một số GV chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ các khả năng tư duy phản biện, làm việc độc lập của SV. Điều kiện phòng học (bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển) chưa thực sự phù hợp với việc tổ chức một số phương pháp dạy học tích cực như các hoạt động thực hành giao tiếp và các bài trình bày theo nhóm nhỏ.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CĐR nhưng việc kiểm tra, đánh giá chưa thật sự đồng đều về độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học, CTĐT, độ khó cũng như đáp ứng yêu cầu đánh giá cả kiến thức và kỹ năng, đảm bảo cân đối các mức độ nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, sáng tạo. Việc tổng hợp, phân tích dữ liệu về cơ cấu, tính chất đề thi theo mức độ chưa được vận dụng vào việc điều chỉnh đề thi hàng năm.

Giảng viên còn thụ động trong việc tìm hiểu thông tin về quy định kiểm tra, đánh giá người học. Việc đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá cho số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với tình hình thực tiễn và đặc thù môn học do số lượng sinh viên Triết học tương đối ít.

Mặc dù kết quả học tập của người học được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải tiến quá trình học tập, song đôi lúc còn có số ít SV băn khoăn với kết quả thi do SV chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu với kết quả đánh giá thi.

2.6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Một số học phần thuộc chuyên môn sâu và đặc thù của chuyên ngành vẫn phải mời giảng do chưa có GV đảm nhận, việc tuyển dụng GV đúng chuyên ngành giảng dạy học phần CNXHKKH còn khó khăn. Một vài cán bộ còn chần chừ trong việc thực hiện quy hoạch đào tạo nâng cao trình độ. Việc cử các GV trẻ đi học tập ở nước ngoài theo quy định chưa thể thực hiện được, một phần do tính đặc thù của

chuyên môn đào tạo, một phần do đội ngũ GV chưa thực sự đầu tư về trình độ ngoại ngữ đáp ứng đủ điều kiện đi học nước ngoài. Chưa có GV đủ điều kiện làm hồ sơ công nhận học hàm Phó Giáo sư

Cùng với môi trường học thuật còn hạn chế, chính sách đãi ngộ chưa thực sự đảm bảo để giữ chân các GV có trình độ chuyên môn cao nên ững như thực trạng chung của Nhà trường, trong 5 năm vừa qua, đã có 05 cán bộ chuyển công tác đến các đơn vị khác có điều kiện và sự ưu đãi tốt hơn, trong đó có 03 Tiến sĩ, 01 NCS.

Công cụ đánh giá chưa được cải tiến nhiều nên chất lượng thực sự trong đánh giá cán bộ, viên chức và GV đôi khi chưa thực sự hiệu quả. Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ GV hạn chế. Việc đảm bảo định mức giờ khoa học chưa đồng đều, nhiều GV còn phải lấy giờ giảng để bù vào định mức giờ khoa học. Một vài GV trẻ chưa thực sự đầu tư cho việc NCKH.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Công tác đánh giá của các bên liên quan đến chất lượng của đội ngũ nhân viên nhà trường cũng như của khoa còn chậm và kết quả phối hợp chưa cao.

Chưa có bộ tiêu chí, công cụ đánh giá các GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ.

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chất lượng quảng bá hình ảnh đào tạo đến thí sinh trong những năm qua chưa thật hấp dẫn, do đó chưa thu hút được nhiều thí sinh ở các khu vực khác ngoài khu vực Tây Nguyên. Chưa có nhiều căn cứ và tiêu chí để đánh giá năng lực đầu vào của người học.

Hệ thống quản lí đào tạo của Trường chưa được nâng cấp kịp thời nên đôi lúc làm gián đoạn hoạt động tra cứu dữ liệu học tập của SV. Vẫn có nhiều sinh viên của ngành Triết học chưa thực sự có nhiệt huyết tham gia vào các hoạt động cộng đồng, các câu lạc bộ.

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành Triết học có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời.

Các phần mềm quản lý đào tạo và mạng Wifi đôi lúc còn tình trạng bị nghẽn. Hệ thống camera chưa được lắp đặt đồng bộ và còn một số phòng chưa được lắp đặt máy chiếu.

Diện tích cây xanh của Trường chưa nhiều; chưa thực hiện phân loại rác; chưa có lối đi riêng cho sinh viên khuyết tật.

2.10. Nâng cao chất lượng

Ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên. Khoa chưa tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học về thực tập cuối khóa của người học để lắng nghe các ý kiến trao đổi từ các bên liên quan về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

Khoa chưa thực sự chủ động trong việc xây dựng chiến lược phát triển CTDH. Việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH chủ yếu phụ thuộc vào sự chỉ đạo từ phía Nhà trường.

Chưa thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của GV, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT với CĐR.

Các GV ngành Triết học còn ít có tham luận ở các hội thảo khoa học quốc tế, đa số chỉ tập trung vào một số GV. Đã có bài đăng trên các tạp chí quốc tế nhưng còn ít. Công trình NCKH của SV còn tương đối ít.

Các phản hồi của người học về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được cải tiến kịp thời.

Ngoài ra, một số phản hồi của các bên liên quan về CSVC, tiện ích chưa kịp thời đáp ứng cho việc đổi mới CTĐT do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

2.11. Kết quả đầu ra

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp muộn và làm trái nghề sau tốt nghiệp còn cao Khoa và Nhà trường chưa thực hiện khảo sát đầy đủ thông một cách thường xuyên đối với tất cả các khóa sinh viên tốt nghiệp về tình trạng việc làm, mức lương, môi trường làm việc phù hợp.

Kinh phí cho việc thực hiện đề tài NCKH cho SV còn hạn chế. Thời gian thực hiện NCKH của SV thường thực hiện vào năm học thứ ba nên bị hạn chế về thời gian

khuyến SV còn e ngại trong việc đăng ký thực hiện. Tỷ lệ sinh viên ngành GDCT tham gia NCKH còn khá thấp chưa thực sự tương xứng với tiềm năng của ngành đào tạo.

Khoa và Bộ môn chưa thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, sinh hoạt học thuật nhằm định hướng nghiên cứu cho Sinh viên, hướng dẫn sinh viên viết báo cáo khoa học và viết báo khoa học

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan đối với các hoạt động của nhà trường, khoa, ngành chưa được thực hiện thường xuyên. Các mẫu phiếu khảo sát, bảng hỏi chưa được cập nhật, đảm bảo đúng, thực chất với yêu cầu của các bên liên quan CTĐT và CDR của ngành đào tạo.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Thực hiện khảo sát thị trường lao động liên quan đến CTĐT ngành Triết học hàng năm.

Tiếp tục có những hoạt động hỗ trợ sinh viên đạt mục tiêu về trình độ ngoại ngữ, tin học

Bổ sung, hoàn thiện những thông tin về CTĐT ngành Triết học trên trang web của khoa

Tiếp tục rà soát, cập nhật điều chỉnh mục tiêu của CTĐT

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT. Tiếp tục cập nhật những đổi mới trong giáo dục, đào tạo nhất là đổi mới nội dung và phương pháp các môn khoa học Mác – Lênin.

Công khai bản mô tả CTĐT, ĐCCT các học phần và tiến hành lấy ý kiến phản hồi rộng rãi các bên liên quan CTĐT.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Tiến hành rà soát CTDH của các học phần trong CTĐT ngành Triết học, cụ thể là so sánh đối chiếu các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và năng lực trong CTDH với các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và năng lực trong CDR, đặc biệt chú ý đối với các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành.

Tiếp tục triển khai các đề tài KHCN về đổi mới nội dung, phương pháp kiểm tra và đánh giá theo tiếp cận năng lực đối với các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và ngành.

Sắp xếp các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao;

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Khoa, Bộ môn cần tiếp tục phổ biến CTĐT của ngành Triết học tới các bên liên quan tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như hội nghị, hội thảo, trang website Trường, tập huấn, các văn bản hướng dẫn, Cẩm nang tuyển sinh v.v..., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

Tăng cường công tác dự giờ, trao đổi kinh nghiệm, khuyến khích GV tham gia các cuộc thi GV dạy giỏi, tham dự các hội nghị, hội thảo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tạo mối liên hệ tốt với thế giới việc làm. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được bồi dưỡng về phương pháp dạy và học mới nhằm đáp ứng các yêu cầu của CĐR theo CTĐT.

CTDH, ĐCCT các học phần tiếp tục được rà soát và điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập.

Khuyến khích, động viên GV trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Đa dạng các phương thức đánh giá phù hợp với CĐR

Đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng kết quả học tập qua cổng thông tin TT

Khoa, Bộ môn sẽ phối hợp với Phòng QLCL khai thác, phân tích dữ liệu định lượng kết quả kiểm tra/thi của người học để đánh giá chính xác hơn kết quả học tập của SV và có những điều chỉnh tối ưu hơn các hình thức thi và ngân hàng đề thi tự luận

Đề xuất với Nhà trường về việc công khai đáp án của đề thi trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo để SV tự đối chiếu với bài thi, qua đó giúp SV có kế hoạch điều chỉnh việc học tập cũng như hạn chế việc đề nghị kiểm tra kết quả thi.

Tiếp tục thực hiện đúng quy chế phản hồi kết quả kịp thời cho người học để NH cải thiện việc học tập của mình.

3.6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Thực hiện tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng GV theo đúng kế hoạch, quy hoạch

Thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các cán bộ quản lý cấp Khoa và Bộ môn theo đúng quy định của Nhà nước và văn bản cụ thể hóa của Trường ĐHTN

Động viên các GV tăng cường hoạt động NCKH, hướng các GV có trình độ

Tiến sĩ, nhất là GV trẻ tiếp tục nâng cao trình độ ngoại ngữ làm tiền đề cho việc công bố các công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế

Kiến nghị Nhà trường có chính sách đãi ngộ tốt hơn và tạo môi trường làm việc thuận lợi hơn để giữ chân và thu hút các GV có trình độ chuyên môn cao về giảng dạy và công tác tại Bộ môn.

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá viên chức, GV phù hợp; đảm bảo ngày càng nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu của GV, khích lệ được GV phát huy tối đa năng lực bản thân.

3.7. Đội ngũ nhân viên

Tiến hành khảo sát phản hồi các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD; Thường xuyên phối với các bên liên quan trong hoạt động công việc.

Chỉ đạo và quan tâm sát sao đối với công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm đáp ứng yêu cầu công việc.

Xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá chất lượng công việc và xây dựng chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ trong quá trình làm việc

3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực đầu vào của người học, đa dạng hình thức thông tin về CTĐT ngành Triết học

Nâng cấp phần mềm QLĐT, cập nhật các biểu mẫu về học vụ trên cổng thông tin.

Xây dựng các câu lạc bộ phát triển kỹ năng, các kế hoạch hoạt động ngoại khóa thu hút sinh viên tham gia

3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Xây dựng kế hoạch rèn nghề cho sinh viên chuyên ngành Triết học

Đề xuất mua bổ sung tài liệu học tập cho các học phần chuyên ngành Triết học. Động viên cán bộ cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần cho chuyên ngành Triết học viết giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo.

Tiếp tục phát triển các phần mềm quản lý. Ứng dụng CNTT để xây dựng quy trình xử lý công việc một cửa trong Nhà trường

Tiếp tục việc quy hoạch và trồng cây xanh trong Trường. Quy hoạch lối đi riêng cho sinh viên khuyết tật., Tiến hành phân loại rác thải trong Trường.

3.10. Nâng cao chất lượng

Lấy ý kiến phản hồi cụ thể của GV, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT với CDR.

- Phát huy tính chủ động, sáng tạo của cả GV và người học đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành.

Khuyến khích GV và sinh viên tích cực tham gia NCKH, từng bước nâng cao chất lượng các công trình NCKH.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát các trang thiết bị phục vụ quá trình đào tạo và NCKH, PVCĐ.

3.11. Kết quả đầu ra

Thực hiện phân tích nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học, có dự báo tỷ lệ sinh viên thôi học để có những cơ chế chính sách hỗ trợ kịp thời, khích lệ sinh viên thực hiện kết quả đầu ra

Tiếp tục phối hợp với các bên liên quan tiến hành rà soát, nhắc nhở sinh viên kịp thời hoàn thành các điều kiện CDR, có lộ trình học đối với những sinh viên chưa hoàn thành.

Khoa và Nhà trường lập kế hoạch khảo sát về tình hình việc làm của cựu sinh viên ngành Triết học các khóa; hỗ trợ sinh viên sau tốt nghiệp, liên kết với các doanh nghiệp địa phương để giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp sau tốt nghiệp dễ dàng hơn.

Tiếp tục phát huy vai trò của giảng viên, nhóm nghiên cứu mạnh trong việc tư vấn, hỗ trợ sinh viên NCKH, khuyến khích sinh viên tham gia NCKH..

Cùng với Đoàn Hội tạo sân chơi hỗ trợ, trang bị các kỹ năng cần thiết cho người học

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Tây Nguyên

Mã:

Tên CTĐT: Triết học

Mã CTĐT: 7229001

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								4.83	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3				4.5						
Tiêu chuẩn 2								4.0	3	100%
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
Tiêu chuẩn 3								4.33	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								5	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								3.8	4	80%
Tiêu chí 5.1				4						
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5			3							

Tiêu chuẩn 6								4.85	7	100%
Tiêu chí 6.1						6				
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								4.6	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8								5.0	5	100%
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								4.4	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10								4.83	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3				4.5						
Tiêu chí 10.4				4.5						
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4.0	5	100%
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						

Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4.53	50	98.18

Ghi chú: Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí. Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

....., ngày..... tháng..... năm 20...

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Phụ lục 7. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày/...../20....

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Tây Nguyên
 - Tiếng Anh: Tay Nguyen University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHTN
 - Tiếng Anh: TNU
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ giáo dục và đào tạo
5. Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0262.3825185 Số fax 0262.3825184
7. E-mail: ttn.edu.vn Website: <https://www.ttn.edu.vn/>
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1977
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1977
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1981
11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

II. Thông tin chung về bộ môn thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: **Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin**
 - Tiếng Anh:
13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt:
 - Tiếng Anh:
14. Tên trước đây (nếu có):
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Triết học

- Tiếng Anh:

16. Mã CTĐT: 7229001

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 5 tòa nhà điều hành trung tâm 567 Lê Duẩn, thành phố BMT, Tỉnh Đắk Lắk.

19. Số điện thoại liên hệ: 02623.812.591. Số fax:

20. E-mail:.....Website:.....

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2008

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2007

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2011

III. Giới thiệu khái quát về bộ môn thực hiện chương trình đào tạo

Bộ môn *Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác-Lênin* được thành lập ngày 24 tháng 6 năm 2009 theo Quyết định số 807/QĐ-ĐHTN-TCCB của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên. Cho đến nay, Bộ môn đã không ngừng cải tiến quy trình quản lý, đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

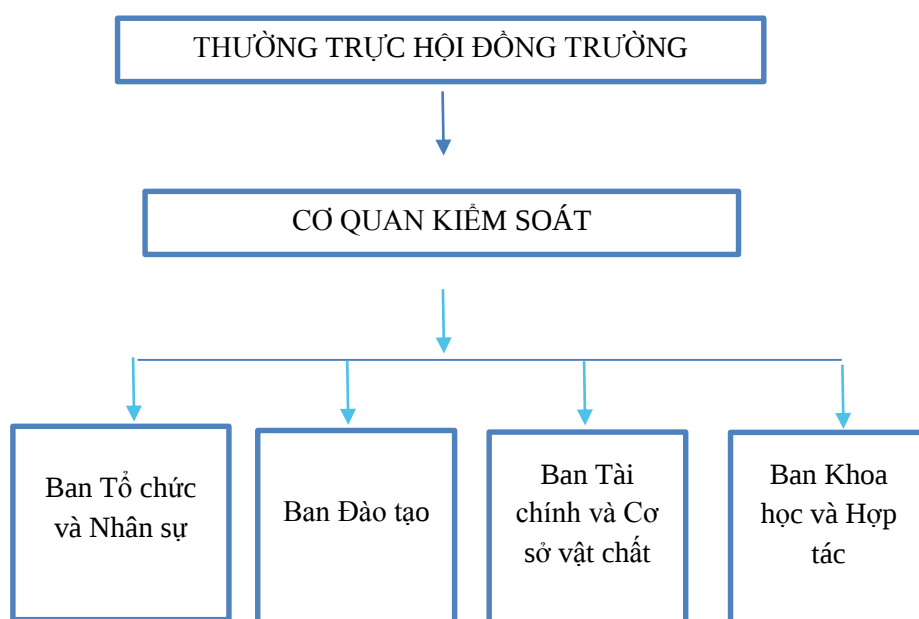
Chức năng và nhiệm vụ của bộ môn:

Quản lý đào tạo ngành Triết học, nghiên cứu khoa học, giảng dạy các học phần: Triết học Mác-Lênin cho bậc cao học; các học phần: *Nguyên lý cơ bản 1, Nguyên lý cơ bản 2* (Dành cho các lớp sinh viên Đại học khối không chuyên Lý luận chính trị từ K2018 trở về trước), *Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử các học thuyết kinh tế* cho bậc cao đẳng, đại học; Các học phần chuyên ngành cho 2 ngành đào tạo của khoa: Triết học và Giáo dục chính trị; các học phần *Lý luận chính trị, Lý luận chính trị 1* cho các lớp liên thông của Nhà trường. Ngoài ra, các giảng viên trong Bộ môn cũng tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng theo sự phân công của Khoa, Nhà trường.

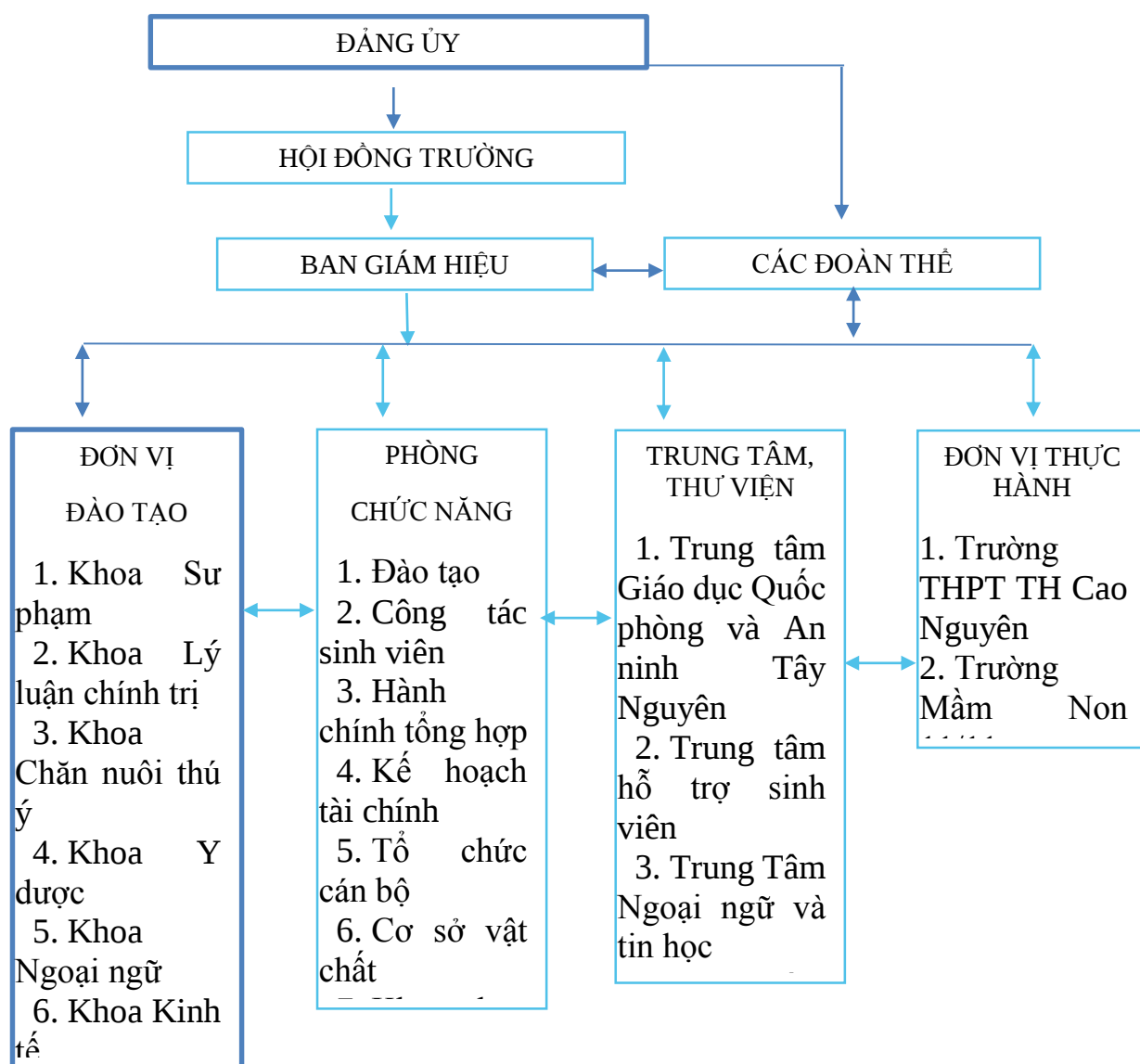
Từ khi được thành lập, các giảng viên trong Bộ môn luôn cố gắng thực hiện tốt các nhiệm vụ, cùng nhau xây dựng tập thể vững mạnh. Những cố gắng của tập thể giảng viên trong Bộ môn đã được ghi nhận qua các danh hiệu thi (lao động tiên tiến hàng năm). Trong thời gian tự đánh giá CTĐT ngành Triết học, ngoài các danh hiệu thi đua, Bộ môn đã nhận được 2 giấy khen:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2017	Giấy khen	Quyết định số 1333/QĐ-KT ngày 10 tháng 7 năm 2017; Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên
2017	Giấy khen giai đoạn 2012 - 2017	Quyết định số 2492/QĐ-ĐHTN-TĐKT ngày 30 tháng 10 năm 2017; Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên

24. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT



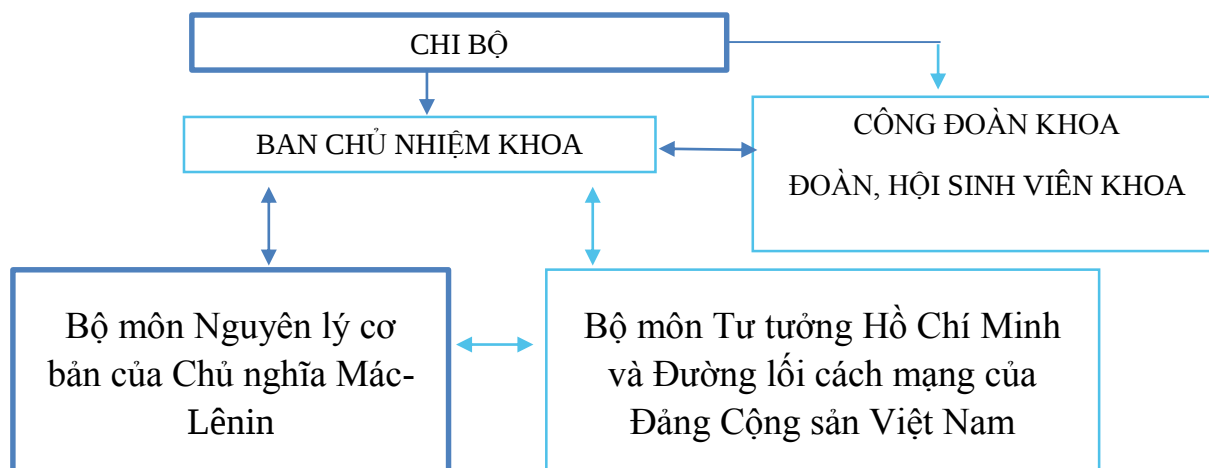
Cơ cấu bộ máy tổ chức Trường ĐHTN năm 2021 được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:



Ghi chú: Mỗi quan hệ phối hợp ↔

Chỉ đạo →

Sơ đồ tổ chức khoa Lý luận chính trị



Ghi chú: Mỗi quan hệ phối hợp ↔

Chỉ đạo →

25. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Ban lãnh đạo Trường					
1	Chủ tịch Hội đồng trường	Nguyễn Thị Tỉnh	1976	TS	0914461976	nttinh@ttn.edu.vn
2	Hiệu trưởng	Nguyễn Thanh Trúc	1979	TS	0905467699	nttructn.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Nam	1968	PGS.TS	0766789268	nvnam@ttn.edu.vn
4	Phó Hiệu trưởng	Trần Trung Dũng	1961	PGS.TS	0916084089	ttdung@ttn.edu.vn
II	Đơn vị thực hiện CTĐT					
	Lãnh đạo Khoa Lý luận chính trị					
1	Trưởng Khoa	Nguyễn Minh Hải	1979	TS	0987504608	nmhai@ttn.edu.vn
2	Phó trưởng Khoa	Nguyễn Khắc Trinh	1978	TS	0983133145	nktrinh@ttn.edu.vn
III.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1	Phó Bí thư Đảng ủy	Nguyễn Thanh Trúc	1979	TS	0905467699	nttructn.edu.vn

2	Phó Bí thư Đảng ủy	Nguyễn Thị Tĩnh	1976	TS	0914461976	nttinh@ttn.edu.vn
3	Chủ tịch Công đoàn	Nguyễn Tuấn Hùng	1963	TS	0913448299	nguyentuanhung@ttn.edu.vn
4	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Phạm Văn Thành		ThS	0774646868	pvthanh@ttn.edu.vn
5	Bí thư Đoàn Thanh niên	Vũ Nhật Phương	1987	ThS	0934773738	vnphuong@ttn.edu.vn
6	Chủ tịch Hội Sinh viên	Ngô Thế Sơn		ThS	0947288811	ntson@ttn.edu.vn
IV. Các phòng, ban						
1.	Trưởng Phòng Kế hoạch Tài chính	Lê Thế Phiệt	1979	TS	0913484099	ltphiet@ttn.edu.vn
3	Trưởng Phòng Công tác SV	Phạm Trọng Lượng	1976	TS	0915855887	ptluong@ttn.edu.vn
4	Trưởng Phòng Đào tạo	Nguyễn Phương Đại Nguyễn	1979	PGS.TS	0914032103	npdnguyen@ttn.edu.vn
5	Trưởng Phòng KH và Hợp QH Quốc tế	Văn Tiến Dũng	1963	PGS.TS	0914075140	vtdung@ttn.edu.vn
6	Trưởng Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Thanh Tân	1968	TS	0914581199	nttan@ttn.edu.vn
7	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ	Võ Hồng Sinh	1961	TS	0982134220	vhsinh@ttn.edu.vn
8	Phòng Cơ sở vật chất	Phạm Văn Thành		ThS	0774646868	pvthanh@ttn.edu.vn
9	Giám đốc TTTTV	Vũ Thị Giang	1977	CN	0907699772	vtgiang@ttn.edu.vn
10	Giám đốc TTKN SP	Vũ Minh Chiến	1978	TS	0914122004	vmchien@ttn.edu.vn
11	Giám đốc TT Ngoại ngữ tin học	Hồ Thị Phượng	1979	ThS	0934776669	hphuon@ttn.edu.vn
12	Trung tâm ĐBCL	Huỳnh Văn Quốc	1965	ThS	0912857475	hvquoc@ttn.edu.vn
13	GD. Trung tâm Hỗ trợ SV	Bùi Ngọc Tân	1982	ThS	0982898803	bntan@ttn.edu.vn
14	Giám đốc TTKHXH Nhân văn Tây Nguyên	Trương Thông Tuấn	1963	TS	0983624518	tttuan@ttn.edu.vn
IV. Các BM						

1	Trưởng BM Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	Vũ Thị Việt Anh	1977	ThS	0917984411	vtvanh@ttn.edu.vn
2	Phó trưởng BM Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	Nguyễn Thị Hải Yến	1978	ThS	0914069347	nguyenthihaiyen@ttn.edu.vn
3	Trưởng BM Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối của Đảng	Nguyễn Minh Hải	1979	TS	0987504608	nmhai@ttn.edu.vn
4	Phó trưởng BM Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối của Đảng	Nguyễn Thị Khuyên	1981	TS	0946097279	ntkhuyen@ttn.edu.vn

26. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ:

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ:

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng:

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

27. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

28. Tổng số các ngành đào tạo: 2

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

29. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	2	3	5
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và	4	8	12

	hợp đồng không xác định thời hạn			
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)			
	Tổng số	6	11	17

30. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ		4	3			
5	Thạc sĩ		1	6			
6	Đại học			2			
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	16	5	11			

31. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2		4	3				14
5	Thạc sĩ	1		1	6				7
6	Đại học	0,5			2				1
	Tổng								

32. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	7	43,75	2	5		4	3		
5	Thạc sĩ	7	43,75	3	4		5	2		
6	Đại học	2	12,5	1	1		2			
	Tổng	16	100	6	10		11	5		

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu của bộ môn: 36,63 tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 43,75%

34. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 43,75%

35. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	50
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	10	45
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20	5
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	65	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	5	0
Tổng			

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

36. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-2017	75	26	1/1,5	32	15/30	15	0
2017-2018	136	60	1/1,44	18	15,5/30	15	0

2018-2019	63	37	1/1,6	06	13/30	15	0
2019 - 2020	63	36	1/1,6	08	14/30	15	0
2020 - 2021	30	38	0/0	07	15/30	15	0

37. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	33	25	15	5	3
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

38. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018.-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học					

39. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018.-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	9664	9664	9664	9664	10.112
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	30	20	11	4	2
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	5	3	3	2	2
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	9,38	9,38	9,38	9,38	11,89

40. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018.-2019	2019-2020
Số lượng (người)	01				01
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0,83				0,83

41. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công Luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	33	25	15	5	3
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

42. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018.-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	25	18	10	4	2
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	75,75	72	66,66	80	66,66
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018.-2019	2019-2020
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018.-2019	2019-2020
- Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

43. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN							
2	Đề tài cấp Bộ*							
3	Đề tài cấp trường		1	3	4	2	2	12
4	Tổng							

44. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2016			
2	2017			
3	2018			
4	2019			
5	2020			

45. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Trên 6 đề tài			12	
Tổng số cán bộ tham gia			12	

46. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Sách chuyên khảo							
2	Sách giáo trình							
3	Sách tham khảo					5	5	
4	Sách hướng dẫn							
5	Tổng					5	5	

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách			10	
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia			10	

48. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5					3	6
2	Tạp chí khoa học cấp ngành	1,0	3	3	5	5	5	21

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
	trong nước							
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	1	1	1	1	2	3
	Tổng							

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	2	10	6
Từ 6 đến 10 bài báo			
Từ 11 đến 15 bài báo			
Trên 15 bài báo			
Tổng số cán bộ tham gia	2	10	6

50. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2016	2017	2018	2019	2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0				3		3
2	Hội thảo trong nước	0,5	2	5	5	5	6	11,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
4	Tổng							

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	3	23	
Từ 6 đến 10 báo cáo			
Từ 11 đến 15 báo cáo			
Trên 15 báo cáo			
Tổng số cán bộ tham gia	3	23	

52. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	
2017-2018	
2018-2019	
2019-2020	
2020-2021	

53. Nghiên cứu khoa học của người học

53.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			5	
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia			10	

53.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019.-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

54. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 39.689.270

55. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):

56. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 01 văn phòng bộ môn. Nơi học: giảng đường. Nơi vui chơi giải trí:

Khu thể thao – Nhà thi đấu

57. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 17234 m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: theo phân công của nhà trường

58. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin –

Thư viện: Đáp ứng yêu cầu của SV

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

59. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 01 máy tính

- Dùng cho người học học tập: 01 phòng máy

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 40

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 16

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 94,12

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 43,75%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 43,75%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 81

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 5,1

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%):

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%):

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 09/16

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 524,85/16

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 14/16

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 71/16

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 20/16

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 40

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 17234

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 2790 m²